

**UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 4518 /SVHTT-TCPC
V/v xây dựng tài liệu, cử báo cáo viên
và tổ chức tập huấn các văn bản triển
khai thi hành Luật Thủ đô số
02/2026/QH16

Hà Nội, ngày 09 tháng 7 năm 2026

Kính gửi: Sở Tư pháp thành phố Hà Nội

Căn cứ Công văn số 07/CV-HĐ ngày 03/7/2026 của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật về việc xây dựng tài liệu, cử báo cáo viên và tổ chức tập huấn các văn bản triển khai thi hành Luật Thủ đô số 02/2026/QH16; Sở Văn hóa và Thể thao báo cáo các nội dung cụ thể như sau:

1. Tài liệu chuyên đề để tuyên truyền, tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu các chính sách quy định tại các Nghị quyết, Quyết định triển khai thi hành Luật Thủ đô số 02/2026/QH16:

(có phụ lục 01 gửi kèm theo)

2. Danh sách báo cáo viên để tuyên truyền về chính sách quy định trong luật Thủ đô và các văn bản triển khai thi hành để phổ biến, tập huấn về chính sách quy định trong Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 và các văn bản triển khai thi hành theo chức năng, nhiệm vụ lĩnh vực quản lý:

(có phụ lục 02 gửi kèm theo)

Sở Văn hóa và Thể thao kính gửi Sở Tư pháp để tổng hợp./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND thành phố Hà Nội;
- Ban Giám đốc Sở;
- Chánh Văn phòng Sở;
- Lưu: VT, TCPC.



Phạm Tuấn Long

PHỤ LỤC 1

(Ban hành Kèm theo Công văn số /SVHTT-TCPC ngày tháng 7 năm 2026 của Sở Văn hóa và Thể thao)

I. Nội dung tài liệu chuyên đề pháp luật về Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND ngày 02/6/2026 của HĐND Thành phố

1. Tên Nghị quyết

Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND ngày 02/6/2026 của HĐND Thành phố Quy định mức tiền phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo trên địa bàn thành phố Hà Nội

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

2.1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ khoản 2, Điều 20 Luật Thủ đô năm 2012, HĐND Thành phố đã ban hành Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND Thành phố về việc quy định mức tiền phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa ở nội thành thành phố Hà Nội.

Ngày 23/4/2026, Luật Thủ đô số 02/2006/QH16 được thông qua, có hiệu lực từ ngày 01/7/2026 với nhiều nội dung sửa đổi quan trọng, trong đó quy định mức tiền phạt vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố cao hơn nhưng không quá 02 lần mức tiền phạt chung và thẩm quyền phạt tiền tương ứng do Chính phủ quy định đối với hành vi vi phạm hành chính tương ứng trong các lĩnh vực văn hóa, quảng cáo được kế thừa từ Luật Thủ đô năm 2024. Tại điểm b, khoản 1 điều 14 Luật Thủ đô 2026 tiếp tục giao cho “*Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức tiền phạt vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố cao hơn nhưng không quá 02 lần mức tiền phạt chung và thẩm quyền phạt tiền tương ứng do Chính phủ quy định đối với hành vi vi phạm hành chính tương ứng trong các lĩnh vực văn hóa, quảng cáo*”.

Ngày 01/5/2026, UBND Thành phố ban hành Kế hoạch số 177/KH-UBND về tổ chức thi hành Luật Thủ đô; Công văn số 2131/UBND-NC ngày 17/5/2026 của UBND Thành phố về việc điều chỉnh Kế hoạch số 177/KH-UBND ngày 01/5/2026 của UBND Thành phố về tổ chức thi hành Luật Thủ đô, trong đó nội dung xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố cụ thể hóa quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 14 Luật Thủ đô về quy định mức tiền phạt vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố cao hơn nhưng không quá 02 lần mức tiền phạt chung và thẩm quyền phạt tiền tương ứng do Chính phủ quy định đối với hành vi vi phạm hành chính tương ứng trong các lĩnh vực văn hóa, quảng cáo là một trong các nội dung được giao quy định chi tiết theo Luật Thủ đô cần ban hành, có hiệu lực từ ngày 01/7/2026 cùng với hiệu lực của Luật Thủ đô.

2.2. Cơ sở thực tiễn

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính số 88/2025/QH15.

Thủ đô Hà Nội là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá và khoa học kỹ thuật, đồng thời là nơi đặt trụ sở của các cơ quan trung ương của Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế. Với vị thế và vai trò đặc biệt quan trọng như vậy trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo, Luật Thủ đô đã được Quốc hội khóa XVI, thông qua ngày 23/4/2026 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026, trong đó quy định một số nội dung nhằm quản lý, phát triển văn hóa theo hướng hiện đại, bền vững, đồng thời đảm bảo hoạt động quảng cáo tuân thủ đúng quy định pháp luật, góp phần xây dựng hình ảnh Thủ đô văn minh, giàu bản sắc, xứng tầm với vị trí của một đơn vị hành chính đặc biệt.

Thời gian qua, Đảng, Nhà nước và chính quyền Thành phố đã ban hành nhiều chủ trương, giải pháp nhằm bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo nhằm đảm bảo mỹ quan đô thị, trật tự an toàn xã hội. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển nhanh chóng của quá trình đô thị hóa và hội nhập kinh tế, tình trạng vi phạm trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo vẫn còn diễn ra, đặc biệt là việc quảng cáo sai sự thật, treo biển quảng cáo không đúng quy định, xâm phạm cảnh quan đô thị, quảng cáo sản phẩm vi phạm thuần phong mỹ tục hoặc làm ảnh hưởng đến không gian văn hóa công cộng. Ngoài ra, mật độ dân số tăng nhanh kéo theo rất nhiều loại hình dịch vụ phục vụ nhu cầu của người dân, đặc biệt là dịch vụ văn hóa, giải trí phát triển rất mạnh mẽ, tiềm ẩn phát sinh các vi phạm, mất an ninh trật tự; là nơi thu hút đông đảo lượng khách trong nước và quốc tế đến tham quan, là môi trường thuận lợi phát triển các loại hình kinh doanh dịch vụ văn hoá, trong đó có kinh doanh karaoke, nhà hàng ăn uống có sử dụng nhạc, để đáp ứng nhu cầu thư giãn, giải trí cho người dân trên địa bàn, cũng như du khách trong và ngoài nước.

Trước tình hình trên, để đảm bảo tính răn đe trong việc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa; căn cứ khoản 2 Điều 20 Luật Thủ đô năm 2012, HĐND Thành phố đã ban hành Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND Thành phố về việc quy định mức tiền phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa ở nội thành thành phố Hà Nội. Theo đó, nội dung của Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND đã tăng mức xử phạt đối với một số hành vi vi phạm được quy định tại Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo.

Từ thực tế áp dụng Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND Thành phố, kết quả đánh giá bước đầu cho thấy các vi phạm mới phát sinh tại các quận nội thành trong lĩnh vực văn hóa đã từng bước được kiểm soát, ngăn chặn, góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của tổ chức và cá nhân trong lĩnh vực này.

Vì vậy, để thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng và phát triển Thủ đô cùng với các giải pháp quản lý nhà nước trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo hiện hành, việc thực hiện quy định nâng mức tiền phạt quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Thủ đô năm 2026 sẽ nâng cao tính răn đe và ngăn chặn các vi phạm mới phát sinh trên toàn địa bàn Thành phố. Đây là biện pháp hữu hiệu nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo, một trong những yêu cầu cấp thiết trong giai đoạn hiện nay. Từ những lý do trên, việc ban hành Nghị quyết của HĐND Thành phố (thay thế Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022) về nâng mức tiền phạt cao hơn khi thực hiện Nghị định số 87/2026/NĐ-CP ngày 27/3/2026 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo trên địa bàn thành phố Hà Nội là rất cần thiết và phù hợp với tình hình thực tiễn.

3. Mục đích ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

- Việc xây dựng, ban hành Nghị quyết nhằm quy định chi tiết nội dung tại điểm b, khoản 1, Điều 14 Luật Thủ đô giao cho HĐND Thành phố quy định về việc áp dụng mức tiền phạt vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố cao hơn nhưng không quá 02 lần mức tiền phạt chung và thẩm quyền phạt tiền tương ứng do Chính phủ quy định đối với hành vi vi phạm hành chính tương ứng trong các lĩnh vực văn hóa, quảng cáo, đồng thời phù hợp với chủ trương đường lối của Đảng, quy định của pháp luật.

- Bảo đảm sự phù hợp, đồng bộ và thống nhất, tính hợp hiến, hợp pháp trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và phù hợp với thực tiễn quản lý tại địa phương.

- Tác động: Đối với cá nhân, tổ chức: Nâng cao ý thức thượng tôn pháp luật và trách nhiệm tự giác tuân thủ quy định trong hoạt động văn hóa, kinh doanh dịch vụ văn hóa, quảng cáo. Đối với cơ quan quản lý: Tạo công cụ pháp lý sắc bén, rõ ràng cho lực lượng thanh tra, kiểm tra và người có thẩm quyền chủ động xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, tăng nguồn thu ngân sách tái đầu tư cho phát triển văn hóa.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

- Phạm vi điều chỉnh: Quy định tăng mức tiền phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo tại Nghị định số 87/2026/NĐ-CP trên địa bàn thành phố Hà Nội. Các hành vi không quy định trong Nghị quyết này và các hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả vẫn áp dụng theo Nghị định số 87/2026/NĐ-CP.

- Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị quyết này trên địa bàn Hà Nội; cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và các bên liên quan.

- Nguyên tắc áp dụng mức phạt: Áp dụng mức tiền phạt bằng 02 lần (gấp đôi) mức tiền phạt tương ứng tại Nghị định số 87/2026/NĐ-CP đối với các hành vi được liệt kê tại Phụ lục. Mức phạt trong Phụ lục là mức phạt áp dụng đối với cá nhân (trừ một số trường hợp đặc thù áp dụng cho tổ chức quy định tại khoản

1, 2, 3 Điều 57 và khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 59 của Nghị định số 87/2026/NĐ-CP). Đối với cùng một hành vi vi phạm, mức phạt của tổ chức gấp hai lần mức phạt đối với cá nhân.

- Danh mục hành vi áp dụng mức phạt tăng thêm (Phụ lục đính kèm): Gồm 53 nhóm hành vi vi phạm hành chính cụ thể thuộc các mảng:

+ Điện ảnh, Nghệ thuật biểu diễn: Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng; biểu diễn trái thuần phong mỹ tục; thi người đẹp trái phép; lưu hành bản ghi âm/ghi hình có nội dung kích động bạo lực (STT 1 - 8).

+ Lễ hội, Nếp sống văn minh: Trục lợi lễ hội; mê tín dị đoan; kinh doanh karaoke, vũ trường không phép hoặc quá giờ quy định; khiêu dâm, đồi trụy tại cơ sở kinh doanh dịch vụ (STT 9 - 18).

+ Mỹ thuật, Nhiếp ảnh, Triển lãm: Triển lãm tác phẩm có nội dung dâm ô, kích động bạo lực, xuyên tạc lịch sử (STT 19 - 23).

+ Di sản văn hóa: Không giao nộp di vật, cổ vật phát hiện; sao chép bảo vật quốc gia không phép; mua bán di sản tư liệu UNESCO (STT 24 - 35).

+ Trò chơi điện tử: Kinh doanh gần trường học dưới 200m hoặc quá giờ (STT 36 - 37).

+ Hoạt động quảng cáo: Quảng cáo trên cột điện, cây xanh; dùng từ "nhất", "tốt nhất" không chứng minh; quảng cáo xâm hại tôn nghiêm Quốc kỳ, Quốc huy; vi phạm diện tích quảng cáo trên báo chí, xuất bản phẩm, lịch bloc; vi phạm quy định biển hiệu (STT 38 - 53).

- Thẩm quyền xử phạt: Người có thẩm quyền xử phạt tương ứng với mức tiền phạt đã được nhân đôi.

- Hiệu lực thi hành: Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2026, thay thế hoàn toàn Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND Thành phố.

5. Điểm mới, đặc thù, vượt trội so với pháp luật hiện hành

Tiêu chí so sánh	Quy định chung của cả nước (Nghị định số 87/2026/NĐ-CP)	Quy định đặc thù, vượt trội của Hà Nội (Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND)
Mức phạt tiền áp dụng	Áp dụng khung phạt tiền cơ bản quy định chung trên toàn quốc đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo.	Tăng gấp 02 lần (nhân đôi) mức tiền phạt đối với các hành vi vi phạm tương ứng được quy định tại Nghị định số 87/2026/NĐ-CP (Căn cứ cơ chế đặc thù tại điểm b khoản 1 Điều 14 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16).

Mức phạt một số hành vi điển hình (đối với cá nhân)	- Quảng cáo trên cột điện, trụ điện, cây xanh nơi công cộng: Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. - Kinh doanh dịch vụ karaoke quá giờ mỗi ngày: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. - Kinh doanh dịch vụ karaoke không có giấy phép: Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng. - Kinh doanh dịch vụ vũ trường không có giấy phép: Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. - Không giao nộp di vật, cổ vật được phát hiện: Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.	- Quảng cáo trên cột điện, trụ điện, cây xanh nơi công cộng: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. - Kinh doanh dịch vụ karaoke quá giờ mỗi ngày: Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng. - Kinh doanh dịch vụ karaoke không có giấy phép: Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng. - Kinh doanh dịch vụ vũ trường không có giấy phép: Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. - Không giao nộp di vật, cổ vật được phát hiện: Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.
Phạm vi không gian áp dụng	Áp dụng chung và thống nhất tại tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	Áp dụng thống nhất trên toàn bộ địa bàn Thành phố Hà Nội (bao gồm tất cả các xã, phường trên địa bàn Thành phố). Mở rộng hoàn toàn so với Nghị quyết cũ số 26/2022/NQ-HĐND (vốn chỉ áp dụng tại khu vực các quận nội thành).
Nguyên tắc định mức tổ chức	Mức phạt quy định tại Nghị định đối với cùng một hành vi thì mức phạt tiền của tổ chức gấp 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.	Kế thừa nguyên tắc chung: Mức phạt quy định trong bảng Phụ lục là mức phạt áp dụng đối với cá nhân (trừ các điều khoản quy định rõ cho tổ chức tại Nghị định gốc). Tổ chức vi phạm sẽ gấp 02 lần mức phạt của cá nhân sau khi đã nhân đôi.
Cơ chế áp dụng chuyển tiếp	Theo nguyên tắc chung của Luật Xử lý vi phạm hành chính.	Hành vi vi phạm xảy ra trước ngày 01/7/2026 thì áp dụng quy định tại thời điểm thực hiện hành vi. Hành vi xảy ra từ ngày 01/7/2026 chính thức áp dụng mức tăng nặng theo Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND.

II. Nội dung tài liệu chuyên đề pháp luật về Nghị quyết số 30/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của HĐND Thành phố

1. Tên Nghị quyết: Nghị quyết quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ cá nhân, tổ chức cải tạo, bảo vệ khu vực có giá trị văn hóa, lịch sử, công trình kiến trúc có giá trị trên địa bàn thành phố Hà Nội (thực hiện điểm a, khoản 1 Điều 15 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16).

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

2.1. Cơ sở pháp lý

Nghị quyết số 30/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội được ban hành trên cơ sở các chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật và cơ chế đặc thù dành cho Thủ đô, cụ thể như sau:

Thứ nhất, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025 là cơ sở pháp lý quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, bảo đảm việc ban hành Nghị quyết đúng quy định của pháp luật.

Thứ hai,

“1. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định:

a) Chính sách khuyến khích, huy động nguồn lực xã hội hóa và sử dụng ngân sách nhà nước để bảo vệ, phát triển văn hóa, thể thao của Thủ đô; việc hỗ trợ cá nhân, tổ chức cải tạo, bảo vệ khu vực có giá trị văn hóa, lịch sử, công trình kiến trúc có giá trị.”

2.2. Cơ sở thực tiễn

Hà Nội là trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hóa, giáo dục, khoa học và giao lưu quốc tế; đồng thời là địa phương có số lượng di sản văn hóa lớn nhất cả nước. Trải qua hơn một nghìn năm lịch sử Thăng Long - Hà Nội, Thành phố hiện sở hữu hệ thống di sản văn hóa đặc biệt phong phú, đa dạng, bao gồm các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, các khu vực có giá trị văn hóa, lịch sử, các công trình kiến trúc có giá trị cùng nhiều không gian văn hóa truyền thống đặc sắc.

Trong những năm qua, Thành phố đã quan tâm bố trí nguồn lực đáng kể cho công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản văn hóa; đồng thời ban hành nhiều cơ chế, chính sách nhằm bảo vệ và phát huy giá trị hệ thống di sản văn hóa trên địa bàn. Nhiều di tích được tu bổ, tôn tạo; nhiều giá trị văn hóa truyền thống được bảo tồn và phát huy, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của Nhân dân, thúc đẩy phát triển du lịch văn hóa và quảng bá hình ảnh Thủ đô.

Tuy nhiên, thực tiễn hiện nay cho thấy công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn Thành phố vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Nguồn lực ngân sách nhà nước mặc dù đã được quan tâm bố trí nhưng chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu thực tế. Trong khi đó, nhiều di tích, công trình kiến trúc có giá trị và khu vực có giá trị văn hóa, lịch sử đang chịu áp lực lớn từ quá trình đô thị hóa, biến đổi công năng sử dụng, tác động của môi trường tự nhiên và sự xuống cấp theo thời gian.

Mặt khác, các quy định pháp luật hiện hành chủ yếu tập trung vào hoạt động bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đã được xếp hạng mà chưa có cơ chế đầy đủ để hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu, khảo sát, lập hồ sơ khoa học, số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu; hỗ trợ chủ sở hữu công trình kiến trúc có giá trị; hỗ trợ bảo tồn các khu vực có giá trị văn hóa, lịch sử; hỗ trợ xây dựng phương án bảo tồn và phát huy giá trị đối với các công trình kiến trúc có giá trị thuộc sở hữu nhà nước hoặc thuộc sở hữu tổ chức, cá nhân.

Bên cạnh đó, việc huy động nguồn lực xã hội tham gia bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa vẫn còn gặp nhiều khó khăn do thiếu các cơ chế khuyến khích, hỗ trợ phù hợp. Nhiều tổ chức, cá nhân có mong muốn tham gia bảo tồn di sản văn hóa nhưng chưa có cơ sở pháp lý rõ ràng để được hỗ trợ, hướng dẫn hoặc phối hợp thực hiện.

Đặc biệt, Hà Nội hiện có nhiều công trình kiến trúc có giá trị thuộc sở hữu của các cơ quan, đơn vị Trung ương; nhiều công trình kiến trúc có giá trị thuộc sở hữu tổ chức, cá nhân; nhiều khu vực có giá trị văn hóa, lịch sử như khu phố cổ, khu phố cũ, các làng cổ, các không gian văn hóa truyền thống. Đây là các đối tượng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc bảo tồn bản sắc văn hóa Thăng Long - Hà Nội nhưng hiện chưa được điều chỉnh đầy đủ bằng các cơ chế hỗ trợ chuyên biệt.

Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố để cụ thể hóa quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 15, Luật Thủ đô; thiết lập cơ chế khuyến khích, huy động nguồn lực xã hội và sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản văn hóa là hết sức cần thiết, có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo tồn các giá trị văn hóa đặc sắc của Thủ đô, phát huy nguồn lực văn hóa phục vụ phát triển bền vững và xây dựng Thủ đô Hà Nội “Văn hiến - Văn minh - Hiện đại”.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

3.1. Mục đích

- Tạo cơ sở pháp lý để triển khai thực hiện quy định của Luật Thủ đô về bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản văn hóa.

- Hình thành cơ chế huy động hiệu quả nguồn lực xã hội tham gia bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản văn hóa.

- Hỗ trợ tổ chức, cá nhân tham gia bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản văn hóa; khắc phục khoảng trống chính sách đối với công trình kiến trúc có giá trị, khu vực có giá trị văn hóa, lịch sử và các hoạt động chuẩn bị bảo tồn.

- Nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa; góp phần phát triển công nghiệp văn hóa, du lịch văn hóa và xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh.

3.2. Ý nghĩa

- Bảo đảm thể chế hóa đầy đủ, kịp thời quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 15 Luật Thủ đô; phát huy quyền chủ động của Thành phố trong việc ban hành cơ chế, chính sách đặc thù phù hợp với yêu cầu bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn Thủ đô.

- Kế thừa các cơ chế, chính sách đang phát huy hiệu quả; đồng thời bổ sung các chính sách mới đối với các nhóm đối tượng hiện chưa được điều chỉnh hoặc chưa được điều chỉnh đầy đủ trong hệ thống pháp luật hiện hành.

- Bảo đảm thống nhất, đồng bộ với quy định của pháp luật về di sản văn hóa, ngân sách nhà nước, đầu tư công, quản lý tài sản công, quy hoạch, xây dựng và các quy định pháp luật có liên quan.

- Khuyến khích, huy động tối đa các nguồn lực xã hội tham gia bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản văn hóa; ngân sách nhà nước giữ vai trò hỗ trợ, dẫn dắt và tạo động lực thúc đẩy xã hội hóa.

- Bảo đảm tính khả thi, hiệu quả, công khai, minh bạch; phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của Thành phố trong từng thời kỳ.

3.3. Tác động của Nghị quyết

Thứ nhất. Đối với cơ quan quản lý nhà nước

Nghị quyết tạo cơ sở pháp lý để các cơ quan quản lý nhà nước của Thành phố thực hiện đầy đủ thẩm quyền được giao tại Điểm a Khoản 1 Điều 15 Luật Thủ đô; đồng thời bổ sung công cụ chính sách nhằm giải quyết các nhu cầu thực tiễn trong công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản văn hóa.

Việc ban hành Nghị quyết góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước thông qua cơ chế kết hợp giữa nguồn lực ngân sách nhà nước và nguồn lực xã hội; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số và xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý di sản văn hóa trên địa bàn Thành phố.

Thứ 2. Đối với chính quyền địa phương cấp xã

Nghị quyết tạo điều kiện để chính quyền địa phương chủ động hơn trong việc đề xuất các nhiệm vụ, chương trình và đối tượng ưu tiên cần được hỗ trợ; đồng thời tăng cường vai trò phối hợp giữa chính quyền cơ sở với cộng đồng dân cư trong công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

Việc huy động các nguồn lực xã hội và sự tham gia của cộng đồng góp phần nâng cao hiệu quả quản lý di sản văn hóa tại cơ sở, phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước trong giai đoạn mới.

Thứ ba. Đối với tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc quản lý di sản văn hóa, công trình kiến trúc có giá trị

Nghị quyết tạo cơ sở để các tổ chức, cá nhân tiếp cận các cơ chế hỗ trợ của Thành phố đối với các hoạt động nghiên cứu, khảo sát, lập hồ sơ khoa học, tư vấn chuyên môn, số hóa và xây dựng phương án bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa.

Chính sách góp phần giảm khó khăn về nguồn lực, tạo điều kiện để các chủ thể chủ động tham gia bảo tồn, gìn giữ các giá trị lịch sử, văn hóa, kiến trúc đang sở hữu hoặc quản lý.

Thứ tư. Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị Trung ương đang quản lý công trình kiến trúc có giá trị trên địa bàn Thành phố

Nghị quyết tạo cơ sở pháp lý để Thành phố xem xét hỗ trợ các hoạt động bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị đối với các công trình kiến trúc có giá trị do các cơ quan, tổ chức, đơn vị Trung ương quản lý, sử dụng theo quy định và khả năng cân đối nguồn lực của Thành phố.

Qua đó góp phần tăng cường sự phối hợp giữa Thành phố với các bộ, ngành Trung ương trong công tác bảo tồn các giá trị lịch sử, văn hóa và kiến trúc đặc sắc của Thủ đô.

Thứ năm. Đối với cộng đồng dân cư nơi có di sản văn hóa

Cộng đồng dân cư là đối tượng thụ hưởng trực tiếp các lợi ích từ việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, thông qua việc cải thiện môi trường văn hóa, cảnh quan và chất lượng không gian sống.

Nghị quyết đồng thời tạo điều kiện để cộng đồng tham gia giám sát, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; góp phần nâng cao nhận thức xã hội và củng cố bản sắc văn hóa địa phương.

Thứ sáu. Đối với doanh nghiệp, tổ chức xã hội và các chủ thể tham gia xã hội hóa

Nghị quyết tạo cơ sở pháp lý rõ ràng để các doanh nghiệp, tổ chức xã hội và các chủ thể khác tham gia đóng góp, tài trợ, đồng hành cùng Nhà nước trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.

Đồng thời, việc phát huy giá trị di sản văn hóa sẽ tạo thêm điều kiện phát triển các hoạt động du lịch văn hóa, công nghiệp văn hóa và các ngành dịch vụ có liên quan.

Thứ bảy. Đối với xã hội và sự phát triển bền vững của Thủ đô

Nghị quyết góp phần bảo tồn và phát huy hệ thống giá trị văn hóa đặc sắc của Thăng Long - Hà Nội; tạo điều kiện để văn hóa trở thành nguồn lực quan trọng phục vụ phát triển bền vững.

Việc triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách của Nghị quyết sẽ góp phần nâng cao hình ảnh, vị thế và sức hấp dẫn của Thủ đô; đồng thời thúc đẩy phát

triển du lịch văn hóa, công nghiệp văn hóa và các ngành kinh tế dựa trên nền tảng sáng tạo.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Nghị quyết bao gồm 5 chương, 19 Điều, với các nội dung chủ yếu sau:

Chương I. Quy định chung (Điều 1 đến Điều 3)

Quy định phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và nguyên tắc thực hiện; xác định rõ cơ sở pháp lý, mục tiêu, định hướng và các nguyên tắc trong việc khuyến khích, huy động nguồn lực xã hội và sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức, cá nhân tham gia bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Chương II. Cơ chế khuyến khích và huy động nguồn lực xã hội (Điều 4 đến Điều 6)

Quy định các cơ chế khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư, tài trợ, viện trợ, đóng góp nguồn lực cho hoạt động bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản văn hóa; khuyến khích áp dụng phương thức đối tác công tư (PPP) và các hình thức hợp tác hợp pháp khác để huy động nguồn lực xã hội theo quy định của pháp luật; quy định nguyên tắc huy động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn lực xã hội; cơ chế ghi nhận, tôn vinh các tổ chức, cá nhân có đóng góp cho sự nghiệp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Thủ đô.

Chương III. Cơ chế hỗ trợ bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản văn hóa (Điều 7 đến Điều 12)

Quy định các nguyên tắc hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; các nội dung được xem xét hỗ trợ; cơ chế hỗ trợ đối với tổ chức, cá nhân sở hữu công trình kiến trúc có giá trị; hỗ trợ đối với khu vực có giá trị văn hóa, lịch sử; hỗ trợ đối với công trình kiến trúc có giá trị thuộc sở hữu nhà nước; đồng thời quy định tiêu chí lựa chọn đối tượng ưu tiên hỗ trợ, bảo đảm việc sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp khả năng cân đối ngân sách của Thành phố trong từng thời kỳ.

Các nội dung hỗ trợ bao gồm cả hoạt động kiểm kê, nhận diện, đánh giá giá trị, lập hồ sơ khoa học, số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu, tư vấn chuyên môn và các hoạt động chuẩn bị cần thiết phục vụ công tác bảo tồn.

Đây là chương trọng tâm của Nghị quyết, thể hiện trực tiếp việc cụ thể hóa thẩm quyền được giao tại Điểm a Khoản 1 Điều 15 Luật Thủ đô.

Chương IV. Khoa học công nghệ, chuyển đổi số và phát huy giá trị di sản văn hóa (Điều 13 đến Điều 15)

Quy định việc xây dựng, quản lý, cập nhật, khai thác, chia sẻ và sử dụng cơ sở dữ liệu số về di sản văn hóa; ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa; khuyến khích phát triển các hoạt động giáo dục, nghiên cứu, du lịch văn hóa, công

nghiệp văn hóa và các hoạt động phù hợp nhằm phát huy giá trị di sản văn hóa phục vụ cộng đồng và phát triển bền vững Thủ đô.

Chương V. Giám sát, khen thưởng và tổ chức thực hiện (Điều 16 đến Điều 19)

Quy định cơ chế giám sát của cộng đồng; chính sách khen thưởng, tôn vinh các tổ chức, cá nhân có đóng góp cho hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan trong tổ chức thực hiện Nghị quyết; bảo đảm công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và hiệu quả thi hành chính sách.

5. Điểm mới, quy định vượt trội so với pháp luật hiện hành

Thứ nhất. Quy định các nguyên tắc bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản văn hóa; hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu, kiểm kê, khảo sát, nhận diện, đánh giá giá trị, lập hồ sơ xếp hạng di tích, hồ sơ khoa học, số hóa và phát huy giá trị di sản văn hóa.

Thứ hai. Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng, tổ chức xã hội, doanh nghiệp và các chủ thể liên quan trong bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa. Quy định nguyên tắc sử dụng ngân sách nhà nước để hỗ trợ các nhiệm vụ, hoạt động thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết.

Thứ ba. Hỗ trợ đối với các công trình kiến trúc có giá trị thuộc sở hữu nhà nước hoặc do các cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng.

Thứ tư. Các hoạt động hỗ trợ theo Nghị quyết không thay thế cơ chế đầu tư công và không làm thay đổi trình tự, thủ tục, thẩm quyền quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật.

Thứ năm. Các hoạt động bảo tồn, tu bổ, tôn tạo công trình, di tích và công trình kiến trúc có giá trị. Bảo tồn và phát huy giá trị khu vực có giá trị văn hóa, lịch sử; công trình kiến trúc có giá trị gắn với quy hoạch và quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị.

Thứ sáu. Quy định về ứng dụng khoa học công nghệ, số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu và phát huy giá trị di sản văn hóa bằng công nghệ số

III. Nội dung tài liệu chuyên đề pháp luật về Nghị quyết số 31/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của HĐND Thành phố

1. Tên nghị quyết:

Nghị quyết số 31/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định một số chính sách khuyến khích, huy động nguồn lực xã hội hóa và sử dụng ngân sách nhà nước để bảo vệ, phát triển văn hóa, thể thao; chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn thành phố Hà Nội (thực hiện điểm a, điểm c khoản 1 Điều 15 của Luật Thủ đô số 02/2026/QH16).

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng nghị quyết

2.1. Cơ sở pháp lý

- Nghị quyết được xây dựng để cụ thể hóa nhiệm vụ, thẩm quyền mà Luật Thủ đô giao Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội trong việc ban hành các chính sách đặc thù về văn hóa, thể thao. Cơ sở pháp lý trực tiếp và chủ yếu gồm:

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, quy định về thẩm quyền của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố trong việc quyết định, tổ chức thực hiện các chính sách phát triển kinh tế – xã hội trên địa bàn.

- Luật Thủ đô số 02/2026/QH16, đặc biệt điểm a, điểm c khoản 1 Điều 15, giao Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích, huy động nguồn lực xã hội hóa và sử dụng ngân sách nhà nước để bảo vệ, phát triển văn hóa, thể thao; chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao của Thủ đô.

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, là căn cứ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân Thành phố.

- Luật Thư viện năm 2019 và Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18/8/2020 của Chính phủ, làm cơ sở cho các chính sách hỗ trợ thư viện ngoài công lập, thư viện cấp xã và phòng đọc thôn, tổ dân phố.

- Luật Thể dục, thể thao năm 2006, được sửa đổi, bổ sung năm 2018, làm cơ sở cho các chính sách xã hội hóa trong đào tạo, huấn luyện và chuyển nhượng vận động viên thể thao thành tích cao.

- Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành, làm cơ sở để phát huy vai trò cộng đồng, tăng cường công khai, giám sát, quản lý và vận hành các thiết chế văn hóa ở thôn, tổ dân phố.

- Ngoài các căn cứ nêu trên, Nghị quyết còn được xây dựng trên cơ sở các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư, tài sản công, xã hội hóa, văn hóa, nghệ thuật và các quy định chuyên ngành có liên quan, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất trong hệ thống pháp luật.

2.2. Cơ sở thực tiễn

Hà Nội là trung tâm chính trị – hành chính quốc gia, đồng thời là trung tâm lớn về văn hóa, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế. Thành phố có hệ thống di sản văn hóa phong phú, đời sống văn hóa đa dạng, phong trào thể dục, thể thao phát triển và nhu cầu thụ hưởng văn hóa, thể thao của Nhân dân ngày càng cao. Tuy nhiên, nguồn lực nhà nước chưa thể đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển nhanh, đồng bộ và nâng cao chất lượng phục vụ cộng đồng; việc huy động nguồn lực xã hội còn thiếu cơ chế đặc thù, đủ rõ và đủ sức khuyến khích.

Trong lĩnh vực văn hóa cơ sở, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao sau sắp xếp đơn vị hành chính còn chưa đồng bộ. Một số nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng thiếu kinh phí tổ chức hoạt động, thiếu trang thiết bị thiết yếu; hiệu quả khai thác chưa tương xứng với cơ sở vật chất đã đầu tư. Ban Chủ nhiệm nhà văn hóa là lực lượng trực tiếp quản lý, vận hành và tổ chức hoạt động tại cơ sở nhưng trước đây chưa có chính sách hỗ trợ trách nhiệm phù hợp.

Đối với thư viện và văn hóa đọc, thư viện cấp xã, phòng đọc thôn, tổ dân phố còn hạn chế về vốn tài liệu, trang thiết bị và điều kiện phục vụ. Thư viện ngoài công lập có khả năng bổ sung đáng kể dịch vụ đọc, học tập suốt đời và tiếp cận tri thức cho cộng đồng nhưng còn gặp khó khăn về chi phí thành lập, trang thiết bị, tài liệu và thuê mặt bằng.

Đối với nghệ thuật truyền thống, Hà Nội có nhiều loại hình tiêu biểu như Ca trù, Hát Xẩm, Múa rối nước, Chèo, Tuồng, Cải lương. Tuy nhiên, việc duy trì điểm diễn cố định, bảo đảm tần suất biểu diễn, thu hút khán giả và gắn hoạt động biểu diễn với du lịch văn hóa còn khó khăn; cần có chính sách hỗ trợ trực tiếp, có điều kiện và gắn với hiệu quả hoạt động thực tế.

Trong lĩnh vực thể thao, công tác phát hiện, đào tạo và huấn luyện vận động viên thành tích cao đòi hỏi thời gian dài, kinh phí lớn. Nguồn lực từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có tiềm năng nhưng chưa được huy động đầy đủ. Cơ chế xác định, bồi hoàn chi phí đào tạo khi chuyển nhượng vận động viên cũng cần được quy định rõ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của vận động viên và đơn vị đào tạo, đồng thời tái đầu tư cho thể thao thành tích cao.

Từ những yêu cầu nêu trên, việc ban hành Nghị quyết số 31/2026/NQ-HĐND là cần thiết, nhằm tạo cơ sở pháp lý riêng cho Thủ đô để huy động nguồn lực xã hội, sử dụng ngân sách nhà nước có trọng tâm, khắc phục khoảng trống của các quy định chung và nâng cao hiệu quả hoạt động văn hóa, thể thao trên địa bàn.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của nghị quyết

3.1. Mục đích

- Thể chế hóa kịp thời các quy định của Luật Thủ đô về cơ chế, chính sách đặc thù trong lĩnh vực văn hóa, thể thao.

- Tạo hành lang pháp lý minh bạch, cụ thể để khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia đầu tư, tài trợ, quản lý, vận hành và tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao.

- Kết hợp hiệu quả nguồn lực ngân sách nhà nước với nguồn lực xã hội hóa; tập trung ngân sách cho các hoạt động phục vụ cộng đồng, bảo tồn nghệ thuật truyền thống, phát triển văn hóa đọc, nâng cao hiệu quả thiết chế cơ sở và phát triển thể thao thành tích cao.

- Xác định rõ đối tượng, điều kiện, nội dung và mức hỗ trợ; bảo đảm công khai, minh bạch, đúng mục tiêu, không hỗ trợ trùng lặp và có cơ chế kiểm tra, giám sát.

3.2. Ý nghĩa

Nghị quyết là bước cụ thể hóa quan trọng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Thủ đô trong xây dựng chính sách văn hóa, thể thao phù hợp với vị trí, vai trò và điều kiện đặc thù của Hà Nội. Việc ban hành đồng thời nhóm chính sách xã hội hóa và nhóm chính sách hỗ trợ thiết chế cơ sở thể hiện quan điểm phát triển hài hòa: Nhà nước giữ vai trò định hướng, dẫn dắt và hỗ trợ có trọng tâm; cộng đồng, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội cùng tham gia đầu tư, tổ chức hoạt động và nâng cao chất lượng dịch vụ.

Nghị quyết cũng chuyển trọng tâm từ đầu tư cơ sở vật chất đơn thuần sang quan tâm đồng thời đến tổ chức hoạt động, hiệu quả phục vụ cộng đồng và trách nhiệm quản lý, vận hành. Đây là cơ sở để các thiết chế được khai thác thường xuyên, thiết thực, tránh tình trạng đầu tư nhưng hoạt động hạn chế hoặc sử dụng chưa hiệu quả.

3.3. Tác động chủ yếu

Đối với người dân và cộng đồng, Nghị quyết góp phần mở rộng khả năng tiếp cận, tham gia và thụ hưởng các hoạt động văn hóa, thể thao; nâng cao chất lượng sinh hoạt cộng đồng; tăng cơ hội tiếp cận sách, tài liệu, hoạt động nghệ thuật truyền thống và các dịch vụ văn hóa, thể thao tại cơ sở.

Đối với tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân, Nghị quyết tạo cơ chế hỗ trợ cụ thể, giúp giảm một phần chi phí ban đầu và chi phí tổ chức hoạt động; tăng tính ổn định, khả năng duy trì hoạt động phục vụ cộng đồng; khuyến khích đầu tư, hợp tác và phát triển các mô hình ngoài công lập trong lĩnh vực văn hóa, thể thao.

Đối với hoạt động quản lý nhà nước, Nghị quyết làm rõ nguyên tắc, tiêu chí và mức hỗ trợ, tạo cơ sở cho việc phân bổ nguồn lực, kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả. Việc hỗ trợ gắn với kết quả hoạt động, cam kết phục vụ cộng đồng và trách nhiệm báo cáo, quyết toán góp phần hạn chế cơ chế xin – cho, phòng ngừa hỗ trợ trùng lặp, thất thoát và lãng phí ngân sách.

Đối với ngân sách, các chính sách được thực hiện theo phân cấp, trong phạm vi khả năng cân đối và gắn với các điều kiện cụ thể. Nghị quyết không làm phát sinh tổ chức bộ máy mới, không yêu cầu tăng biên chế; việc triển khai

chủ yếu sử dụng đội ngũ, cơ quan và đơn vị hiện có, đồng thời huy động thêm nguồn lực xã hội hợp pháp.

4. Nội dung cơ bản của nghị quyết

Nghị quyết gồm 04 chương, 19 điều, được cấu trúc thành nhóm quy định chung; nhóm chính sách khuyến khích, huy động nguồn lực xã hội hóa; nhóm chính sách hỗ trợ phát triển thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; và nhóm điều khoản thi hành.

4.1. Quy định chung

Chương I gồm 04 điều, quy định phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ và nguyên tắc thực hiện. Nghị quyết áp dụng đối với 07 nhóm đối tượng, bao gồm doanh nghiệp, tổ chức ngoài công lập tổ chức biểu diễn nghệ thuật truyền thống; tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân quản lý, vận hành thiết chế ngoài công lập; tổ chức, cá nhân đào tạo vận động viên; vận động viên và các bên tham gia chuyển nhượng; hệ thống thư viện cơ sở; nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng; Ban Chủ nhiệm nhà văn hóa thôn, tổ dân phố.

Các nguyên tắc xuyên suốt là đúng thẩm quyền, đúng đối tượng, đúng mục tiêu; công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả; kết hợp ngân sách nhà nước với nguồn lực xã hội hóa; hỗ trợ gắn với phục vụ cộng đồng; một nội dung chỉ chi được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước một lần và trường hợp đáp ứng nhiều chính sách thì áp dụng chính sách có mức hỗ trợ cao nhất.

4.2. Nhóm chính sách khuyến khích, huy động nguồn lực xã hội hóa để bảo vệ, phát triển văn hóa, thể thao

Chương II xác định 05 lĩnh vực khuyến khích, huy động nguồn lực: hoạt động biểu diễn nghệ thuật truyền thống; hoạt động tại các thiết chế văn hóa, thể thao ngoài công lập; thành lập và hoạt động của thư viện ngoài công lập; đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao thành tích cao; chuyển nhượng vận động viên.

a) Chính sách bảo vệ và phát triển hoạt động biểu diễn nghệ thuật truyền thống

- Đối tượng phải có địa điểm biểu diễn phù hợp, cố định trên địa bàn Hà Nội, quy mô tối thiểu 100 chỗ ngồi; chương trình thuộc các loại hình Ca trù, Hát Xẩm, Múa rối nước, Chèo, Tuồng, Cải lương; có sự tham gia của nghệ nhân hoặc nghệ sĩ được Nhà nước phong tặng danh hiệu; thời lượng tối thiểu 60 phút/buổi và duy trì tối thiểu 48 buổi/năm.

- Hỗ trợ kinh phí tổ chức 15 buổi diễn/năm: 100 triệu đồng/buổi đối với Múa rối nước, Chèo, Tuồng, Cải lương; 50 triệu đồng/buổi đối với Ca trù, Hát Xẩm.

- Hỗ trợ truyền thông, quảng bá trên hệ thống thông tin, truyền thông của Thành phố và kết nối chương trình với các điểm đến trong tour du lịch Hà Nội.

b) Chính sách hỗ trợ hoạt động tại thiết chế văn hóa, thể thao ngoài công lập

- Áp dụng đối với thiết chế hoạt động tại các xã loại II, III; có quy mô cơ sở vật chất tối thiểu tương đương Trung tâm Văn hóa – Thể thao cấp xã; đã hoàn thành đầu tư, có đầy đủ hồ sơ pháp lý và đủ điều kiện hoạt động.

- Thiết chế phải có phương án quản lý, vận hành, kế hoạch hoạt động hằng năm; hoạt động phục vụ cộng đồng đạt tối thiểu 50% tiêu chí đánh giá hiệu quả; cam kết duy trì hoạt động thường xuyên tối thiểu 03 năm.

- Mức hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng/thiết chế/năm; thời gian hỗ trợ tối đa 03 năm kể từ năm đầu tiên đủ điều kiện.

c) Chính sách ưu đãi, hỗ trợ thư viện ngoài công lập

- Thư viện phải được thành lập và hoạt động đúng pháp luật, có quy mô tối thiểu tương đương thư viện cấp xã; mở cửa phục vụ cộng đồng tối thiểu 30 giờ/tuần hoặc bảo đảm cung cấp dịch vụ thường xuyên, liên tục trên không gian mạng; cam kết duy trì hoạt động tối thiểu 02 năm.

- Hỗ trợ một lần tối đa 100 triệu đồng để mua tài liệu; một lần tối đa 80 triệu đồng để mua trang thiết bị.

- Hỗ trợ tiền thuê mặt bằng trong 03 năm đầu hoạt động, tối đa 50% giá thuê thực tế theo hợp đồng hợp pháp nhưng không quá 100 triệu đồng/năm/thư viện.

- Hỗ trợ kết nối với hệ thống thư viện công lập để chia sẻ tài nguyên thông tin số, bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu và tuân thủ pháp luật về sở hữu trí tuệ.

d) Chính sách xã hội hóa đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao thành tích cao

- Hỗ trợ tổ chức, cá nhân trực tiếp đào tạo vận động viên đạt thành tích và được tuyển chọn vào đội tuyển hoặc đội tuyển trẻ của Thành phố; vận động viên phải cam kết tham gia tập luyện, thi đấu, cống hiến cho đoàn thể thao Hà Nội trong chu kỳ một kỳ Đại hội thể thao toàn quốc.

- Đối với vận động viên được tuyển chọn vào đội tuyển tuyển 1, mức hỗ trợ bằng 24 tháng tiền chế độ dinh dưỡng và tiền lương vận động viên đội tuyển trẻ cấp tỉnh, thành phố theo quy định hiện hành.

- Đối với vận động viên được tuyển chọn vào đội tuyển trẻ tuyển 2, mức hỗ trợ bằng 18 tháng tiền chế độ dinh dưỡng và tiền lương vận động viên đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh, thành phố theo quy định hiện hành. Kinh phí được chi trả một lần kể từ ngày vận động viên được triệu tập tập huấn.

đ) Chính sách chuyển nhượng vận động viên

- Vận động viên thuộc đội tuyển thể thao Hà Nội do Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể thao quản lý; việc chuyển nhượng phải có hợp đồng bằng văn bản, tuân thủ pháp luật và không thực hiện trong thời gian vận động viên hoặc bên nhận chuyển nhượng đang bị kỷ luật, cấm thi đấu.

- Bên nhận chuyển nhượng phải trả chi phí đào tạo cho Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể thao. Giá trị chi phí đào tạo do Sở Văn hóa và Thể thao

xác định thông qua Hội đồng chuyên môn, căn cứ thành tích, thương hiệu, thời gian đào tạo và các chi phí hợp pháp có liên quan.

- Nguồn thu từ chuyển nhượng được giao cho Trung tâm trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để tái đầu tư phát triển thể thao thành tích cao của Thành phố.

4.3. Nhóm chính sách hỗ trợ, phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở

Chương III tập trung hỗ trợ trực tiếp cho các thiết chế phục vụ cộng đồng ở cấp cơ sở, gồm thư viện cấp xã, phòng đọc thôn, tổ dân phố; nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng; Ban Chủ nhiệm nhà văn hóa. Nguồn kinh phí được bảo đảm từ ngân sách Thành phố và ngân sách cấp xã theo phân cấp.

a) Hỗ trợ thư viện cấp xã, phòng đọc thôn, tổ dân phố

- Điều kiện: đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất, được thành lập và hoạt động theo Luật Thư viện; phục vụ cộng đồng tối thiểu 40 giờ/tuần đối với thư viện cấp xã và 30 giờ/tuần đối với phòng đọc thôn, tổ dân phố.

- Hỗ trợ một lần mua trang thiết bị: tối đa 100 triệu đồng đối với thư viện cấp xã thành lập mới; 50 triệu đồng đối với thư viện cấp xã đã thành lập; 30 triệu đồng đối với phòng đọc thôn, tổ dân phố.

- Hỗ trợ hằng năm bổ sung vốn tài liệu: tối đa 50 triệu đồng/năm đối với thư viện cấp xã và 30 triệu đồng/năm đối với phòng đọc thôn, tổ dân phố.

b) Hỗ trợ nhà văn hóa, khu thể thao thôn; nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng tổ dân phố

- Điều kiện cơ bản: quy mô tối thiểu 100 chỗ ngồi; sân khấu trong hội trường tối thiểu 30 m²; sân tập thể thao đơn giản tối thiểu 250 m²; có trang thiết bị âm thanh, ánh sáng; duy trì câu lạc bộ văn hóa, thể thao và tổ chức hoạt động thu hút tối thiểu 50% số lượt người tham gia so với quy mô sự kiện, hoạt động.

- Hỗ trợ kinh phí tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao tối đa 50 triệu đồng/năm; hỗ trợ mua sắm, bổ sung, thay thế trang thiết bị thiết yếu tối đa 100 triệu đồng/thiết chế.

c) Hỗ trợ Ban Chủ nhiệm nhà văn hóa thôn, tổ dân phố

- Điều kiện gắn với việc nhà văn hóa do Ban Chủ nhiệm quản lý, vận hành đáp ứng tiêu chí cơ sở vật chất, duy trì câu lạc bộ và tổ chức hoạt động phục vụ cộng đồng theo quy định.

- Mức hỗ trợ kinh phí trách nhiệm là 05 triệu đồng/Ban Chủ nhiệm/tháng; Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc chi trả hỗ trợ tới các thành viên Ban Chủ nhiệm.

4.4. Nguồn kinh phí, tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

Kinh phí thực hiện được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp, nguồn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác. Ủy ban nhân dân Thành phố có

trách nhiệm tổ chức triển khai, ban hành hướng dẫn cụ thể, bảo đảm kinh phí, kiểm tra, thanh tra và giải trình trong quá trình thực hiện. Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các cơ quan liên quan thực hiện giám sát theo chức năng, nhiệm vụ.

Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 01/7/2026. Kể từ thời điểm này, Điều 5 Nghị quyết số 65/2025/NQ-HĐND ngày 27/11/2025 về một số nội dung, mức chi trong lĩnh vực thể thao thành tích cao hết hiệu lực. Các nội dung hỗ trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị quyết có hiệu lực tiếp tục thực hiện theo văn bản đã được phê duyệt.

5. Điểm mới, đặc thù, vượt trội so với pháp luật hiện hành

Nghị quyết số 31/2026/NQ-HĐND là văn bản cụ thể hóa trực tiếp cơ chế đặc thù được Luật Thủ đô giao cho Hội đồng nhân dân Thành phố. So với các quy định chung hiện hành, Nghị quyết có một số điểm mới, đặc thù và nổi bật sau:

5.1. Kết hợp trong một chính sách thống nhất giữa huy động nguồn lực xã hội hóa và hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách nhà nước

Pháp luật hiện hành chủ yếu quy định khung về xã hội hóa, điều kiện hoạt động hoặc chế độ tài chính chung. Nghị quyết thiết kế một hệ thống chính sách đồng bộ, vừa tạo động lực để tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia, vừa xác định rõ vai trò hỗ trợ của ngân sách đối với những hoạt động có giá trị công cộng, phục vụ cộng đồng và cần được bảo tồn, phát triển.

5.2. Quy định trực tiếp, định lượng rõ điều kiện và mức hỗ trợ

Nghị quyết xác định cụ thể các ngưỡng về quy mô, thời lượng, tần suất hoạt động, thời gian mở cửa phục vụ cộng đồng, mức độ tham gia của người dân, thời gian duy trì hoạt động và mức hỗ trợ tối đa. Cách tiếp cận này giúp nâng cao tính minh bạch, tạo căn cứ thống nhất để triển khai, kiểm tra và giám sát, hạn chế áp dụng tùy nghi.

5.3. Lần đầu có gói hỗ trợ tương đối toàn diện đối với hoạt động biểu diễn nghệ thuật truyền thống ngoài công lập

Nghị quyết không chỉ hỗ trợ kinh phí tổ chức buổi diễn mà còn hỗ trợ truyền thông, quảng bá và kết nối du lịch; đồng thời gắn hỗ trợ với việc duy trì điểm diễn, tần suất biểu diễn, thời lượng, chất lượng nghệ thuật và sự tham gia của nghệ nhân, nghệ sĩ có danh hiệu. Đây là cơ chế kết hợp bảo tồn di sản với phát triển thị trường và sản phẩm du lịch văn hóa.

5.4. Mở rộng chính sách hỗ trợ đối với thiết chế và thư viện ngoài công lập

Bên cạnh hỗ trợ đầu tư công, Nghị quyết dành chính sách cho thiết chế văn hóa, thể thao và thư viện ngoài công lập đã được thành lập, đủ điều kiện hoạt động và cam kết phục vụ cộng đồng. Chính sách hỗ trợ chi phí hoạt động, tài liệu, trang thiết bị, thuê mặt bằng và kết nối tài nguyên số tạo động lực phát triển mạng lưới dịch vụ văn hóa ngoài công lập, bổ sung cho hệ thống công lập.

5.5. Thiết lập cơ chế huy động nguồn lực xã hội trong đào tạo và chuyển nhượng vận động viên

Nghị quyết ghi nhận và hỗ trợ chi phí của tổ chức, cá nhân ngoài khu vực công lập đã phát hiện, đào tạo vận động viên có thành tích và được tuyển chọn vào đội tuyển Hà Nội. Đồng thời, cơ chế chuyển nhượng xác định rõ chi phí đào tạo, sự đồng thuận của vận động viên và việc tái đầu tư nguồn thu cho phát triển thể thao thành tích cao, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa vận động viên, đơn vị đào tạo và bên tiếp nhận.

5.6. Hỗ trợ trực tiếp cho hoạt động và con người vận hành thiết chế văn hóa cơ sở

Điểm đặc thù nổi bật là ngân sách không chỉ hỗ trợ trang thiết bị mà còn hỗ trợ kinh phí tổ chức hoạt động hằng năm và hỗ trợ trách nhiệm cho Ban Chủ nhiệm nhà văn hóa. Chính sách này khắc phục khoảng trống lâu nay khi nhiều công trình đã được đầu tư nhưng thiếu kinh phí hoạt động và thiếu nguồn lực trực tiếp tổ chức, duy trì sinh hoạt cộng đồng.

5.7. Gắn hỗ trợ ngân sách với hiệu quả phục vụ cộng đồng và trách nhiệm giải trình

Nghị quyết quy định rõ nguyên tắc không hỗ trợ trùng lặp; đối tượng thụ hưởng phải duy trì hoạt động, phục vụ cộng đồng, sử dụng kinh phí đúng mục đích, báo cáo và quyết toán; chịu kiểm tra, giám sát và xử lý nếu vi phạm. Đây là yêu cầu quan trọng để chính sách hỗ trợ thực sự tạo ra sản phẩm, hoạt động và lợi ích xã hội, thay vì chỉ dừng ở cấp phát kinh phí.

5.8. Khuyến khích quản trị hiện đại, hợp tác công – tư và ứng dụng công nghệ số

Nghị quyết khuyến khích mô hình quản trị hiện đại, tự chủ, hợp tác công – tư; ứng dụng công nghệ số trong quản lý, vận hành, khai thác thiết chế; kết nối và chia sẻ tài nguyên thông tin số. Quy định này phù hợp yêu cầu chuyển đổi số, mở rộng khả năng tiếp cận và nâng cao chất lượng phục vụ người dân.

Kết luận: Nghị quyết số 31/2026/NQ-HĐND tạo lập một khung chính sách đặc thù, đồng bộ và có tính khả thi để Hà Nội huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển văn hóa, thể thao. Việc quán triệt và tổ chức thực hiện cần tập trung vào đúng đối tượng, đúng điều kiện, công khai, minh bạch, gắn hỗ trợ với kết quả hoạt động và hiệu quả phục vụ cộng đồng; qua đó đưa chính sách nhanh chóng đi vào cuộc sống, phát huy giá trị văn hóa Thăng Long – Hà Nội và nâng cao đời sống tinh thần, thể chất của Nhân dân Thủ đô.

IV. Nội dung tài liệu chuyên đề pháp luật về Nghị quyết số 32/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của HĐND Thành phố

1. Tên Nghị quyết: Nghị quyết quy định trình tự, thủ tục bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt trên địa bàn thành phố Hà Nội (thực hiện điểm c, khoản 2 Điều 15 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16).

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

2.1. Cơ sở pháp lý

Nghị quyết số 32/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội được ban hành trên cơ sở các chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật và cơ chế đặc thù dành cho Thủ đô, cụ thể như sau:

Thứ nhất, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025 là cơ sở pháp lý quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, bảo đảm việc ban hành Nghị quyết đúng quy định của pháp luật.

Thứ hai, điểm c, khoản 2 Điều 15 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 đã xác định “2. Trên cơ sở yếu tố gốc cấu thành di tích và giá trị di tích, di sản trên địa bàn Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

...

c) Quyết định việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt sau khi tham vấn ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa ở trung ương theo trình tự, thủ tục do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định.”

2.2. Cơ sở thực tiễn

Thành phố Hà Nội hiện đang quản lý hệ thống di sản văn hóa có quy mô, mật độ và số lượng lớn nhất cả nước, bao gồm: 6.489 di tích (trong đó: 01 di tích được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới; 21 di tích quốc gia đặc biệt; 1.163 di tích quốc gia; 1.748 di tích cấp Thành phố và 3.556 di tích nằm trong danh mục kiểm kê di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh) cùng với hệ thống di sản kiến trúc nghệ thuật, làng cổ truyền thống cùng nhiều công trình có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa và cảnh quan đô thị. Đây không chỉ là nguồn tài nguyên văn hóa đặc biệt quan trọng, phản ánh chiều sâu lịch sử nghìn năm văn hiến của Thủ đô, mà còn là nền tảng để phát triển du lịch văn hóa, công nghiệp sáng tạo và xây dựng bản sắc đô thị đặc trưng của Hà Nội. Tuy nhiên, trong bối cảnh tốc độ đô thị hóa diễn ra nhanh, áp lực gia tăng dân số, phát triển hạ tầng kỹ thuật và nhu cầu khai thác không gian đô thị ngày càng lớn, công tác bảo tồn di sản đang đặt ra nhiều yêu cầu mới, đòi hỏi sự cân bằng hài hòa giữa bảo tồn yếu tố gốc cấu thành di tích với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội bền vững, thích ứng với thực tiễn quản lý hiện nay.

Việc triển khai thực hiện Điểm c, Khoản 2, Điều 15 Luật Thủ đô là căn cứ phân cấp, phân quyền triệt để và đặc biệt quan trọng, quyết định việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt từ thẩm quyền của cơ quan ở trung ương (trước đây) cho Thành phố Hà Nội để thành phố Hà Nội xây dựng, ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố là văn bản quy phạm pháp luật, tạo hành lang pháp lý vững chắc để Thành phố chủ động quyết định công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích được kịp thời, hiệu quả và đáp ứng mục tiêu, tính cấp thiết bảo tồn di sản của Thủ đô, trên cơ sở xây dựng cơ chế, quy trình và phương thức tổ chức thực hiện phù hợp, bảo đảm rút ngắn thời gian xử lý thủ tục hành chính, tăng tính chủ động của chính quyền địa phương, nâng cao trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn, đồng thời vẫn bảo đảm tuân thủ nghiêm các nguyên tắc khoa học, kỹ thuật và pháp luật về bảo tồn di sản văn hóa.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

3.1. Mục đích

1. Thể chế hóa chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước: Việc ban hành Nghị quyết nhằm thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó nhấn mạnh yêu cầu bảo tồn di sản văn hóa gắn với xây dựng Thủ đô văn hiến, văn minh, hiện đại. Đây là bước đi quan trọng để cụ thể hóa các quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 15 Luật Thủ đô năm 2026, tạo hành lang pháp lý minh bạch để thực hiện các cơ chế đặc thù về lĩnh vực di sản văn hóa trên địa bàn Thành phố.

2. Đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền và tăng cường tính chủ động của địa phương: Mục đích cốt lõi của Nghị quyết là chuyển đổi thẩm quyền thẩm định, phê duyệt quy hoạch và dự án tu bổ di tích từ các cơ quan Trung ương về cho UBND Thành phố Hà Nội và Sở Văn hóa và Thể thao chủ động thực hiện. Việc phân cấp triệt để này giúp rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục hành chính, giảm bớt các bước trung gian thỏa thuận, từ đó kịp thời triển khai các phương án cứu nguy cho những di tích đang xuống cấp nghiêm trọng hoặc có nguy cơ sập đổ.

3. Ưu tiên bảo vệ và giữ gìn tối đa yếu tố gốc cấu thành di tích: Quan điểm xây dựng Nghị quyết xác định việc bảo quản, tu bổ di tích phải tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc ưu tiên bảo vệ, giữ gìn tối đa yếu tố gốc cấu thành di tích, đảm bảo tính xác thực và toàn vẹn của di sản. Các hoạt động bảo tồn không chỉ tập trung vào công trình kiến trúc mà còn phải bảo vệ được môi trường sinh thái và cảnh quan văn hóa đặc trưng, không làm sai lệch giá trị lịch sử, văn hóa tiêu biểu của Thủ đô.

4. Kết hợp hài hòa giữa bảo tồn di sản với phát triển bền vững: Nghị quyết hướng đến sự kết hợp giữa bảo vệ di sản văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là phát triển du lịch văn hóa và công nghiệp văn hóa. Việc tu bổ, phục hồi di tích phải gắn liền với việc cải thiện chất lượng môi trường sống đô thị và nâng cao trách nhiệm, quyền giám sát của cộng đồng dân cư nơi có di tích, đảm

bảo di sản được bảo tồn bền vững và phát huy hiệu quả giá trị trong đời sống hiện đại.

3.2. Ý nghĩa

a) Nội dung của Nghị quyết

- Quy định phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và nguyên tắc thực hiện đối với hoạt động bảo tồn, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt trên địa bàn Thành phố.

- Quy định phân cấp, phân quyền cho UBND Thành phố Hà Nội quyết định việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt thuộc phạm vi quản lý của Thành phố; xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn trong tổ chức thực hiện, bảo đảm rút gọn thủ tục hành chính, nâng cao tính chủ động và kịp thời xử lý các di tích xuống cấp.

- Quy định trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện các dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công trong hoạt động bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt; quy định cơ chế phối hợp giữa cơ quan chuyên ngành di sản văn hóa với cơ quan quản lý xây dựng, quy hoạch, đầu tư công và chính quyền địa phương trong quá trình triển khai thực hiện.

- Quy định trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện, quản lý, kiểm tra, giám sát việc triển khai Nghị quyết.

b) Áp dụng thực tiễn

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính trong hoạt động bảo tồn di tích;

- Tăng cường tính chủ động, trách nhiệm và năng lực quản lý của chính quyền địa phương;

- Kịp thời triển khai các biện pháp cứu nguy đối với di tích xuống cấp nghiêm trọng;

- Bảo đảm hài hòa giữa yêu cầu bảo tồn yếu tố gốc cấu thành di tích với phát triển đô thị, du lịch văn hóa và công nghiệp văn hóa;

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, giảm chi phí tuân thủ cho cơ quan, tổ chức và chủ đầu tư dự án tu bổ di tích;

- Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa Thành phố với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong công tác quản lý di sản văn hóa.

3.3. Tác động của Nghị quyết

- Nội dung của giải pháp

Nghị quyết quy định UBND thành phố Hà Nội quyết định các nội dung về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt trên địa bàn sau khi tham vấn ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Sở Văn hóa và Thể thao là cơ quan đầu mối chủ trì tổ chức thẩm định liên ngành; đồng thời tham vấn trực tiếp các chuyên gia, nhà khoa học, cơ quan chuyên môn và cộng đồng liên quan trong quá trình xem xét hồ sơ dự án.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật

Giải pháp này cụ thể hóa cơ chế đặc thù được giao tại Luật Thủ đô năm 2026; bảo đảm phù hợp với chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền của Trung ương. Việc tham vấn Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch vẫn bảo đảm sự kiểm soát về chuyên môn, tính thống nhất và chất lượng khoa học trong hoạt động bảo tồn di tích.

Đồng thời, cơ chế mới giúp nâng cao trách nhiệm của chính quyền Thành phố trong toàn bộ quy trình quản lý, từ lập quy hoạch, thẩm định, phê duyệt đến tổ chức thực hiện và kiểm tra giám sát dự án.

- Tác động về kinh tế - xã hội

Việc rút ngắn thời gian xử lý thủ tục sẽ giúp Thành phố chủ động triển khai kịp thời các biện pháp chống xuống cấp, cứu nguy di tích và xử lý các tình huống khẩn cấp phát sinh trong thực tế.

Giải pháp này góp phần bảo vệ hiệu quả giá trị di sản văn hiến của Thủ đô; tạo điều kiện thúc đẩy phát triển du lịch văn hóa, công nghiệp sáng tạo và các hoạt động giáo dục truyền thống. Đồng thời, cơ chế phân cấp rõ ràng cũng giúp nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các sở, ngành và chính quyền cơ sở trong công tác quản lý di tích.

Ngoài ra, việc rút ngắn quy trình đầu tư còn góp phần tiết kiệm chi phí quản lý, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công và tăng hiệu quả huy động nguồn lực xã hội hóa cho bảo tồn di sản.

- Tác động đối với thủ tục hành chính

Nghị quyết giúp cắt giảm các bước trung gian không cần thiết; tích hợp một số thủ tục liên quan trong cùng quy trình xử lý hồ sơ; giảm thời gian xin ý kiến và thời gian luân chuyển hồ sơ giữa các cơ quan.

Việc đẩy mạnh tiếp nhận hồ sơ trực tuyến, chuẩn hóa biểu mẫu và phân định rõ trách nhiệm của từng cơ quan sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho chủ đầu tư, cơ quan quản lý di tích và cộng đồng dân cư.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Nghị quyết gồm 5 Chương, 32 Điều, cụ thể:

Chương I. Quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện.

Chương 2. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch và quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích

Điều 3. Trình tự trong hoạt động quy hoạch di tích.

Điều 4. Nhiệm vụ lập quy hoạch di tích.

Điều 5. Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch di tích.

Điều 6. Quy hoạch di tích.

Điều 7. Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt quy hoạch di tích.

Điều 8. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch và quy hoạch di tích.

Điều 9. Điều chỉnh quy hoạch di tích.

Điều 10. Công bố và quản lý quy hoạch di tích.

Chương III. Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu sửa cấp thiết di tích

Điều 11. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị có ý kiến tham vấn đề lập dự án tu bổ di tích.

Điều 12. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

Điều 13. Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

Điều 14. Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.

Điều 15. Hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.

Điều 16. Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

Điều 17. Hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

Điều 18. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

Điều 19. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

Điều 20. Điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

Điều 21. Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu sửa cấp thiết di tích.

Chương IV. Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích và thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích

Điều 22. Thẩm quyền lập Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích.

Điều 23. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích.

Điều 24. Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích

Điều 25. Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích.

Điều 26. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích.

Điều 27. Hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích.

Điều 28. Nội dung thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích.

Điều 29. Điều chỉnh Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích.

Chương V. điều khoản thi hành

Điều 30. Tổ chức thực hiện

Điều 31. Hiệu lực thi hành

Điều 32. Điều khoản chuyển tiếp

5. Điểm mới, quy định vượt trội so với pháp luật hiện hành

- **Thứ nhất**, Phân cấp, phân quyền mạnh mẽ và triệt để

Đây là điểm vượt trội quan trọng nhất, chuyển đổi thẩm quyền từ cơ quan trung ương về địa phương:

- Thành phố chủ trì quyết định: Thay vì Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì thẩm định và phê duyệt các quy hoạch, dự án tu bổ di tích quốc gia và quốc gia đặc biệt, UBND Thành phố Hà Nội sẽ trực tiếp chủ trì các nội dung này sau khi tham vấn ý kiến chuyên môn của cơ quan văn hóa ở Trung ương.

- Mở rộng thẩm quyền phê duyệt quy hoạch: Chủ tịch UBND Thành phố có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch và quy hoạch di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt trên địa bàn, thay vì trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt như quy định chung.

- Phân cấp cho cơ sở: Giao quyền cho UBND cấp xã hoặc cơ quan quản lý di tích trực thuộc Thành phố làm chủ đầu tư đối với một số dự án, giúp rút ngắn khoảng cách quản lý và huy động nguồn lực tại chỗ.

- **Thứ hai**, Cải cách thủ tục hành chính và rút ngắn thời gian giải quyết

Nghị quyết tập trung cắt giảm tối đa các khâu trung gian, dự kiến giúp giảm từ 15% đến 20% tổng thời gian giải quyết các thủ tục.

Thứ ba, Tích hợp thủ tục và cơ chế "Một cửa liên thông"

Nghị quyết thực hiện các phương án lồng ghép để xử lý nhanh hồ sơ:

- Tích hợp "2 trong 1": Văn bản xác nhận tình trạng xuống cấp của di tích được lồng ghép với nội dung tham gia ý kiến chuyên ngành về quy mô, chủ trương đầu tư.

- Loại bỏ độ trễ luân chuyển: Việc tập trung thẩm quyền tại Thành phố giúp loại bỏ thời gian chờ đợi văn bản luân chuyển qua lại giữa địa phương và các cơ quan Trung ương.

Thứ 4, Chủ động và kịp thời trong tình huống khẩn cấp

Cơ chế mới cho phép Thành phố phản ứng nhanh hơn với các yêu cầu thực tiễn:

- Quy trình tu bổ cấp thiết: Thiết lập quy trình rút gọn đặc biệt đối với di tích có nguy cơ đổ sập hoặc phục vụ nhiệm vụ chính trị, với thời hạn thẩm định và phê duyệt chỉ từ 05 đến 07 ngày làm việc.

- Chủ động kế hoạch vốn: Quy trình đầu tư ngắn gọn giúp đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công và huy động vốn xã hội hóa hiệu quả hơn.

Thứ 5, Ứng dụng khoa học công nghệ và Chuyển đổi số

Nghị quyết thúc đẩy mạnh mẽ việc hiện đại hóa công tác quản lý di sản:

- Số hóa và Công nghệ 3D: Quy định về việc số hóa hồ sơ, xây dựng cơ sở dữ liệu số và ứng dụng công nghệ quét 3D để lưu trữ, quản lý và theo dõi hiện trạng di tích lâu dài.

- Minh bạch dữ liệu: Các giải pháp công nghệ giúp nâng cao tính chính xác, minh bạch và khả năng chia sẻ dữ liệu trong quản lý nhà nước đối với di sản.

V. Nội dung tài liệu chuyên đề pháp luật về Nghị quyết số 33/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Tên Nghị quyết: Nghị quyết quy định về một số cơ chế quản lý và khai thác hoạt động quảng cáo trên địa bàn thành phố Hà Nội (thực hiện điểm đ khoản 1 Điều 15 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16).

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

2.1. Cơ sở pháp lý

Ngày 23/4/2026, Quốc hội đã thông qua Luật Thủ đô số 02/2026/QH16, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026. Luật Thủ đô đã quy định nhiều cơ chế, chính sách đặc thù nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế của Thủ đô, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa và xây dựng đô thị văn minh, hiện đại.

Tại điểm đ khoản 1 Điều 15 Luật Thủ đô quy định Hội đồng nhân dân Thành phố được giao thẩm quyền quy định cơ chế quản lý, khai thác hoạt động quảng cáo trên địa bàn Thành phố. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để Thành phố xây dựng cơ chế đặc thù phù hợp với điều kiện thực tiễn, yêu cầu phát triển đô thị và phát huy hiệu quả nguồn lực từ các vị trí quảng cáo, không gian quảng cáo thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

Điểm đ khoản 1 Điều 15 Luật Thủ đô không tạo ra một cơ chế quản lý mới đối với toàn bộ hoạt động quảng cáo, mà cho phép Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền ban hành cơ chế đặc thù nhằm quản lý và khai thác hiệu quả các vị trí quảng cáo ngoài trời thuộc phạm vi quản lý của Nhà nước trên địa bàn Thành phố. Trên cơ sở đó, Nghị quyết tập trung điều chỉnh việc quản lý, khai thác các vị trí quảng cáo như một nguồn lực công phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, không điều chỉnh nội dung quảng cáo, quyền và nghĩa vụ của người quảng cáo hoặc các hoạt động quảng cáo đã được Luật Quảng cáo và các luật chuyên ngành quy định.

Thực hiện Luật Thủ đô, UBND Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 177/KH-UBND ngày 01/5/2026 về tổ chức thi hành Luật Thủ đô; Công văn số 2131/UBND-NC ngày 17/5/2026 về điều chỉnh Kế hoạch số 177/KH-UBND, trong đó giao nhiệm vụ xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định cơ chế quản lý, khai thác hoạt động quảng cáo trên địa bàn thành phố Hà Nội để bảo đảm có hiệu lực đồng thời với Luật Thủ đô.

Nội dung Nghị quyết tập trung điều chỉnh việc quản lý và khai thác các vị trí quảng cáo ngoài trời thuộc phạm vi quản lý của Nhà nước bao gồm: hình thức khai thác; cơ chế phối hợp quản lý; cơ chế tài chính; quyền, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; không điều chỉnh hoạt động quảng cáo trên báo chí, môi trường mạng, nền tảng số, quảng cáo xuyên biên giới, quảng cáo trên phương tiện giao thông hoặc hoạt động quảng cáo tại các vị trí

thuộc quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật chuyên ngành

2.2. Cơ sở thực tiễn

Hà Nội là trung tâm chính trị, hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hóa, kinh tế, thương mại, du lịch và giao lưu quốc tế. Quá trình phát triển đô thị, xây dựng kết cấu hạ tầng và mở rộng không gian công cộng đã hình thành nhiều vị trí có tiềm năng khai thác quảng cáo, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, chỉnh trang đô thị và phát triển công nghiệp văn hóa.

Theo Quy hoạch quảng cáo ngoài trời được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1997/QĐ-UBND ngày 24/4/2018, trên địa bàn Thành phố có 930 vị trí quảng cáo ngoài trời. Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện quy hoạch còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc do sự thay đổi của hệ thống pháp luật liên quan đến đất đai, đầu tư, đấu giá, xây dựng, giao thông và các quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành.

Thực tiễn triển khai cho thấy, mặc dù Thành phố đã có quy hoạch quảng cáo ngoài trời nhưng chưa hình thành được cơ chế quản lý thống nhất đối với toàn bộ các vị trí quảng cáo thuộc phạm vi quản lý của Nhà nước. Việc quản lý các vị trí quảng cáo hiện còn phân tán theo từng lĩnh vực quản lý chuyên ngành, chưa xây dựng được Danh mục vị trí quảng cáo làm cơ sở công khai thông tin, quản lý tập trung và tổ chức khai thác thống nhất.

Bên cạnh đó, cùng với quá trình đô thị hóa và phát triển kinh tế số, nhiều loại hình quảng cáo ứng dụng công nghệ mới phát triển nhanh, đặc biệt là hệ thống màn hình LED, LCD, quảng cáo kết hợp chỉnh trang đô thị, trang trí mỹ thuật đô thị và xã hội hóa đầu tư các công trình công cộng. Các mô hình này không chỉ phục vụ hoạt động quảng cáo mà còn góp phần nâng cao chất lượng không gian kiến trúc, cảnh quan đô thị, tạo nguồn lực cho đầu tư phát triển hạ tầng và tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

Tuy nhiên, việc quản lý và khai thác các vị trí quảng cáo trên địa bàn Thành phố hiện còn phân tán theo từng lĩnh vực, từng loại tài sản và từng cơ quan quản lý; chưa phát huy đầy đủ giá trị kinh tế của các vị trí quảng cáo theo quy hoạch; chưa hình thành được cơ chế quản lý, khai thác thống nhất, công khai, minh bạch để thu hút nguồn lực xã hội tham gia đầu tư phát triển hạ tầng quảng cáo hiện đại gắn với chỉnh trang đô thị. Trong khi đó, các quy định hiện hành chủ yếu tập trung điều chỉnh hoạt động quảng cáo, chưa có cơ chế cụ thể về quản lý, khai thác các vị trí quảng cáo nhằm phát huy hiệu quả nguồn lực từ tài nguyên quảng cáo và tạo nguồn thu của các vị trí quảng cáo.

Đồng thời, giá trị kinh tế của nhiều vị trí quảng cáo có lợi thế thương mại chưa được khai thác tương xứng. Cơ chế hiện hành chủ yếu quản lý việc lắp đặt công trình quảng cáo và hoạt động quảng cáo mà chưa có cơ chế riêng đối với việc quản lý, khai thác giá trị của các vị trí quảng cáo thuộc phạm vi quản lý của

Nhà nước thông qua các hình thức công khai, minh bạch như đấu giá quyền khai thác hoặc các hình thức khai thác theo quy định của pháp luật.

Hiện nay, đối với các vị trí quảng cáo gắn với tài sản công, Nhà nước chủ yếu thu được tiền thuê, tiền sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật. Đối với các vị trí quảng cáo trên đất, công trình thuộc sở hữu tư nhân, việc khai thác chủ yếu do doanh nghiệp và chủ sở hữu tự thỏa thuận, trong khi Nhà nước chỉ thu các khoản thuế phát sinh theo quy định. Do đó, giá trị kinh tế từ các vị trí quảng cáo, đặc biệt là giá trị phát sinh từ lợi thế vị trí và khả năng khai thác thương mại, chưa được quản lý và khai thác hiệu quả để phục vụ mục tiêu phát triển chung của Thành phố.

Để cụ thể hóa quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 15 Luật Thủ đô và thực hiện thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố trong việc quy định cơ chế quản lý, khai thác các vị trí quảng cáo, việc xây dựng Nghị quyết quy định cơ chế quản lý và khai thác các vị trí quảng cáo ngoài trời thuộc phạm vi quản lý của Nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội là cần thiết. Nghị quyết nhằm tạo cơ sở pháp lý để quản lý thống nhất, công khai, minh bạch các vị trí quảng cáo theo quy hoạch; tổ chức khai thác hiệu quả các vị trí quảng cáo thuộc phạm vi quản lý của Nhà nước, trong đó có việc đấu giá quyền khai thác vị trí quảng cáo theo quy định của pháp luật; phát huy giá trị kinh tế của tài nguyên quảng cáo, tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước; đồng thời huy động nguồn lực xã hội tham gia đầu tư phát triển hạ tầng quảng cáo hiện đại gắn với chỉnh trang đô thị, nâng cao chất lượng không gian công cộng và phát triển công nghiệp văn hóa.

Do phạm vi quản lý và khai thác các vị trí quảng cáo trên địa bàn Thành phố liên quan đến nhiều loại tài sản, nhiều chủ thể quản lý và các loại hình quảng cáo mới đang tiếp tục được hoàn thiện khung pháp lý, Nghị quyết tập trung quy định cơ chế quản lý và khai thác đối với các vị trí quảng cáo ngoài trời thuộc phạm vi quản lý của Nhà nước trên địa bàn Thành phố. Đây là nhóm vị trí mà Thành phố có đầy đủ thẩm quyền quản lý và đủ điều kiện để tổ chức khai thác tập trung, bảo đảm tính khả thi trong tổ chức thực hiện, đồng thời tạo cơ sở thực tiễn cho việc nghiên cứu, hoàn thiện các cơ chế quản lý, khai thác đối với các nhóm vị trí quảng cáo khác trong thời gian tới.

Việc xây dựng Danh mục vị trí quảng cáo và cơ sở dữ liệu số về vị trí quảng cáo có ý nghĩa quan trọng trong việc hiện đại hóa công tác quản lý nhà nước. Đây là căn cứ để tổ chức công khai thông tin về các vị trí quảng cáo, quản lý thống nhất trên toàn địa bàn Thành phố, phục vụ công tác quy hoạch, tổ chức đấu giá quyền khai thác, kiểm tra, giám sát và từng bước hình thành hệ thống quản lý quảng cáo trên nền tảng số.

Từ những lý do nêu trên, việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định cơ chế quản lý và khai thác các vị trí quảng cáo ngoài trời thuộc phạm vi quản lý của Nhà nước trên địa bàn Thành phố là cần thiết, phù hợp với quy định của Luật Thủ đô, đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu quả

quản lý, khai thác nguồn lực từ các vị trí quảng cáo và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô trong giai đoạn hiện nay

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

3.1. Mục đích

a) Cụ thể hóa quy định của Luật Thủ đô

Triển khai thực hiện điểm đ khoản 1 Điều 15 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 về việc Hội đồng nhân dân Thành phố quy định cơ chế quản lý, khai thác hoạt động quảng cáo; tạo cơ sở pháp lý để tổ chức quản lý, khai thác hiệu quả các vị trí quảng cáo thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

b) Khai thác hiệu quả nguồn lực phục vụ phát triển Thủ đô.

Khai thác hiệu quả nguồn lực từ các vị trí quảng cáo thuộc phạm vi quản lý của Thành phố; huy động nguồn lực xã hội tham gia đầu tư, chỉnh trang đô thị, phát triển hạ tầng quảng cáo hiện đại; góp phần phát triển công nghiệp văn hóa, nâng cao chất lượng không gian công cộng của Thủ đô.

c) Thiết lập cơ chế quản lý thống nhất các vị trí quảng cáo

Xây dựng cơ chế quản lý thống nhất đối với các vị trí quảng cáo ngoài trời thuộc phạm vi quản lý của Nhà nước trên địa bàn Thành phố; hình thành Danh mục vị trí quảng cáo được quản lý tập trung, công khai, minh bạch; tạo cơ sở để tổ chức khai thác hiệu quả các vị trí quảng cáo thông qua đấu giá quyền khai thác và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

d) Huy động nguồn lực xã hội, thúc đẩy đầu tư phát triển

Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, khai thác vị trí quảng cáo theo quy định của pháp luật; khuyến khích ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển hạ tầng quảng cáo hiện đại, đồng bộ, phù hợp với định hướng xây dựng đô thị thông minh và phát triển công nghiệp văn hóa của Thủ đô.

đ) Góp phần chỉnh trang đô thị, nâng cao chất lượng không gian công cộng

Gắn việc khai thác vị trí quảng cáo với chỉnh trang đô thị, trang trí mỹ thuật đô thị, phát triển không gian công cộng, tuyên truyền nhiệm vụ chính trị; bảo đảm phù hợp với quy hoạch, cảnh quan kiến trúc và yêu cầu phát triển đô thị văn minh, hiện đại.

3.2. Ý nghĩa

Việc ban hành Nghị quyết số 33/2026/NQ-HĐND có ý nghĩa quan trọng về chính trị, pháp lý, kinh tế - xã hội và công tác quản lý đô thị, góp phần cụ thể hóa cơ chế, chính sách đặc thù của Luật Thủ đô năm 2026 trong lĩnh vực quản lý và khai thác các vị trí quảng cáo ngoài trời thuộc phạm vi quản lý của Nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Về phương diện pháp lý, Nghị quyết là sự cụ thể hóa quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 15 Luật Thủ đô năm 2026, tạo cơ sở pháp lý để thành phố Hà Nội thực hiện thống nhất việc quản lý và khai thác các vị trí quảng cáo ngoài trời

thuộc phạm vi quản lý của Nhà nước trên địa bàn Thành phố theo cơ chế đặc thù được Quốc hội giao; đồng thời bảo đảm sự đồng bộ với các quy định của pháp luật về quảng cáo, đất đai, xây dựng, giao thông đường bộ, quản lý tài sản công và các quy định pháp luật có liên quan.

Về phương diện quản lý nhà nước, Nghị quyết tạo bước chuyển từ phương thức quản lý chủ yếu theo từng hồ sơ, từng vị trí phát sinh sang phương thức quản lý chủ động thông qua Danh mục vị trí quảng cáo và cơ sở dữ liệu số. Qua đó nâng cao tính công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và người dân tiếp cận thông tin về các vị trí quảng cáo.

Về phương diện phát triển kinh tế - xã hội, Nghị quyết tạo cơ chế khai thác hiệu quả các vị trí, công trình quảng cáo thuộc phạm vi quản lý của Nhà nước, phát huy giá trị nguồn lực từ không gian quảng cáo, tăng nguồn thu cho ngân sách, đồng thời huy động các nguồn lực xã hội tham gia đầu tư phát triển hệ thống quảng cáo hiện đại, gắn với chỉnh trang đô thị, phát triển hạ tầng kỹ thuật và nâng cao chất lượng không gian công cộng của Thủ đô.

Đối với tổ chức, doanh nghiệp và nhà đầu tư, Nghị quyết thiết lập môi trường đầu tư minh bạch, bình đẳng trong khai thác hoạt động quảng cáo thông qua các cơ chế phù hợp với quy định của pháp luật; tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp đầu tư ứng dụng công nghệ mới, phát triển các loại hình quảng cáo hiện đại, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh và khả năng cạnh tranh.

Đối với sự phát triển của Thủ đô, Nghị quyết góp phần xây dựng hệ thống quảng cáo văn minh, hiện đại, bảo đảm hài hòa giữa yêu cầu phát triển kinh tế với bảo tồn cảnh quan, kiến trúc, di sản văn hóa và mỹ quan đô thị; nâng cao hiệu quả tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị, phục vụ lợi ích công cộng, thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa, chuyển đổi số và xây dựng Hà Nội trở thành đô thị văn hiến, văn minh, hiện đại theo định hướng của Luật Thủ đô năm 2026.

3.3. Tác động của Nghị quyết

Việc triển khai Nghị quyết số 33/2026/NQ-HĐND dự kiến sẽ tạo nhiều tác động tích cực đối với công tác quản lý nhà nước, hoạt động quảng cáo và sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội.

Đối với công tác quản lý nhà nước, việc hình thành Danh mục vị trí quảng cáo và bản đồ số vị trí quảng cáo sẽ tạo nền tảng để chuyển đổi phương thức quản lý từ quản lý thủ công sang quản lý trên môi trường số; tăng cường khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu với các lĩnh vực đất đai, quy hoạch, xây dựng, giao thông và tài sản công, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý tổng thể đối với hoạt động quảng cáo ngoài trời.

Đối với tổ chức, doanh nghiệp và nhà đầu tư, Nghị quyết tạo môi trường đầu tư ổn định, minh bạch và bình đẳng thông qua việc quy định rõ nguyên tắc quản lý, hình thức khai thác và cơ chế đấu giá quyền khai thác các vị trí quảng

cáo thuộc phạm vi quản lý của Nhà nước; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư ứng dụng công nghệ hiện đại, phát triển các loại hình quảng cáo văn minh, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh và năng lực cạnh tranh của ngành quảng cáo.

Đối với việc khai thác nguồn lực phục vụ phát triển Thủ đô, Nghị quyết góp phần phát huy hiệu quả giá trị kinh tế của các vị trí, công trình quảng cáo thuộc phạm vi quản lý của Nhà nước; tăng nguồn thu cho ngân sách, đồng thời huy động các nguồn lực xã hội tham gia đầu tư phát triển hạ tầng quảng cáo, chỉnh trang đô thị, trang trí mỹ thuật đô thị và phát triển không gian công cộng theo hướng hiện đại, đồng bộ.

Đối với người dân và cộng đồng, Nghị quyết góp phần xây dựng môi trường quảng cáo văn minh, hiện đại, phù hợp với quy hoạch, bảo đảm mỹ quan đô thị, an toàn giao thông, cảnh quan kiến trúc và bảo vệ môi trường; đồng thời nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, cổ động trực quan, phục vụ kịp thời các nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ công ích và nhu cầu tiếp cận thông tin của Nhân dân.

Về lâu dài, Nghị quyết góp phần thực hiện hiệu quả các mục tiêu của Luật Thủ đô năm 2026 về phát huy các cơ chế, chính sách đặc thù của Thủ đô; nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài sản công, khai thác hợp lý nguồn lực từ hoạt động quảng cáo; thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa, chuyển đổi số trong quản lý hoạt động quảng cáo và xây dựng Hà Nội trở thành đô thị văn hiến, văn minh, hiện đại, có môi trường đầu tư hấp dẫn và không gian đô thị chất lượng cao.

3.4. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

Nghị quyết được xây dựng trên cơ sở phân định rõ phạm vi điều chỉnh giữa Luật Quảng cáo và cơ chế đặc thù theo Luật Thủ đô. Theo đó, Nghị quyết không quy định lại các nội dung về hoạt động quảng cáo đã được Luật Quảng cáo điều chỉnh mà tập trung xây dựng cơ chế quản lý và khai thác các vị trí quảng cáo ngoài trời thuộc phạm vi quản lý của Nhà nước trên địa bàn Thành phố. Quan điểm này nhằm phát huy hiệu quả nguồn lực từ các vị trí quảng cáo, bảo đảm công khai, minh bạch trong tổ chức khai thác, đồng thời tạo môi trường đầu tư thuận lợi, phù hợp với yêu cầu phát triển đô thị hiện đại của Thủ đô.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

4.1. *Bố cục của Nghị quyết gồm 4 Chương và 19 Điều*

Chương I. Những quy định chung, quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ và các nguyên tắc quản lý, khai thác hoạt động quảng cáo trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Chương II. Quản lý và khai thác hoạt động quảng cáo, quy định về quản lý Danh mục vị trí quảng cáo; nguyên tắc quản lý, khai thác các vị trí quảng cáo thuộc phạm vi quản lý của Nhà nước; đấu giá quyền khai thác; sử dụng vị trí

quảng cáo phục vụ nhiệm vụ chính trị; cơ chế xã hội hóa; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các nội dung liên quan đến quản lý, khai thác hoạt động quảng cáo.

Chương III. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, quy định trách nhiệm của UBND Thành phố, các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân trong quản lý, khai thác hoạt động quảng cáo.

Chương IV. Điều khoản thi hành, quy định về điều khoản chuyển tiếp, hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện Nghị quyết.

4.2. Nội dung cơ bản của các chính sách

(1). Chính sách về nguyên tắc quản lý và khai thác hoạt động quảng cáo

Nghị quyết quy định các nguyên tắc quản lý và khai thác hoạt động quảng cáo trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật; công khai, minh bạch, bình đẳng trong tiếp cận và khai thác các vị trí quảng cáo; hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, tổ chức, cá nhân và cộng đồng; gắn hoạt động quảng cáo với bảo vệ cảnh quan, kiến trúc đô thị, bảo tồn di sản văn hóa, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững Thủ đô.

(2). Chính sách về xây dựng, quản lý và công bố Danh mục vị trí quảng cáo

Nghị quyết quy định việc xây dựng, rà soát, cập nhật, công bố và quản lý thống nhất Danh mục vị trí quảng cáo thuộc phạm vi quản lý của Nhà nước trên địa bàn Thành phố. Danh mục vị trí quảng cáo không chỉ là công cụ quản lý nhà nước mà còn là cơ sở để công khai thông tin, tạo điều kiện bình đẳng cho tổ chức, cá nhân tiếp cận các vị trí quảng cáo và tổ chức khai thác theo quy định của pháp luật.

(3). Chính sách về khai thác các vị trí quảng cáo thuộc phạm vi quản lý của Nhà nước

Việc lựa chọn hình thức khai thác được thực hiện theo quy định của pháp luật; đối với các vị trí đủ điều kiện, Thành phố thực hiện đấu giá quyền khai thác nhằm bảo đảm công khai, minh bạch, sử dụng hiệu quả tài sản công và phát huy giá trị thương mại của các vị trí quảng cáo.

(4). Chính sách về quản lý hoạt động quảng cáo gắn với nhiệm vụ chính trị và lợi ích công cộng

Nghị quyết quy định việc sử dụng các vị trí quảng cáo để phục vụ tuyên truyền nhiệm vụ chính trị, các sự kiện trọng đại của đất nước và Thủ đô, hoạt động thông tin, tuyên truyền phục vụ lợi ích công cộng. Đồng thời quy định nguyên tắc bảo đảm hài hòa giữa yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của Thành phố với quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân đang khai thác vị trí quảng cáo.

(5). Chính sách về xã hội hóa đầu tư phát triển hệ thống quảng cáo

Nghị quyết khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng, quản lý và khai thác các công trình quảng cáo hiện đại; ứng dụng công nghệ mới

trong hoạt động quảng cáo; kết hợp đầu tư quảng cáo với chỉnh trang đô thị, phát triển kết cấu hạ tầng, không gian công cộng và các công trình phục vụ cộng đồng; góp phần huy động nguồn lực xã hội phục vụ phát triển Thủ đô.

(6). Chính sách về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và yêu cầu đối với công trình quảng cáo

Nghị quyết quy định việc áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phù hợp với đặc thù của Thủ đô đối với công trình quảng cáo, bảo đảm yêu cầu về mỹ quan đô thị, cảnh quan kiến trúc, an toàn công trình, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường và bảo tồn các giá trị văn hóa, lịch sử. Đồng thời giao Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định cụ thể các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo thẩm quyền.

(7). Chính sách về chuyên đổi số trong quản lý hoạt động quảng cáo

Nghị quyết quy định việc xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu, bản đồ số về vị trí quảng cáo; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, theo dõi, kiểm tra, giám sát và khai thác hoạt động quảng cáo; từng bước hiện đại hóa công tác quản lý nhà nước, nâng cao tính công khai, minh bạch và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong tiếp cận thông tin.

(8). Chính sách về trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân

Nghị quyết quy định rõ trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, các sở, ban, ngành, chính quyền địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc quản lý, khai thác hoạt động quảng cáo; xác định rõ trách nhiệm phối hợp trong xây dựng Danh mục vị trí quảng cáo, tổ chức đấu giá quyền khai thác, quản lý, kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm, bảo đảm việc triển khai Nghị quyết thống nhất, đồng bộ và hiệu quả.

(9). Chính sách về tổ chức thực hiện và điều khoản thi hành

Nghị quyết quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội trong việc ban hành các văn bản hướng dẫn, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện; đồng thời quy định các nội dung chuyển tiếp, hiệu lực thi hành và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện, bảo đảm các cơ chế quản lý và khai thác hoạt động quảng cáo được triển khai thống nhất trên địa bàn Thành phố.

5. Điểm mới, quy định vượt trội so với pháp luật hiện hành

Nghị quyết số 33/2026/NQ-HĐND là văn bản quy phạm pháp luật được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành trên cơ sở thẩm quyền quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 15 Luật Thủ đô năm 2026. Đây là nghị quyết đầu tiên quy định cơ chế quản lý và khai thác hoạt động quảng cáo theo cơ chế đặc thù của Thủ đô, tạo cơ sở pháp lý để quản lý thống nhất, khai thác hiệu quả nguồn lực từ hoạt động quảng cáo, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, chỉnh trang đô thị và phát triển công nghiệp văn hóa.

So với các quy định hiện hành, Nghị quyết có nhiều nội dung mới, nổi bật như sau:

Thứ nhất, lần đầu tiên quy định cơ chế quản lý và khai thác thống nhất đối với các vị trí, công trình quảng cáo thuộc phạm vi quản lý của Nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Trước đây, pháp luật chủ yếu quy định về hoạt động quảng cáo và trách nhiệm quản lý nhà nước trong lĩnh vực quảng cáo, chưa có cơ chế riêng đối với việc quản lý, khai thác tập trung các vị trí quảng cáo ngoài trời thuộc phạm vi quản lý của Nhà nước. Nghị quyết đã thiết lập cơ sở pháp lý để quản lý thống nhất các vị trí quảng cáo theo quy hoạch, tạo điều kiện khai thác hiệu quả tài nguyên quảng cáo, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và sử dụng hợp lý nguồn lực công.

Thứ hai, quy định cơ chế xây dựng, quản lý, cập nhật và công bố Danh mục vị trí quảng cáo trên địa bàn Thành phố.

Đây là nội dung mới, tạo cơ sở để Thành phố tổ chức rà soát, xác lập, quản lý tập trung các vị trí quảng cáo đủ điều kiện khai thác; bảo đảm công khai, minh bạch trong quản lý và tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tiếp cận thông tin về các vị trí quảng cáo được phép khai thác theo quy định của pháp luật.

Thứ ba, quy định hình thức khai thác các vị trí quảng cáo thuộc phạm vi quản lý của Nhà nước thông qua đấu giá quyền khai thác và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Đây là bước đổi mới quan trọng nhằm thực hiện nguyên tắc công khai, minh bạch, cạnh tranh bình đẳng trong khai thác các vị trí quảng cáo có giá trị thương mại; phát huy hiệu quả nguồn lực từ tài sản công, tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước, đồng thời tạo môi trường đầu tư ổn định, minh bạch cho doanh nghiệp tham gia hoạt động quảng cáo.

Thứ tư, quy định cơ chế sử dụng vị trí, công trình quảng cáo phục vụ nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ công ích gắn với hoạt động khai thác thương mại.

Nghị quyết đã quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác vị trí quảng cáo trong việc bảo đảm nhu cầu tuyên truyền nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ công ích của Thành phố; đồng thời quy định nguyên tắc xử lý đối với trường hợp cơ quan nhà nước sử dụng vị trí quảng cáo phục vụ nhiệm vụ chính trị trong thời gian đang khai thác thương mại, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước và nhà đầu tư.

Thứ năm, bổ sung cơ chế xã hội hóa trong đầu tư, quản lý và khai thác hoạt động quảng cáo gắn với chỉnh trang đô thị và phát triển công nghiệp văn hóa.

Nghị quyết khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng hệ thống quảng cáo hiện đại, ứng dụng công nghệ mới, kết hợp với chỉnh trang đô thị, trang trí mỹ thuật đô thị, phát triển không gian công cộng và các công trình phục vụ lợi ích công cộng; qua đó huy động nguồn lực xã hội tham gia phát triển hạ tầng quảng cáo và nâng cao chất lượng cảnh quan đô thị.

Thứ sáu, tăng cường ứng dụng chuyển đổi số trong công tác quản lý hoạt động quảng cáo.

Nghị quyết tạo cơ sở để xây dựng cơ sở dữ liệu, bản đồ số và hệ thống quản lý tập trung về vị trí quảng cáo; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, kiểm tra, giám sát và khai thác hoạt động quảng cáo, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, giảm thủ tục hành chính và tăng tính minh bạch trong tổ chức thực hiện.

Thứ bảy. Hình thành phương thức quản lý dựa trên Danh mục vị trí quảng cáo và cơ sở dữ liệu số

Nghị quyết chuyển từ phương thức quản lý chủ yếu theo từng hồ sơ đề nghị quảng cáo sang phương thức quản lý dựa trên Danh mục vị trí quảng cáo được cập nhật, công khai và quản lý tập trung. Đây là nền tảng để xây dựng cơ sở dữ liệu số, bản đồ số về vị trí quảng cáo, phục vụ công tác quản lý, khai thác, kiểm tra, giám sát và tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tiếp cận thông tin theo hướng minh bạch, hiện đại.

Nhìn chung, Nghị quyết số 33/2026/NQ-HĐND không chỉ cụ thể hóa cơ chế đặc thù được giao tại Luật Thủ đô năm 2026 mà còn tạo bước chuyển quan trọng trong công tác quản lý và khai thác hoạt động quảng cáo trên địa bàn thành phố Hà Nội. Các quy định của Nghị quyết góp phần xây dựng cơ chế quản lý hiện đại, công khai, minh bạch; khai thác hiệu quả nguồn lực từ các vị trí quảng cáo thuộc phạm vi quản lý của Nhà nước; huy động nguồn lực xã hội phục vụ chỉnh trang đô thị, phát triển hạ tầng quảng cáo, nâng cao chất lượng không gian công cộng và thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa. Qua đó, góp phần xây dựng Thủ đô Hà Nội văn hiến, văn minh, hiện đại, phát triển bền vững theo tinh thần Luật Thủ đô năm 2026.

VI. Nội dung tài liệu chuyên đề pháp luật về Nghị quyết số 34/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của HĐND Thành phố

1. Tên Nghị quyết: Nghị quyết quy định về phát triển kinh tế ban đêm trên địa bàn thành phố Hà Nội (Thực hiện điểm b, khoản 2, Điều 27 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16).

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

2.1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 17/3/2026 của Bộ Chính trị về Xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội trong kỷ nguyên mới; Căn cứ Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về Phát triển văn hóa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Ngày 23/4/2026, Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 được thông qua, có hiệu lực từ ngày 01/7/2026 với nhiều nội dung vượt trội để phát triển văn hóa Thủ đô trong đó điểm b khoản 2 Điều 27 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 có quy định “Hội đồng nhân dân thành phố quy định về phạm vi, điều kiện, ngành, nghề, lĩnh vực hoạt động, biện pháp quản lý, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội và các vấn đề phát sinh khác để phát triển: b) Hoạt động đầu tư kinh doanh sản phẩm, dịch vụ được tổ chức và vận hành trong thời gian ban đêm, nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng đô thị, thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa và du lịch”.

Ngày 01/5/2026, UBND Thành phố ban hành Kế hoạch số 177/KH-UBND về tổ chức thi hành Luật Thủ đô; Công văn số 2131/UBND-NC ngày 17/5/2026 của UBND Thành phố về việc điều chỉnh Kế hoạch số 177/KH-UBND ngày 01/5/2026 của UBND Thành phố về tổ chức thi hành Luật Thủ đô, trong đó nội dung xây dựng dự thảo “Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố cụ thể hóa quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 27 Luật Thủ đô về Nghị quyết Quy định về hoạt động đầu tư kinh doanh sản phẩm, dịch vụ được tổ chức và vận hành trong thời gian ban đêm, nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng đô thị, thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa và du lịch trên địa bàn thành phố Hà Nội”.

2.2. Cơ sở thực tiễn

Trong xu thế phát triển đô thị hiện đại, hoạt động trong thời gian ban đêm là một động lực mới góp phần mở rộng không gian tăng trưởng, gia tăng giá trị dịch vụ và nâng cao sức hấp dẫn của các thành phố lớn. Các hoạt động diễn ra vào ban đêm thúc đẩy mạnh mẽ các lĩnh vực du lịch, văn hóa, ẩm thực, giải trí, công nghiệp sáng tạo và thương mại, qua đó tạo thêm việc làm, tăng thu ngân sách và nâng cao hiệu quả khai thác hạ tầng đô thị, thúc đẩy phát triển kinh tế đêm.

Đối với Hà Nội, phát triển kinh tế đêm không chỉ là xu hướng tất yếu mà còn là yêu cầu cấp thiết nhằm khai thác hiệu quả các tiềm năng sẵn có của Thủ đô. Với vị thế là trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, đồng thời là đô thị giàu bản sắc văn hóa, sở hữu hệ thống di sản phong phú, đời sống ẩm thực đặc sắc và thị trường du lịch năng động, Hà Nội có nhiều điều kiện thuận lợi để hình thành các sản phẩm kinh tế đêm đa dạng, mang đậm dấu ấn văn hóa và sáng tạo.

Những năm qua, kinh tế đêm của Hà Nội với việc hình thành một số mô hình phát triển như: các chương trình biểu diễn nghệ thuật ban đêm; các tour tham quan du lịch ban đêm; các tuyến phố đi bộ và không gian ẩm thực ban đêm..., bước đầu tạo hiệu ứng tích cực, góp phần quảng bá hình ảnh Thủ đô và đáp ứng nhu cầu của người dân, du khách, song kinh tế đêm của Hà Nội vẫn phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, còn thiếu tính liên kết và chưa hình thành được hệ sinh thái đồng bộ, có sức cạnh tranh cao. Nhiều sản phẩm còn đơn điệu, chưa tạo được chuỗi trải nghiệm liên tục và chưa khai thác hiệu quả giá trị của tài nguyên văn hóa, di sản. Việc xây dựng “*Nghị quyết Quy định về phạm vi, điều kiện, ngành, nghề, lĩnh vực hoạt động, biện pháp quản lý hoạt động đầu tư kinh doanh sản phẩm, dịch vụ được tổ chức và vận hành trong thời gian ban đêm nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng đô thị, thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa và du lịch trên địa bàn thành phố Hà Nội*” sẽ góp phần giải quyết các điểm “nghẽn” của phát triển kinh tế đêm, nhằm định hướng lại không gian phát triển, thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng, tăng cường ứng dụng công nghệ và nâng cao hiệu quả quản trị đô thị ban đêm. Qua đó, từng bước hình thành hệ sinh thái kinh tế đêm đặc sắc, góp phần bảo vệ di sản, phát triển công nghiệp văn hóa, du lịch, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và xây dựng hình ảnh Hà Nội trở thành đô thị sáng tạo, hiện đại, an toàn và hấp dẫn trong khu vực và quốc tế.

2.3. Tính cân đối, hợp lý của việc ban hành văn bản

Việc ban hành Nghị quyết là phù hợp với thẩm quyền của HĐND Thành phố theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 27 Luật Thủ đô; bảo đảm thống nhất với các Quy định về hoạt động đầu tư kinh doanh sản phẩm, dịch vụ được tổ chức và vận hành trong thời gian ban đêm, nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng đô thị, thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa và du lịch trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Các cơ chế được đề xuất bảo đảm phù hợp với điều kiện phát triển của Thủ đô, góp phần đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa và đảm bảo tính khả thi trong tổ chức thực hiện.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

3.1. Mục đích

Việc giao Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định về hoạt động đầu tư kinh doanh sản phẩm, dịch vụ được tổ chức và vận hành trong thời gian ban đêm nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng đô thị, thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa và du lịch trên địa bàn thành phố Hà Nội (quy định tại

điểm b, khoản 2 Điều 27 Luật Thủ đô) là cần thiết và phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, quy định của pháp luật, phát triển kinh tế đêm gắn với phát triển kinh tế, văn hóa và du lịch. Cụ thể hóa các nhiệm vụ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế đêm đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của Thành phố.

3.2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết:

Bảo đảm sự phù hợp, đồng bộ và thống nhất, tính hợp hiến, hợp pháp trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và phù hợp với thực tiễn quản lý tại địa phương.

3.3. Tác động của Nghị quyết

Việc triển khai Nghị quyết số 34/2026/NQ-HĐND dự kiến mang lại nhiều tác động tích cực đối với thành phố Hà Nội.

3.3.1. Tác động kinh tế

Dự kiến tạo tác động tích cực đối với tăng trưởng dịch vụ, du lịch, thương mại, công nghiệp văn hóa và tiêu dùng nội địa. Với quy mô tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2025 đạt 962,9 nghìn tỷ đồng và tháng 4/2026 đạt 85,4 nghìn tỷ đồng, việc kéo dài thời gian hoạt động hợp lý, tổ chức lại không gian và nâng cao chất lượng dịch vụ ban đêm có khả năng mở rộng tổng cầu, tăng doanh thu của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cơ sở lưu trú, ẩm thực, vận tải, biểu diễn nghệ thuật, bán lẻ, dịch vụ số và sản phẩm du lịch. Đối với du lịch, số liệu 4 tháng đầu năm 2026 cho thấy Hà Nội có dư địa lớn để gia tăng chi tiêu ban đêm khi đón khoảng 12,14 triệu lượt khách và đạt khoảng 50,86 nghìn tỷ đồng tổng thu từ du lịch. Kinh tế đêm nếu được tổ chức theo chuỗi sản phẩm từ lưu trú - ẩm thực - biểu diễn - tham quan - mua sắm - vận tải - dịch vụ số sẽ góp phần kéo dài thời gian lưu trú, nâng mức chi tiêu bình quân, tăng tỷ lệ quay lại và nâng cao vị thế điểm đến của Thủ đô.

Đối với công nghiệp văn hóa, chính sách tạo cơ sở khai thác hiệu quả hơn hệ thống thiết chế văn hóa, di tích, không gian công cộng, trung tâm công nghiệp văn hóa, khu phát triển thương mại và văn hóa, làng nghề, hoạt động biểu diễn, triển lãm, thiết kế, sáng tạo, nhiếp ảnh, điện ảnh, ẩm thực và sản phẩm lưu niệm. Số liệu năm 2025 về 3.266 buổi biểu diễn chuyên nghiệp, 1,4 triệu lượt khán giả và doanh thu biểu diễn 86 tỷ đồng cho thấy tiềm năng gia tăng nguồn thu khi sản phẩm văn hóa được tổ chức trong khung giờ phù hợp với khách du lịch và cư dân đô thị.

Chính sách cũng tạo tác động lan tỏa đến doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, lao động dịch vụ, nghệ sĩ, nghệ nhân, doanh nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp công nghệ, đơn vị vận tải, vệ sinh môi trường, bảo vệ, y tế, truyền thông, quảng cáo ngoài trời và nền tảng số. Việc hình thành khu, tuyến, điểm kinh tế đêm có tiêu chuẩn vận hành rõ ràng sẽ khuyến khích đầu tư, xã hội hóa, hợp tác công - tư và khai thác hợp lý tài sản công theo quy định.

Chi phí kinh tế chủ yếu là chi phí đầu tư, nâng cấp hạ tầng và chi phí tuân thủ. Thành phố cần bố trí hoặc huy động nguồn lực cho chiếu sáng, bãi đỗ xe, giao thông công cộng, nhà vệ sinh công cộng, thu gom rác, y tế, cứu hộ, hệ

thông dữ liệu, truyền thông, đào tạo nhân lực và bảo vệ di sản. Doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải chịu chi phí đáp ứng tiêu chuẩn về tiếng ồn, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, phòng cháy, chữa cháy, dữ liệu, phản ánh khách hàng và tuân thủ khung giờ. Tuy nhiên, các chi phí này là cần thiết để giảm rủi ro xã hội và tạo môi trường kinh doanh ổn định, minh bạch hơn.

3.3.2. Tác động xã hội

Chính sách có tác động tích cực trong mở rộng cơ hội việc làm, sinh kế và thu nhập cho người dân, đặc biệt là nhóm lao động dịch vụ, du lịch, văn hóa, ẩm thực, vận tải, an ninh, vệ sinh môi trường, truyền thông, nghệ thuật và sáng tạo. Kinh tế đêm được tổ chức tốt sẽ góp phần làm phong phú đời sống văn hóa, mở rộng quyền tiếp cận dịch vụ văn hóa, vui chơi, giải trí, thể thao, mua sắm của người dân Thủ đô và du khách.

Chính sách cũng góp phần nâng cao chất lượng không gian công cộng. Các yêu cầu về chiếu sáng, an toàn, vệ sinh, chỉ dẫn, nhà vệ sinh công cộng, giao thông, điểm đón trả khách và tiếp nhận phản ánh sẽ làm cho không gian đô thị ban đêm thân thiện, an toàn và dễ tiếp cận hơn đối với người dân, du khách, người cao tuổi, trẻ em và người khuyết tật.

Tác động tiêu cực: Tác động xã hội cần lưu ý là nguy cơ phát sinh tiếng ồn, rác thải, ùn tắc, mất trật tự, sử dụng rượu bia không kiểm soát, tệ nạn xã hội, xung đột giữa cơ sở kinh doanh với cư dân, gia tăng áp lực lên di tích, không gian tôn giáo - tín ngưỡng, khu dân cư và môi trường sinh thái. Dự thảo Nghị quyết đã có các biện pháp kiểm soát thông qua phân vùng động, vùng chuyển tiếp, vùng tĩnh; quy định điều kiện vận hành; cơ chế tiếp nhận phản ánh; tham vấn cộng đồng; tiêu chuẩn hạ tầng, an ninh, an toàn; cơ chế tạm dừng, chấm dứt hoặc điều chỉnh hoạt động khi có tác động tiêu cực nghiêm trọng.

3.3.3. Tác động đối với hệ thống pháp luật và bộ máy nhà nước

Nghị quyết có tác động tích cực đối với hệ thống pháp luật của Thành phố vì cụ thể hóa trực tiếp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 27 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16. Nghị quyết không thay thế các quy định chuyên ngành hiện hành mà đóng vai trò là khung điều phối tổng hợp, bảo đảm các hoạt động kinh tế đêm được tổ chức thống nhất, minh bạch, an toàn và phù hợp với quy hoạch, điều kiện quản lý của Thành phố.

Về tính thống nhất, dự thảo Nghị quyết phù hợp với các quy định của Luật Thủ đô, Luật Di sản văn hóa, Luật Du lịch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Bảo vệ môi trường, Luật An toàn thực phẩm, Luật An ninh mạng, pháp luật về phòng cháy, chữa cháy, trật tự, an toàn giao thông, an ninh, trật tự và các văn bản chuyên ngành liên quan. Việc quy định “theo điều kiện”, “theo thẩm quyền” và “phù hợp pháp luật chuyên ngành” giúp hạn chế nguy cơ chồng chéo, bảo đảm mỗi hoạt động cụ thể vẫn tuân thủ giấy phép, điều kiện kinh doanh và tiêu chuẩn chuyên ngành tương ứng.

Về tác động hoàn thiện thể chế, Nghị quyết tạo cơ sở để Thành phố ban hành hoặc giao Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành các quy định chi tiết sau Nghị quyết như: bản đồ phân vùng kinh tế đêm; bộ tiêu chuẩn vận hành; bộ chỉ số đánh giá; quy chế quản lý khu, tuyến, điểm kinh tế đêm; quy trình công nhận, điều chỉnh, tạm dừng, chấm dứt hoạt động; quy chế phối hợp liên ngành; nền tảng dữ liệu và chế độ báo cáo. Đây là tác động cần thiết để chuyển từ quản lý từng vụ việc sang quản trị kinh tế đêm bằng quy chuẩn, dữ liệu và trách nhiệm giải trình.

Tác động tiêu cực: Tác động rủi ro pháp lý có thể phát sinh nếu quy định chi tiết sau Nghị quyết không phân định rõ thẩm quyền giữa Thành phố, sở, ngành, xã, phường và đơn vị quản lý trực tiếp; hoặc nếu áp dụng cơ chế thời gian linh hoạt nhưng không gắn với điều kiện an ninh, trật tự, môi trường, giao thông, phòng cháy, chữa cháy. Rủi ro này được kiểm soát bằng cách thiết kế Nghị quyết theo hướng khung, có điều kiện, phân cấp, ủy quyền rõ, đồng thời yêu cầu hậu kiểm, tham vấn cộng đồng và đánh giá định kỳ.

3.3.4. Tác động đối với văn hóa, di sản và hình ảnh Thủ đô

Chính sách có tác động tích cực đối với bảo tồn, phát huy giá trị di sản và quảng bá hình ảnh Hà Nội. Kinh tế đêm nếu được định vị trên nền tảng di sản, công nghiệp văn hóa, nghệ thuật biểu diễn, sáng tạo đương đại, làng nghề, ẩm thực và không gian văn hóa đô thị sẽ góp phần xây dựng thương hiệu “Đêm Hà Nội” an toàn, văn minh, bản sắc, có chiều sâu và có sức cạnh tranh.

Các tour đêm tại di tích, chương trình biểu diễn nghệ thuật, không gian triển lãm, hội chợ thiết kế, phố đi bộ, chợ đêm sáng tạo, hoạt động trải nghiệm làng nghề, trưng bày, trình diễn ánh sáng và hoạt động giáo dục di sản có thể giúp di sản tiếp cận công chúng theo cách mới, nhất là khách trẻ, khách quốc tế và nhóm cư dân đô thị. Tuy nhiên, chính sách cần kiên trì nguyên tắc không thương mại hóa thô cứng di sản, không làm sai lệch, biến dạng hoặc xâm hại yếu tố gốc cấu thành di sản; mọi hoạt động tại di tích phải tuân thủ pháp luật về di sản văn hóa và phương án được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

3.3.5. Tác động đối với ngân sách nhà nước

Về nguồn thu, chính sách có khả năng tác động tích cực thông qua tăng doanh thu dịch vụ, du lịch, thương mại, tiêu dùng, quảng cáo, hoạt động sự kiện, vận tải, lưu trú, ẩm thực, biểu diễn và các khoản thu ngân sách liên quan. Việc thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, dữ liệu hóa hoạt động và minh bạch doanh thu có thể hỗ trợ quản lý thuế, phí, giá dịch vụ và giám sát thu.

Về chi ngân sách, trong giai đoạn đầu Thành phố cần ưu tiên chi cho các hạng mục công cộng và nền tảng dùng chung như chiếu sáng, giao thông công cộng, nhà vệ sinh, thu gom rác, an ninh, y tế, cứu hộ, dữ liệu số, quảng bá chung, đào tạo nhân lực, bảo vệ di sản và xây dựng bộ tiêu chuẩn, bộ chỉ số. Tác động chi ngân sách có thể được kiểm soát thông qua phân kỳ đầu tư, xã hội hóa, hợp tác công - tư, nhượng quyền khai thác, đấu thầu lựa chọn đơn vị vận hành, ưu tiên tái đầu tư nguồn thu tại khu vực kinh tế đêm theo quy định pháp luật.

3.3.6. Tác động về giới và nhóm dễ bị tổn thương

Chính sách không đặt ra quy định phân biệt đối xử về giới; không làm hạn chế quyền, lợi ích hợp pháp của phụ nữ, nam giới hoặc nhóm giới nào. Ngược lại, nếu được tổ chức tốt, kinh tế đêm có thể mở rộng cơ hội việc làm, kinh doanh, khởi nghiệp và tham gia chuỗi giá trị cho phụ nữ, hộ kinh doanh gia đình, lao động trẻ, nghệ sĩ, nghệ nhân, người làm dịch vụ và cộng đồng sáng tạo.

Tuy nhiên, hoạt động ban đêm cũng tiềm ẩn rủi ro về an toàn đối với phụ nữ, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật và du khách đi một mình. Vì vậy, tác động giới và tác động đối với nhóm dễ bị tổn thương cần được kiểm soát bằng các yêu cầu về chiếu sáng, camera an ninh, lực lượng hỗ trợ, điểm thông tin, nhà vệ sinh công cộng an toàn, phương án y tế - cứu hộ, giao thông công cộng, điểm đón trả khách, cơ chế phản ánh khẩn cấp, thông tin đa ngữ và quy tắc ứng xử tại khu, tuyến, điểm kinh tế đêm.

Khi xây dựng bộ chỉ số đánh giá kinh tế đêm, cần lồng ghép chỉ số về mức độ an toàn, mức độ hài lòng của cư dân, du khách và nhóm dễ bị tổn thương; tỷ lệ xử lý phản ánh đúng hạn; điều kiện tiếp cận của người khuyết tật; mức độ an toàn đối với phụ nữ và trẻ em tại khu vực hoạt động ban đêm.

3.3.7. Tác động đối với quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội

Chính sách có tác động trực tiếp đến quản lý an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong đô thị. Khi hoạt động ban đêm gia tăng, nguy cơ phát sinh vi phạm về an ninh, trật tự, tụ tập đông người, cháy nổ, mất an toàn giao thông, tệ nạn xã hội, vi phạm về tiếng ồn, rượu bia, an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường cũng tăng theo. Do đó, yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự phải là điều kiện xuyên suốt trong công nhận, vận hành, gia hạn, mở rộng hoặc chấm dứt hoạt động tại khu, tuyến, điểm kinh tế đêm.

Tác động tích cực của chính sách là thiết lập cơ sở pháp lý để quản lý chủ động hơn thông qua phân vùng, tiêu chuẩn vận hành, cơ chế đánh giá mức độ chấp hành, hệ thống giám sát an toàn, cơ chế phản ánh, quy trình xử lý vi phạm và trách nhiệm phối hợp giữa Công an Thành phố, chính quyền xã, phường, sở, ngành, ban quản lý và cơ sở kinh doanh. Các quy định này giúp chuyển từ xử lý sự vụ sang phòng ngừa, cảnh báo sớm, hậu kiểm có dữ liệu và xử lý theo mức độ rủi ro.

3.3.8. Tác động đối với môi trường, giao thông và chất lượng sống đô thị

Kinh tế đêm có thể tạo áp lực lên môi trường đô thị thông qua phát sinh rác thải, tiếng ồn, ánh sáng, khói bụi, nước thải, nhu cầu vệ sinh công cộng, nhu cầu bãi đỗ xe, giao thông công cộng và an toàn đi bộ. Tác động này đặc biệt rõ ở khu vực trung tâm lịch sử, khu phố cổ, khu dân cư, không gian ven hồ, ven sông, khu di tích và khu vực có mật độ khách cao.

Dự thảo Nghị quyết đưa ra cơ chế kiểm soát bằng việc quy định tiêu chuẩn hạ tầng đô thị, phương án thu gom rác ban đêm, nhà vệ sinh công cộng, kiểm soát tiếng ồn, ánh sáng, nước thải, phương án giao thông, điểm đón trả

khách, bãi đỗ xe, kết nối giao thông công cộng, giám sát môi trường và cơ chế phản ánh trong thời gian thực. Đây là tác động tích cực vì buộc các khu vực hoạt động ban đêm phải có phương án vận hành đồng bộ trước khi công nhận hoặc cho phép thí điểm.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

4.1. Bố cục của Nghị quyết

Nghị quyết số 34/2026/NQ-HĐND gồm 5 chương - 16 Điều

- Chương I, gồm 4 Điều, quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, khái niệm và nguyên tắc hoạt động, quản lý hoạt động đầu tư kinh doanh, sản phẩm, dịch vụ được tổ chức, vận hành kinh tế ban đêm.

- Chương II, gồm 5 Điều, quy định điều kiện, thành lập, tổ chức hoạt động và quản lý hoạt động kinh tế ban đêm.

- Chương III, gồm 3 Điều, quy định điều kiện hoạt động khu, tuyến, điểm kinh tế ban đêm.

- Chương IV, gồm 2 Điều, quy định biện pháp hỗ trợ phát triển hoạt động kinh tế ban đêm.

- Chương V, gồm 2 Điều, quy định điều khoản thi hành (tổ chức thực hiện, điều khoản thi hành).

4.2. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định phạm vi, điều kiện, ngành, nghề, lĩnh vực hoạt động, biện pháp quản lý, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội và các vấn đề phát sinh khác để phát triển hoạt động đầu tư kinh doanh sản phẩm, dịch vụ đối với các khu, tuyến, điểm tổ chức, vận hành trong thời gian ban đêm được xác định phát triển kinh tế ban đêm, nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng đô thị, thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa và du lịch (Thực hiện điểm b, khoản 2, Điều 27 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16).

2. Các tổ chức, cá nhân hoạt động đầu tư, kinh doanh sản phẩm và dịch vụ ban đêm khác ngoài các khu, tuyến, điểm được xác định phát triển kinh tế ban đêm được hoạt động theo quy định chung của pháp luật.

4.3. Nội dung cơ bản của các chính sách

(1) Khái niệm: Kinh tế ban đêm; khu kinh tế ban đêm; tuyến kinh tế ban đêm; điểm kinh tế ban đêm.

(2) Quy định nguyên tắc hoạt động và quản lý hoạt động đầu tư kinh doanh, sản phẩm, dịch vụ được tổ chức, vận hành kinh tế ban đêm. Theo đó, hoạt động kinh tế ban đêm thể hiện tinh thần thanh lịch, văn minh của người Hà Nội; phù hợp với quy hoạch, phân bố hợp lý giữa khu vực trung tâm, khu vực đô thị mở rộng và các không gian có tiềm năng về di sản, văn hóa, du lịch, thương mại, dịch vụ; hoạt động kinh tế ban đêm phải có bản sắc, có khả năng vận hành bền

vững, lấy các ngành CNVH, sáng tạo làm động lực...; đảm bảo quốc phòng, an ninh, an toàn....

Nhà nước khuyến khích và ưu tiên đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, cải thiện cảnh quan, môi trường, nâng cao chất lượng dịch vụ công; bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, khuyến khích đổi mới sáng tạo và ứng dụng CNTT; lấy con người và chất lượng cuộc sống của nhân dân làm trung tâm.

(3) Nghị quyết quy định rõ về điều kiện, thành lập, tổ chức, hoạt động và quản lý hoạt động kinh tế ban đêm.

- Điều kiện công nhận, tổ chức hoạt động kinh tế ban đêm: Có địa điểm cụ thể; có khả năng hình thành sản phẩm kinh tế ban đêm đặc trưng; có phương án hoạt động; phương án phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển Thủ đô; có trên 50% đại diện cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, hộ gia đình thường trú đồng thuận tham gia.

- Điều kiện công nhận khu, tuyến, điểm kinh tế ban đêm: UBND cấp xã, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp, tổ chức, cộng đồng dân cư, cá nhân lập hồ sơ, gồm: Đơn đề nghị thành lập; Đề án thành lập; Quy chế hoạt động; Biên bản lấy ý kiến đại diện cư dân (các điểm lấy ý kiến hộ cư dân liền kề); các tài liệu, hồ sơ liên quan.

Đề án thành lập khu, tuyến, điểm kinh tế ban đêm, gồm các nội dung: Tên gọi, sự cần thiết thành lập (khái quát đặc điểm, giá trị văn hóa, di sản văn hóa, phù hợp với đặc điểm của khu, tuyến, điểm); mục đích, phạm vi hoạt động dự kiến; Quy mô hoạt động; danh mục di sản văn hóa, phong tục, tập quán, cảnh quan, công trình văn hóa, kiến trúc tiêu biểu...; phương án hoạt động, phương án xây dựng, bảo vệ cảnh quan, không gian; dự kiến mô hình quản lý, vận hành; kế hoạch, tiến độ triển khai các phương án; quyền lợi và trách nhiệm của khu, tuyến, điểm; các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý; các cam kết đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn; cam kết chuyển giao không bồi hoàn các hạng mục đầu tư; thông tin người đại diện; các bản vẽ phối cảnh, phương án đề xuất về tổ chức lại giao thông, cảnh quan, hạ tầng (nếu có); đề xuất, kiến nghị (nếu có).

Quy chế hoạt động gồm các nội dung: Mục tiêu thành lập; nguyên tắc tổ chức và hoạt động; phạm vi hoạt động; cơ cấu tổ chức quản lý; cơ chế tài chính; quyền, lợi ích và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan; cơ chế đảm bảo an ninh, trật tự, PCCC, bảo vệ môi trường; cơ chế giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm; điều chỉnh, chấm dứt hoạt động.

- Về trình tự, thủ tục công nhận:

+ Chủ thể lập hồ sơ theo quy định, gửi tới đơn vị thẩm định.

Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ và trình UBND Thành phố quyết định công nhận, điều chỉnh, mở rộng hoặc chấm dứt hoạt động đối với khu, tuyến, điểm có phạm vi trên địa bàn 2 xã, phường trở lên; tại khu, tuyến, điểm gắn với di sản được UNESCO ghi danh, di tích quốc gia đặc biệt, di tích tiêu

biểu do UBND Thành phố quản lý, phố cổ, làng cổ hoặc không gian văn hóa có tính chất đặc biệt.

UBND xã, phường tiếp nhận và quyết định công nhận, điều chỉnh, mở rộng hoặc chấm dứt hoạt động đối với khu, tuyến, điểm trên địa bàn quản lý.

+ Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, đơn vị tiếp nhận hồ sơ tổ chức thẩm định hồ sơ, khảo sát, đánh giá thực tế các điều kiện thành lập, lấy ý kiến các Sở, ngành đơn vị quản lý các lĩnh vực liên quan.

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thẩm định, đơn vị tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo kết quả thẩm định cho cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư nộp hồ sơ để tiếp thu, giải trình, hoàn thiện hồ sơ.

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hoàn thiện sau thẩm định và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định (nếu có) từ cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư nộp hồ sơ, Sở Văn hoá và Thể thao trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét và quyết định đối với những hồ sơ thẩm quyền UBND Thành phố; Phòng Văn hóa và Xã hội trình UBND xã, phường đối với hồ sơ thuộc thẩm quyền.

+ Hồ sơ trình về việc công nhận khu, tuyến, điểm hoạt động kinh tế đêm bao gồm: Hồ sơ hoàn thiện theo thẩm định và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định (nếu có); Tờ trình của đơn vị đầu mối tiếp nhận hồ sơ; Báo cáo thẩm định.

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình công nhận khu, tuyến, điểm hoạt động kinh tế đêm UBND Thành phố, UBND xã, phường theo thẩm quyền ban hành quyết định công nhận khu, tuyến, điểm hoạt động kinh tế đêm; trường hợp từ chối, văn bản thông báo từ chối phải nêu rõ lý do.

+ Quyết định thành lập khu, tuyến, điểm hoạt động kinh tế đêm gồm những nội dung chính sau đây: Tên gọi khu, tuyến, điểm hoạt động kinh tế đêm; Phạm vi, quy mô, thời gian hoạt động, lĩnh vực hoạt động; Phê duyệt Đề án hoạt động khu, tuyến, điểm hoạt động kinh tế đêm; Phê duyệt Quy chế của khu, tuyến, điểm hoạt động kinh tế đêm; Các nội dung khác (nếu có).

(4) Nghị quyết quy định rõ đối với thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận và xử lý vi phạm khu, tuyến, điểm hoạt động kinh tế ban đêm.

(5) Tham vấn cộng đồng và giám sát hoạt động đối với việc công nhận hoặc thí điểm khu, tuyến, điểm kinh tế ban đêm.

Trước khi cơ quan có thẩm quyền công nhận hoặc thí điểm khu, tuyến, điểm kinh tế đêm có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến khu dân cư, hoặc trong khu, tuyến, điểm kinh tế đêm có di sản văn hóa, cơ quan chủ trì phải tổ chức tham vấn cộng đồng, đánh giá tác động xã hội. Nội dung tham vấn gồm: xác định ranh giới không gian, loại hình hoạt động, thời gian hoạt động, phương án quản lý, giải pháp kiểm soát tiếng ồn, rác thải, giao thông, an ninh, biện pháp phòng cháy, chữa cháy...; cơ chế tiếp nhận và xử lý phản ánh; phương án chia sẻ lợi ích với cộng đồng địa phương.

UBND cấp xã nơi có khu, tuyến, điểm kinh tế đêm tiếp nhận, xử lý phản ánh của cộng đồng dân cư; đối thoại, hòa giải và xử lý kịp thời khi có xung đột giữa cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân kinh doanh. Trường hợp vượt thẩm quyền, tổng hợp qua Sở Văn hóa và Thể thao báo cáo UBND Thành phố.

(6) Quy định điều kiện hoạt động khu, tuyến, điểm kinh tế ban đêm

+ Quy định về khung thời gian hoạt động: Khung thời gian hoạt động của khu, tuyến, điểm kinh tế đêm có phương án tổ chức, hoạt động kinh tế đêm phù hợp với đặc điểm từng khu, tuyến, điểm và mục tiêu hoạt động.

Khung thời gian từ 18 giờ đến 22 giờ: áp dụng rộng rãi cho các hoạt động kinh tế đêm tại các khu, tuyến, điểm kinh tế đêm;

Khung thời gian từ 22 giờ đến 02 giờ sáng: áp dụng đối với khu phát triển thương mại và văn hóa và một số các khu, tuyến, điểm kinh tế đêm có đầy đủ điều kiện hoạt động được cơ quan có thẩm quyền cho phép. Tổ chức, cá nhân kinh doanh lựa chọn loại hình dịch vụ phù hợp, có giấy phép, bảo đảm phương án kiểm soát tiếng ồn, vệ sinh môi trường, ánh sáng, an ninh, trật tự theo quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng;

Khung thời gian từ 22 giờ đến 06 giờ sáng: được xem xét áp dụng có giới hạn, có chọn lọc tại một số khu vực, tuyến, điểm kinh tế đêm tách biệt, có các hoạt động đặc thù, được cơ quan có thẩm quyền cho phép, đáp ứng tiêu chuẩn chặt chẽ về hạ tầng, an ninh, trật tự, quản lý đô thị, phòng cháy, chữa cháy.

Cơ chế linh hoạt kéo dài thời gian hoạt động tại các khu, tuyến, điểm kinh tế đêm khi có các hoạt động, sự kiện cụ thể được cơ quan có thẩm quyền cho phép và có giải pháp đảm bảo an ninh, trật tự hạn chế ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống sinh hoạt của cộng đồng dân cư.

+ Về ngành, nghề, lĩnh vực hoạt động

Các hoạt động lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật: hoạt động biểu diễn nghệ thuật, triển lãm, trưng bày; điện ảnh; trình diễn di sản văn hóa phi vật thể, văn hóa truyền thống...được tổ chức tại các không gian công cộng, tuyến phố đi bộ, không gian di sản văn hóa, triển lãm, nhà hát, rạp hát, rạp chiếu phim, các thiết chế văn hóa, các địa điểm của tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực kinh tế đêm.

Khuyến khích các hoạt động lĩnh vực công nghiệp văn hóa, công nghiệp sáng tạo, nghệ thuật đương đại, liên ngành, các hoạt động ứng dụng công nghệ, số hóa, thiết kế sáng tạo dựa trên nguồn lực văn hóa trong hoạt động kinh tế đêm.

Các hoạt động du lịch và dịch vụ du lịch: tham quan du lịch ban đêm, các tour tuyến du lịch đêm, du lịch văn hóa, du lịch trải nghiệm, dịch vụ hướng dẫn du lịch; các dịch vụ phục vụ khách du lịch.

Các hoạt động thương mại: hoạt động chợ đêm, phố thương mại đêm, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi hoạt động ban đêm; các hoạt động quảng bá, truyền thông, giới thiệu và bán sản phẩm văn hóa đặc trưng...

Các hoạt động dịch vụ ăn uống, ẩm thực: Hoạt động tại các nhà hàng, cơ sở kinh doanh ẩm thực, các tuyến phố ẩm thực, dịch vụ giải khát...

Các hoạt động giải trí, thể thao: Các hoạt động vui chơi, giải trí; không gian trải nghiệm văn hóa, sáng tạo; hoạt động thể thao, rèn luyện sức khỏe ban đêm; các hoạt động giải trí hợp pháp khác.

Các hoạt động chăm sóc sức khỏe, dịch vụ làm đẹp: các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, chăm sóc sắc đẹp như spa, massage, thẩm mỹ, dịch vụ tư vấn chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng, các câu lạc bộ thể dục: yoga, gym...

Các hoạt động vận tải và dịch vụ hỗ trợ: vận tải hành khách, trông giữ phương tiện, thanh toán thông tin, viễn thông và các dịch vụ hỗ trợ khác.

+ Mô hình Khu, tuyến, điểm kinh tế đêm được tổ chức dưới một trong các hình: Do cơ quan nhà nước trực tiếp quản lý; Do đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý di tích, doanh nghiệp, tổ chức quản lý, khai thác; Do nhiều chủ thể phối hợp quản lý, tổ chức hoặc cá nhân vận hành theo phương án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

(7) Quy định các biện pháp hỗ trợ phát triển hoạt động kinh tế ban đêm

+ Khai thác tài sản công và không gian công cộng

Khai thác hiệu quả tài sản công, không gian công cộng thuộc quản lý của Thành phố Hà Nội để phục vụ quảng bá, giới thiệu di sản, văn hóa, con người Hà Nội và các hoạt động cộng đồng, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế.

Việc khai thác tài sản công, không gian công cộng phát triển kinh tế đêm ở các khu vực có di sản văn hóa phải thực hiện theo quy định của pháp luật về tài sản công, đảm bảo tuân thủ quy định về quản lý, bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa; gìn giữ giá trị lịch sử, văn hóa, kiến trúc, cảnh quan; không làm ảnh hưởng đến yếu tố gốc cấu thành di sản văn hóa, làm sai lệch giá trị của di sản văn hóa, an ninh, môi trường và quyền tiếp cận, hưởng thụ văn hóa của cộng đồng.

Quy định việc điều chỉnh phân luồng giao thông hoặc cấm đường vào những khung giờ nhất định, cho phép việc khai thác vỉa hè, lòng đường trong khu, tuyến hoạt động để phục vụ kinh tế đêm.

Hợp tác công tư, khai thác tài sản công thuộc quản lý của Thành phố Hà Nội để phát triển hoạt động kinh tế đêm được thực hiện theo các quy định liên quan của Thành phố về nhượng quyền quản lý, cho thuê, liên doanh, liên kết.

Hoàn thiện cơ chế tài chính, phí, giá dịch vụ và sử dụng nguồn thu từ kinh tế đêm theo hướng công khai, minh bạch, phù hợp với quy định pháp luật; ưu tiên tái đầu tư cho hạ tầng, vệ sinh môi trường, an ninh, trật tự, chiếu sáng, chỉnh trang đô thị và nâng cao chất lượng dịch vụ tại khu vực kinh tế đêm.

Thúc đẩy cơ chế xã hội hóa và hợp tác công - tư trong phát triển kinh tế đêm, trong đó Thành phố giữ vai trò kiến tạo thể chế, quy hoạch và giám sát; doanh nghiệp tham gia đầu tư sản phẩm, tổ chức vận hành, dịch vụ hỗ trợ và khai thác thương mại.

+ Biện pháp hỗ trợ

- Khu, tuyến, điểm hoạt động kinh tế đêm được Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính, đơn vị cung cấp dịch vụ công thuộc Thành phố hỗ trợ như sau:

a) Được ưu tiên đầu tư cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; chỉnh trang các tuyến phố; tổ chức lại giao thông (nếu có) từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định; Tăng cường khả năng kết nối giao thông công cộng, kết nối giữa các khu, tuyến, điểm phát triển kinh tế đêm; Bố trí các điểm trông giữ xe và hệ thống giao thông trung chuyển giữa khu vực hạn chế phương tiện, triển khai lộ trình vùng phát thải thấp;

b) Được hỗ trợ quảng bá, truyền thông về khu, tuyến, điểm hoạt động kinh tế đêm trên các phương tiện thông tin đại chúng trong nước và nước ngoài; được hỗ trợ tham gia các chương trình quảng bá, xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch của Thành phố theo quy định chung của Thành phố;

c) Được tăng cường biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng cháy và chữa cháy, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, hỗ trợ y tế và phòng chống dịch bệnh;

d) Được xem xét áp dụng phương án thuê lòng đường, vỉa hè theo quy định của Thành phố phù hợp với nhu cầu, thời gian sử dụng cho hoạt động kinh tế đêm;

đ) Được ưu tiên triển khai các giải pháp ứng dụng khoa học, công nghệ, dữ liệu số, tích hợp liên thông và khai thác dữ liệu, đa ngành phục vụ công tác quản lý, phát triển hạ tầng kết nối số và tiện ích số tại các khu vực kinh tế đêm, hệ thống wifi công cộng, trường truyền ổn định, điểm truy cập thông tin, mã QR chỉ dẫn, kiosk số, biển chỉ dẫn thông minh, camera an ninh, cảm biến môi trường và hạ tầng hỗ trợ thanh toán số;

e) Được triển khai ứng dụng nền tảng dữ liệu an toàn thực phẩm dùng chung của Thành phố tại khu vực kinh tế đêm nhằm bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm trong hoạt động tại khu vực.

- Tổ chức, cơ sở, cá nhân sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật, tổ chức các sự kiện, hoạt động văn hóa nghệ thuật tại khu, tuyến, điểm hoạt động kinh tế đêm được hưởng hỗ trợ sau đây:

a) Được xem xét cho phép sử dụng các khu vực công, không gian công cộng, vỉa hè, lòng đường, công trình khác thuộc Thành phố quản lý để tổ chức các sự kiện, hoạt động văn hoá, nghệ thuật theo quy định;

b) Được hỗ trợ kinh phí quảng bá, truyền thông về sự kiện, hoạt động văn hoá, nghệ thuật trên các phương tiện thông tin, truyền thông thuộc Thành phố theo quy định chung của Thành phố;

c) Được ngân sách của Thành phố xem xét, hỗ trợ một phần kinh phí tổ chức, sản xuất chương trình, sự kiện, hoạt động có giá trị đặc sắc về văn hoá, nghệ thuật; có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa

của Thủ đô hoặc có tác động tích cực đến việc quảng bá hình ảnh, văn hoá, con người của Thủ đô và đất nước đến cộng đồng quốc tế;

d) Được hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các ngành công nghiệp văn hóa, quản lý hoạt động kinh tế đêm, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo thông qua các chương trình tài trợ và vườn ươm doanh nghiệp, thử nghiệm có kiểm soát đối với các sản phẩm công nghiệp văn hoá mới tại khu, tuyến, điểm hoạt động kinh tế đêm;

đ) Được hỗ trợ, hướng dẫn chuẩn bị hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính có liên quan đến sản xuất, kinh doanh, tổ chức sự kiện, hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể thao.

- Khuyến khích mô hình giao cho các doanh nghiệp vận hành, ban quản lý do cộng đồng cư dân chịu trách nhiệm về nhân lực kỹ thuật, an ninh nội bộ, vệ sinh môi trường; cơ quan nhà nước chỉ thực hiện vai trò giám sát, hậu kiểm.

5. Điểm mới, quy định vượt trội so với pháp luật hiện hành

Nghị quyết số 34/2026/NQ-HĐND là văn bản quy phạm pháp luật được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành trên cơ sở thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều 27 Luật Thủ đô năm 2026. Đây là một trong những nghị quyết cụ thể hóa cơ chế, chính sách đặc thù mà Quốc hội giao cho thành phố Hà Nội trong phát triển kinh tế đêm.

Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để Thành phố chủ động, tập trung phát triển kinh tế ban đêm, đẩy mạnh hoạt động đầu tư kinh doanh sản phẩm, dịch vụ được tổ chức và vận hành trong thời gian ban đêm, nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng đô thị, thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa và du lịch trên địa bàn thành phố Hà Nội

Nghị quyết số 35/2026/NQ-HĐND không chỉ cụ thể hóa các cơ chế đặc thù theo Luật Thủ đô năm 2026 mà còn tạo bước chuyển quan trọng trong chính sách phát triển kinh tế ban đêm trên địa bàn thành phố Hà Nội. Các quy định của Nghị quyết sẽ góp phần giải quyết các điểm “nghẽn” của phát triển kinh tế đêm, nhằm định hướng lại không gian phát triển, thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng, tăng cường ứng dụng công nghệ và nâng cao hiệu quả quản trị đô thị ban đêm. Qua đó, từng bước hình thành hệ sinh thái kinh tế đêm đặc sắc, góp phần phát triển công nghiệp văn hóa, du lịch, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và xây dựng hình ảnh Hà Nội trở thành đô thị sáng tạo, hiện đại, an toàn và hấp dẫn trong khu vực và quốc tế.

VII. Nội dung tài liệu chuyên đề pháp luật về Nghị quyết số 35/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Tên Nghị quyết: Nghị quyết quy định một số nội dung, mức chi trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật của thành phố Hà Nội (thực hiện điểm d khoản 1 Điều 15 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16).

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

2.1. Cơ sở pháp lý

Nghị quyết số 35/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội được ban hành trên cơ sở các chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật và cơ chế đặc thù dành cho Thủ đô, cụ thể như sau:

Thứ nhất, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025 là cơ sở pháp lý quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, bảo đảm việc ban hành Nghị quyết đúng quy định của pháp luật.

Thứ hai, Nghị quyết số 28/2026/NQ-QH16 ngày 24/4/2026 của Quốc hội về phát triển văn hóa Việt Nam đã xác định nhiều chính sách quan trọng đối với người hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật. Đặc biệt, khoản 3 Điều 7 của Nghị quyết quy định chế độ phụ cấp ưu đãi nghề và chế độ bồi dưỡng luyện tập, biểu diễn đối với viên chức, người lao động hoạt động đặc thù về nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập nghệ thuật biểu diễn. Theo đó: Người hoạt động trong loại hình nghệ thuật biểu diễn truyền thống, nghệ thuật biểu diễn cổ điển, xiếc và người làm việc tại khu vực biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được hưởng phụ cấp ưu đãi nghề từ 40% đến 60% mức lương hiện hưởng cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có). Người hoạt động trong các lĩnh vực văn hóa khác được hưởng phụ cấp ưu đãi nghề từ 20% đến 30% mức lương hiện hưởng cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có). Chế độ bồi dưỡng luyện tập được quy định từ 5% đến 15% mức lương cơ sở cho một buổi luyện tập; chế độ bồi dưỡng biểu diễn (bao gồm sơ duyệt, tổng duyệt và biểu diễn) được quy định từ 15% đến 30% mức lương cơ sở cho một buổi biểu diễn, căn cứ vào vai trò và mức độ tham gia của từng đối tượng.

Đây là căn cứ quan trọng để thành phố Hà Nội xây dựng chính sách hỗ trợ bổ sung từ ngân sách Thành phố đối với người hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn.

Thứ ba, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 quy định thẩm quyền của Hội đồng nhân dân trong việc quyết định các chính sách thuộc phạm vi quản lý của địa phương, làm cơ sở để Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành các cơ chế đặc thù trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật.

Thứ tư, Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 là cơ sở pháp lý quan trọng nhất để ban hành Nghị quyết. Khoản 1 Điều 8 Luật Thủ đô quy định: “*Văn bản thi hành Luật Thủ đô quy định tại khoản 2 Điều 5 của Luật này được quy định khác với văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước ở Trung ương ban hành.*”

Quy định này cho phép thành phố Hà Nội được áp dụng các cơ chế đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển của Thủ đô.

Đặc biệt, tại điểm d khoản 1 Điều 15, Luật Thủ đô giao Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định: *“Chính sách ưu đãi, hỗ trợ người hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, nghệ nhân, người thực hành di sản văn hóa phi vật thể, vận động viên, huấn luyện viên.”*

Đây là cơ sở pháp lý trực tiếp để Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết số 35/2026/NQ-HĐND.

Thứ năm, Bộ luật Lao động năm 2019 quy định tại Điều 166 về chế độ đặc thù đối với người lao động làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật, thể dục, thể thao, hàng hải và hàng không. Theo đó, người lao động làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật được áp dụng các chế độ phù hợp về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ nghề nghiệp, tiền lương, tiền thưởng, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn, vệ sinh lao động theo quy định của Chính phủ.

Quy định này là căn cứ để thành phố Hà Nội xây dựng các chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ đối với người hoạt động nghệ thuật bị tai nạn nghề nghiệp, suy giảm sức khỏe và chuyển đổi nghề nghiệp.

Ngoài các căn cứ nêu trên, việc xây dựng Nghị quyết còn bám sát chủ trương của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam; phát triển công nghiệp văn hóa; xây dựng đội ngũ văn nghệ sĩ trong thời kỳ mới; đồng thời phù hợp với định hướng phát triển Thủ đô Hà Nội trở thành trung tâm văn hóa, sáng tạo của cả nước và khu vực.

2.2. Cơ sở thực tiễn

Việc ban hành Nghị quyết số 35/2026/NQ-HĐND xuất phát từ yêu cầu thực tiễn phát triển văn hóa, nghệ thuật của Thủ đô trong giai đoạn mới và yêu cầu hoàn thiện hệ thống chính sách đặc thù theo Luật Thủ đô năm 2026.

Thứ nhất, yêu cầu hoàn thiện cơ sở pháp lý sau khi Luật Thủ đô năm 2026 có hiệu lực.

Ngày 23/4/2026, Quốc hội khóa XVI đã thông qua Luật Thủ đô năm 2026, tạo cơ sở pháp lý mới để thành phố Hà Nội chủ động ban hành các chính sách đặc thù trong nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật.

Đồng thời, Nghị quyết số 28/2026/NQ-QH16 của Quốc hội đã điều chỉnh chế độ đối với người hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn theo hướng nâng cao mức hưởng so với các quy định trước đây. Vì vậy, việc rà soát, sửa đổi, thay thế các chính sách đã ban hành nhằm bảo đảm sự thống nhất với hệ thống pháp luật mới là yêu cầu tất yếu.

Trên cơ sở đó, Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội đã ban hành Nghị quyết số 35/2026/NQ-HĐND thay thế Nghị quyết số 64/2025/NQ-HĐND, bảo đảm phù hợp với Luật Thủ đô năm 2026 và các quy định mới của Trung ương.

Thứ hai, yêu cầu phát triển văn hóa, nghệ thuật tương xứng với vị trí, vai trò của Thủ đô.

Hà Nội là trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, đồng thời là trung tâm lớn về văn hóa, giáo dục, khoa học, sáng tạo và giao lưu quốc tế. Hằng năm, Thành phố tổ chức nhiều chương trình nghệ thuật phục vụ nhiệm vụ chính trị của Trung ương và Thành phố; các lễ kỷ niệm lớn; các hoạt động đối ngoại; các sự kiện văn hóa, nghệ thuật quy mô quốc gia và quốc tế như Liên hoan Phim quốc tế Hà Nội, Liên hoan Sân khấu Hà Nội mở rộng cùng nhiều cuộc thi, liên hoan và cuộc vận động sáng tác văn học, nghệ thuật.

Điều này đòi hỏi Thành phố phải có cơ chế hỗ trợ phù hợp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, nghệ thuật, phát triển đội ngũ văn nghệ sĩ, đồng thời xây dựng các sự kiện văn hóa mang tầm quốc gia và quốc tế.

Thứ ba, nhiều chính sách hiện hành không còn phù hợp với thực tiễn.

Qua quá trình thực hiện Nghị quyết số 64/2025/NQ-HĐND và các quy định liên quan, nhiều nội dung hỗ trợ đã phát huy hiệu quả nhưng cũng bộc lộ những hạn chế. Một số mức chi không còn phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và đặc thù lao động nghệ thuật; một số nội dung quan trọng như hỗ trợ giải thưởng tại các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp cấp quốc gia; giải thưởng Liên hoan Phim quốc tế Hà Nội; giải thưởng Liên hoan Sân khấu Hà Nội mở rộng; giải thưởng các cuộc thi, cuộc vận động sáng tác văn học, nghệ thuật chuyên nghiệp chưa được quy định hoặc chưa có cơ chế hỗ trợ tương xứng.

Điều này ảnh hưởng đến việc động viên, khuyến khích đội ngũ văn nghệ sĩ sáng tạo, cống hiến và nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, nghệ thuật của Thành phố.

Thứ tư, yêu cầu phát triển công nghiệp văn hóa và xây dựng thương hiệu văn hóa của Thủ đô.

Phát triển công nghiệp văn hóa đã được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Hà Nội trong giai đoạn mới.

Việc xây dựng các cơ chế hỗ trợ đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, sáng tác, luyện tập, biểu diễn; hỗ trợ tổ chức các cuộc thi, liên hoan; bổ sung chính sách khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích cao; hỗ trợ giải thưởng cho các sự kiện văn hóa, nghệ thuật tiêu biểu của Thành phố sẽ góp phần phát triển nguồn nhân lực sáng tạo, nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, đồng thời xây dựng các thương hiệu văn hóa có sức lan tỏa, quảng bá hình ảnh Thủ đô trong nước và quốc tế.

Từ những căn cứ pháp lý và yêu cầu thực tiễn nêu trên, Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội đã ban hành Nghị quyết số 35/2026/NQ-HĐND quy định một số nội dung, mức chi trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật của thành phố Hà Nội. Nghị quyết là cơ sở pháp lý quan trọng để triển khai đồng bộ các chính sách hỗ trợ đặc thù, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hiến Thăng Long - Hà Nội; xây dựng đội ngũ văn nghệ sĩ có trình độ chuyên môn cao; thúc đẩy phát triển

công nghiệp văn hóa; nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, nghệ thuật và thực hiện hiệu quả các mục tiêu phát triển văn hóa của Thủ đô theo tinh thần Luật Thủ đô năm 2026.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

3.1. Mục đích

- Nghị quyết số 35/2026/NQ-HĐND được ban hành nhằm cụ thể hóa quy định tại điểm d khoản 1 Điều 15 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 về thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội trong việc quy định chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với người hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật.

- Thông qua việc ban hành các nội dung và mức chi phù hợp với điều kiện thực tiễn của Thủ đô, Nghị quyết hướng tới các mục tiêu chủ yếu sau:

+ Cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển văn hóa, xây dựng và phát triển đội ngũ văn nghệ sĩ trong thời kỳ mới; đồng thời triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù của Luật Thủ đô năm 2026.

+ Hoàn thiện hệ thống chính sách của thành phố Hà Nội trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, bảo đảm đồng bộ với các quy định của pháp luật hiện hành và đáp ứng yêu cầu phát triển văn hóa của Thủ đô.

+ Nâng cao chế độ đãi ngộ, động viên, khuyến khích đội ngũ người hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật yên tâm công tác, phát huy năng lực chuyên môn, tích cực sáng tạo và cống hiến.

+ Tạo điều kiện để các đơn vị nghệ thuật công lập nâng cao chất lượng đào tạo, luyện tập, biểu diễn, sáng tác và tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật; góp phần nâng cao chất lượng phục vụ nhiệm vụ chính trị và đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa ngày càng cao của Nhân dân.

+ Khuyến khích phát hiện, bồi dưỡng và phát triển tài năng; thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần xây dựng đội ngũ văn nghệ sĩ của Thủ đô có trình độ chuyên môn, bản lĩnh nghề nghiệp và khả năng hội nhập quốc tế.

+ Từng bước xây dựng cơ chế tài chính đặc thù nhằm thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa, nâng cao vị thế, hình ảnh của Thủ đô Hà Nội trong nước và quốc tế.

3.2. Ý nghĩa

Việc ban hành Nghị quyết số 35/2026/NQ-HĐND có ý nghĩa quan trọng cả về chính trị, pháp lý, kinh tế - xã hội và văn hóa.

- Về phương diện pháp lý, Nghị quyết là sự cụ thể hóa quy định của Luật Thủ đô năm 2026, tạo cơ sở pháp lý để thành phố Hà Nội triển khai các chính sách đặc thù trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật theo đúng thẩm quyền được Quốc hội giao.

- Về phương diện quản lý nhà nước, Nghị quyết góp phần hoàn thiện hệ thống chính sách về văn hóa, nghệ thuật của Thành phố, tạo sự thống nhất, đồng

bộ trong việc tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách đối với người hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật và các hoạt động chuyên môn do Thành phố tổ chức.

- Về phương diện phát triển văn hóa, Nghị quyết góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa Thăng Long - Hà Nội; tạo môi trường thuận lợi để phát triển các loại hình nghệ thuật chuyên nghiệp, khuyến khích sáng tạo các tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao, đồng thời nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, nghệ thuật của Thủ đô.

- Đối với đội ngũ văn nghệ sĩ và người hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, Nghị quyết thể hiện sự quan tâm của Thành phố thông qua các chính sách hỗ trợ thiết thực về đào tạo, bồi dưỡng, luyện tập, biểu diễn, khen thưởng và hỗ trợ trong những trường hợp đặc thù của nghề nghiệp. Đây là động lực quan trọng để đội ngũ văn nghệ sĩ tiếp tục cống hiến, nâng cao chất lượng chuyên môn và phát huy tài năng.

- Đối với sự phát triển của Thủ đô, Nghị quyết góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng Hà Nội trở thành trung tâm lớn về văn hóa, trung tâm sáng tạo của cả nước; nâng cao sức hấp dẫn của các sự kiện văn hóa, nghệ thuật; thúc đẩy quảng bá hình ảnh Thủ đô, tăng cường giao lưu, hợp tác quốc tế và phát triển công nghiệp văn hóa theo định hướng của Đảng và Nhà nước.

3.3. Tác động của Nghị quyết

Việc triển khai Nghị quyết số 35/2026/NQ-HĐND dự kiến mang lại nhiều tác động tích cực đối với lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật của thành phố Hà Nội.

- Đối với người hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, Nghị quyết tạo điều kiện cải thiện chế độ đãi ngộ, góp phần nâng cao đời sống, động viên đội ngũ văn nghệ sĩ yên tâm công tác, gắn bó với nghề, phát huy năng lực sáng tạo và tích cực tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật phục vụ nhiệm vụ chính trị và nhu cầu của Nhân dân.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn, Nghị quyết tạo cơ sở để nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; khuyến khích đổi mới sáng tạo trong dàn dựng, biểu diễn và sáng tác; đồng thời tăng cường khả năng thu hút, đào tạo và giữ chân đội ngũ nghệ sĩ, đạo diễn, diễn viên, tác giả có trình độ chuyên môn cao.

- Đối với hoạt động tổ chức các cuộc thi, liên hoan, cuộc vận động sáng tác và các sự kiện văn hóa, nghệ thuật, Nghị quyết góp phần nâng cao chất lượng chuyên môn, tăng sức hấp dẫn của các sự kiện, thu hút sự tham gia của các tổ chức, đơn vị, nghệ sĩ trong nước và quốc tế, qua đó nâng cao uy tín và thương hiệu văn hóa của Thủ đô.

- Đối với công tác quản lý nhà nước, Nghị quyết tạo cơ sở pháp lý thống nhất để các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai, quản lý và sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng đối tượng, công khai, minh bạch và hiệu quả; đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật.

- Về lâu dài, Nghị quyết góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển văn hóa theo tinh thần Nghị quyết số 80 của Đảng, Luật Thủ đô năm 2026 và Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phát huy giá trị văn hóa Thăng Long - Hà Nội, thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa và nâng cao vị thế của Thủ đô trong tiến trình hội nhập quốc tế.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

4.1. *Bố cục của Nghị quyết*

Nghị quyết số 35/2026/NQ-HĐND gồm 03 Điều và 10 Phụ lục.

- Điều 1. Quy định một số nội dung, mức chi trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật của thành phố Hà Nội.

- Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Điều 3. Hiệu lực thi hành.

4.2. *Phạm vi điều chỉnh*

Nghị quyết quy định một số nội dung, mức chi trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật của thành phố Hà Nội theo thẩm quyền được giao tại điểm d khoản 1 Điều 15 Luật Thủ đô năm 2026, gồm 10 nhóm chính sách.

4.3. *Nội dung cơ bản của các chính sách*

(1). Hỗ trợ luyện tập, biểu diễn đối với người làm việc tại các đơn vị nghệ thuật công lập của thành phố Hà Nội

- Ngoài chế độ do Trung ương quy định, Thành phố hỗ trợ bổ sung:

- Hỗ trợ luyện tập: từ 70.000 đồng đến 200.000 đồng/người/buổi.

- Hỗ trợ biểu diễn: từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng/người/buổi.

- Hỗ trợ thêm đối với Nghệ sĩ nhân dân: 400.000 đồng/người/buổi biểu diễn.

- Hỗ trợ thêm đối với Nghệ sĩ ưu tú: 320.000 đồng/người/buổi biểu diễn.

(2). Hỗ trợ thành viên Hội đồng nghệ thuật

Thành phố hỗ trợ đối với thành viên Hội đồng nghệ thuật trong các lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, mỹ thuật và nhiếp ảnh với mức:

- Chủ tịch Hội đồng: 500.000 đồng/buổi.

- Phó Chủ tịch Hội đồng: 400.000 đồng/buổi.

- Ủy viên: 300.000 đồng/buổi.

- Thư ký: 200.000 đồng/buổi.

(3). Hỗ trợ Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Thư ký và người phục vụ các cuộc thi, liên hoan văn hóa, nghệ thuật

- Nghị quyết quy định mức hỗ trợ theo từng chức danh, trong đó:

- Ban Giám khảo: từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng/buổi.

- Ban Tổ chức: từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng/buổi.
- Người dẫn chương trình: 1.000.000 đồng/buổi.

Đối với cấp xã, mức chi tối đa bằng 70% mức chi tương ứng của cấp Thành phố.

(4). Hỗ trợ kinh phí đào tạo trình độ đại học

Viên chức đang công tác tại các đơn vị nghệ thuật của Thành phố được hỗ trợ học phí thực tế nhưng tối đa 60 triệu đồng/người, được hỗ trợ một lần, phải đáp ứng điều kiện theo quy định và cam kết tiếp tục công tác sau đào tạo.

(5). Hỗ trợ đối với người hoạt động nghệ thuật bị tai nạn, suy giảm sức khỏe hoặc chuyển đổi nghề nghiệp

Mức hỗ trợ từ 60 triệu đồng đến 120 triệu đồng/người, tùy theo từng trường hợp và điều kiện quy định tại Nghị quyết.

(6). Thưởng bổ sung đối với giải thưởng khu vực và quốc tế

- Cá nhân:

- + Cấp thế giới: từ 47 triệu đồng đến 117 triệu đồng.
- + Cấp châu lục: từ 23 triệu đồng đến 93 triệu đồng.
- + Cấp Đông Nam Á: từ 12 triệu đồng đến 70 triệu đồng.

- Tập thể: mức thưởng bằng 02 lần mức thưởng của cá nhân đạt cùng loại giải thưởng.

(7). Thưởng bổ sung đối với giải thưởng cấp quốc gia

Đối với các cuộc thi, liên hoan do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức:

- Tập thể:

- + Huy chương Vàng: 50 triệu đồng/giải.
- + Huy chương Bạc: 40 triệu đồng/giải.

- Cá nhân:

- + Huy chương Vàng: 12 triệu đồng/giải.
- + Huy chương Bạc: 06 triệu đồng/giải.

Đối với các cuộc thi, liên hoan do Hội chuyên ngành Trung ương, Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an tổ chức:

- Tập thể:

- + Huy chương Vàng: 25 triệu đồng/giải.
- + Huy chương Bạc: 20 triệu đồng/giải.

- Cá nhân:

- + Huy chương Vàng: 06 triệu đồng/giải.
- + Huy chương Bạc: 03 triệu đồng/giải.

(8). Giải thưởng Liên hoan Phim quốc tế Hà Nội

- Giải thưởng dành cho tác phẩm xuất sắc: từ 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng/giải.

- Giải thưởng dành cho các thành phần sáng tạo: từ 20 triệu đồng đến 55 triệu đồng/giải.

(9). Giải thưởng Liên hoan Sân khấu Hà Nội mở rộng

- Giải thưởng dành cho vở diễn:

+ Huy chương Vàng: 50 triệu đồng/giải.

+ Huy chương Bạc: 30 triệu đồng/giải.

- Giải thưởng dành cho các thành phần sáng tạo: từ 15 triệu đồng đến 25 triệu đồng/giải.

(10). Giải thưởng các cuộc thi, cuộc vận động sáng tác văn học, nghệ thuật chuyên nghiệp

Nghị quyết quy định mức giải thưởng từ 20 triệu đồng đến 100 triệu đồng/giải, áp dụng đối với các cuộc thi, cuộc vận động sáng tác trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, âm nhạc, múa, mỹ thuật, nhiếp ảnh, văn học, kiến trúc do thành phố Hà Nội tổ chức.

5. Điểm mới, quy định vượt trội so với pháp luật hiện hành

Nghị quyết số 35/2026/NQ-HĐND là văn bản quy phạm pháp luật được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành trên cơ sở thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 1 Điều 15 Luật Thủ đô năm 2026. Đây là một trong những nghị quyết cụ thể hóa cơ chế, chính sách đặc thù mà Quốc hội giao cho thành phố Hà Nội trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật.

Nghị quyết quy định 10 nhóm chính sách về nội dung, mức chi trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật của thành phố Hà Nội. Trong đó có 01 nhóm chính sách quy định mức hỗ trợ bổ sung cao hơn chế độ do Trung ương quy định và 09 nhóm chính sách quy định các nội dung, mức chi đặc thù mà pháp luật hiện hành của Trung ương chưa quy định hoặc giao Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định. Những điểm mới, nổi bật của Nghị quyết gồm:

Thứ nhất, quy định cơ chế hỗ trợ bổ sung đối với chế độ bồi dưỡng luyện tập, biểu diễn của viên chức, người lao động đặc thù về nghề nghiệp tại các đơn vị nghệ thuật công lập của thành phố Hà Nội.

Theo Nghị quyết số 28/2026/NQ-QH16 của Quốc hội, người hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn được hưởng chế độ bồi dưỡng luyện tập và biểu diễn theo mức thống nhất trên phạm vi cả nước. Trên cơ sở thẩm quyền được giao tại Luật Thủ đô năm 2026, thành phố Hà Nội quy định hỗ trợ thêm từ ngân sách Thành phố đối với chế độ này, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện điều kiện làm việc, động viên đội ngũ nghệ sĩ, diễn viên yên tâm công tác, đồng thời đáp ứng yêu cầu đặc thù của Thủ đô - nơi thường xuyên tổ chức các chương trình nghệ thuật phục vụ nhiệm vụ chính trị và các sự kiện văn hóa lớn.

Thứ hai, kế thừa và tiếp tục thực hiện các chính sách đặc thù đã phát huy hiệu quả trong thực tiễn, gồm: hỗ trợ thành viên Hội đồng nghệ thuật; hỗ trợ Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Thư ký và người phục vụ các cuộc thi, liên hoan văn hóa, nghệ thuật; hỗ trợ đào tạo trình độ đại học đối với viên chức các đơn vị nghệ thuật; hỗ trợ người hoạt động nghệ thuật bị tai nạn nghề nghiệp, suy giảm sức khỏe hoặc chuyển đổi nghề nghiệp; thưởng bổ sung đối với tập thể, cá nhân đạt giải thưởng khu vực và quốc tế.

Việc tiếp tục duy trì các chính sách này bảo đảm tính ổn định, kế thừa và phát huy hiệu quả của các cơ chế hỗ trợ đã được thực tiễn chứng minh, đồng thời đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực văn hóa, nghệ thuật của Thủ đô trong giai đoạn mới.

Thứ ba, bổ sung chính sách thưởng bổ sung đối với tập thể, cá nhân đạt giải thưởng cao tại các cuộc thi, liên hoan nghệ thuật chuyên nghiệp cấp quốc gia.

Đây là chính sách mới của Nghị quyết nhằm khắc phục khoảng trống trong hệ thống chính sách hiện hành. Năm 2025, Thành phố đã có cơ chế thưởng bổ sung đối với các giải thưởng khu vực và quốc tế nhưng chưa có chính sách hỗ trợ thưởng xuyên đối với các giải thưởng cấp quốc gia. Việc bổ sung chính sách này góp phần bảo đảm tính đồng bộ trong chính sách đãi ngộ, động viên kịp thời các đơn vị nghệ thuật và đội ngũ văn nghệ sĩ của Thủ đô tiếp tục phát huy tài năng, nâng cao chất lượng nghệ thuật và khẳng định vị thế của Hà Nội tại các cuộc thi, liên hoan nghệ thuật chuyên nghiệp trên phạm vi cả nước.

Thứ tư, lần đầu tiên quy định mức chi giải thưởng riêng đối với Liên hoan Phim quốc tế Hà Nội. Liên hoan Phim quốc tế Hà Nội là sự kiện điện ảnh có quy mô quốc tế, góp phần quảng bá hình ảnh Thủ đô, tăng cường giao lưu hợp tác quốc tế và thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa. Việc quy định cơ chế chi giải thưởng riêng tạo cơ sở tài chính ổn định, nâng cao chất lượng, sức hấp dẫn và uy tín của Liên hoan, đồng thời từng bước xây dựng thương hiệu điện ảnh quốc tế của Hà Nội.

Thứ năm, bổ sung cơ chế chi giải thưởng đối với Liên hoan Sân khấu Hà Nội mở rộng. Chính sách này góp phần nâng cao chất lượng chuyên môn của Liên hoan, khuyến khích các đơn vị nghệ thuật đầu tư dàn dựng các tác phẩm có giá trị nghệ thuật cao, đồng thời xây dựng Liên hoan Sân khấu Hà Nội mở rộng trở thành sự kiện văn hóa tiêu biểu của Thủ đô.

Thứ sáu, quy định mức chi giải thưởng đối với các cuộc thi, cuộc vận động sáng tác trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật chuyên nghiệp do thành phố Hà Nội tổ chức.

Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để Thành phố chủ động tổ chức các cuộc thi, cuộc vận động sáng tác phục vụ nhiệm vụ chính trị, các ngày lễ lớn và sự kiện quan trọng của Thủ đô; đồng thời khuyến khích đội ngũ văn nghệ sĩ sáng tạo thêm nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao, góp phần xây dựng đời sống văn hóa và phát triển công nghiệp văn hóa.

Nhìn chung, Nghị quyết số 35/2026/NQ-HĐND không chỉ cụ thể hóa các cơ chế đặc thù theo Luật Thủ đô năm 2026 mà còn tạo bước chuyển quan trọng trong chính sách phát triển văn hóa, nghệ thuật của thành phố Hà Nội. Các quy định của Nghị quyết góp phần nâng cao chế độ đãi ngộ đối với người hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật; khuyến khích sáng tạo, phát hiện và bồi dưỡng tài năng; nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, nghệ thuật; xây dựng các sự kiện và thương hiệu văn hóa tiêu biểu của Thủ đô; qua đó thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa, phát huy giá trị văn hiến Thăng Long - Hà Nội và thực hiện mục tiêu xây dựng Hà Nội trở thành trung tâm văn hóa, sáng tạo của cả nước theo tinh thần Luật Thủ đô năm 2026./.



VIII. Nội dung tài liệu chuyên đề pháp luật về Nghị quyết số 65/2025/NQ-HĐND ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

1. Tên Nghị quyết

Nghị quyết số 65/2025/NQ-HĐND ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định một số nội dung, mức chi trong lĩnh vực thể thao thành tích cao của thành phố Hà Nội.

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

2.1. Cơ sở pháp lý

Nghị quyết số 65/2025/NQ-HĐND được ban hành trên cơ sở thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố, các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, thể dục, thể thao và cơ chế đặc thù của Thủ đô. Các căn cứ pháp lý trực tiếp được xác định ngay tại phần căn cứ ban hành Nghị quyết, gồm:

Thứ nhất, Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 quy định vị trí, chức năng và thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trong việc quyết định các biện pháp, chính sách thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định của pháp luật.

Thứ hai, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, là căn cứ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, thông qua và ban hành nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Thứ ba, Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 tạo cơ sở để thành phố Hà Nội chủ động ban hành cơ chế, chính sách đặc thù, huy động và sử dụng nguồn lực phù hợp với vị trí, vai trò của Thủ đô, trong đó có chính sách phát triển thể dục, thể thao và thể thao thành tích cao.

Thứ tư, Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 là căn cứ để xác định nguồn kinh phí, thẩm quyền quyết định nội dung chi và trách nhiệm quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán ngân sách bảo đảm đúng mục đích, công khai, minh bạch.

Thứ năm, Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 26/2018/QH14, quy định về thể thao thành tích cao, tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện vận động viên, huấn luyện viên và trách nhiệm của Nhà nước trong phát triển tài năng thể thao.

Thứ sáu, Nghị định số 152/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu; Thông tư số 86/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao. Đây là khung chính sách chung của Trung ương để Thành phố xác định các nội dung hỗ trợ đặc thù, bổ sung, không làm thay đổi chế độ cơ bản do Trung ương quy định.

Thứ bảy, Quyết định số 223/QĐ-TTg ngày 22/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng tài năng thể thao và nhân lực thể thao thành tích cao đến năm 2035” định hướng xây dựng hệ thống tuyển chọn, đào tạo tài năng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và thành tích thể thao quốc gia.

Hồ sơ trình ban hành Nghị quyết còn được xây dựng trên cơ sở Tờ trình số 391/TTr-UBND ngày 18/11/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố; Báo cáo thẩm tra số 102/BC-BVHXXH ngày 23/11/2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo tiếp thu, giải trình số 474/BC-UBND ngày 25/11/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.

Lưu ý về tình trạng hiệu lực hiện nay

Nội dung	Tình trạng áp dụng
Nghị quyết số 65/2025/NQ-HĐND	Có hiệu lực từ ngày 01/01/2026; các quy định còn lại tiếp tục được áp dụng trong phạm vi không bị sửa đổi, thay thế hoặc bãi bỏ.
Điều 5 về hỗ trợ tổ chức, cá nhân hoạt động đào tạo vận động viên thể thao thành tích cao	Hết hiệu lực kể từ ngày 01/7/2026 theo khoản 2 Điều 18 Nghị quyết số 31/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố.
Chính sách xã hội hóa đào tạo vận động viên từ ngày 01/7/2026	Đối với hồ sơ, nội dung phát sinh mới, thực hiện theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-HĐND và văn bản triển khai được cấp có thẩm quyền ban hành; các nội dung hỗ trợ đã được phê duyệt trước ngày 01/7/2026 tiếp tục thực hiện theo văn bản đã được phê duyệt.

2.2. Cơ sở thực tiễn

Việc ban hành Nghị quyết xuất phát từ yêu cầu nâng cao chất lượng thể thao thành tích cao của Thủ đô, xây dựng lực lượng vận động viên có khả năng cạnh tranh tại các giải quốc gia, Đại hội Thể thao toàn quốc, SEA Games, ASIAD, Olympic và các giải vô địch thế giới, châu Á.

Thứ nhất, mô hình quản lý, đào tạo thể thao thành tích cao đòi hỏi Trưởng, Phó Trưởng bộ môn vừa thực hiện nhiệm vụ điều hành chuyên môn, xây dựng kế hoạch, phân công huấn luyện, vừa trực tiếp tham gia tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện và tổ chức thi đấu. Trong khi đây không phải là chức vụ lãnh đạo của Trung tâm, khối lượng và trách nhiệm chuyên môn cần có cơ chế hỗ trợ phù hợp.

Thứ hai, huấn luyện viên, vận động viên Hà Nội được triệu tập lên đội tuyển quốc gia hoặc đội tuyển trẻ quốc gia có trường hợp được cấp có thẩm quyền cho phép trở về địa phương thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Việc bảo đảm mức tiền lương và chế độ dinh dưỡng tương đương thời gian tập huấn tại đội tuyển quốc gia là cần thiết để duy trì quyền lợi và khuyến khích hoàn thành nhiệm vụ.

Thứ ba, vận động viên thành tích cao thường dành phần lớn thời gian cho tập luyện, thi đấu, tuổi nghề ngắn và có nguy cơ gặp khó khăn khi chuyển đổi nghề nghiệp. Chính sách hỗ trợ học phí trình độ đại học góp phần bảo đảm tương lai nghề nghiệp, khuyến khích vận động viên tiếp tục cống hiến lâu dài cho thể thao Hà Nội.

Thứ tư, thực tiễn phát triển thể thao hiện đại đòi hỏi mở rộng nguồn phát hiện, tuyển chọn và đào tạo vận động viên từ các tổ chức, câu lạc bộ và cá nhân ngoài công lập. Chính sách hỗ trợ chi phí đào tạo đã tạo động lực huy động nguồn lực xã hội, bổ sung vận động viên có chất lượng cho các tuyển đội tuyển của Thành phố. Từ ngày 01/7/2026, nội dung phát sinh mới được chuyển sang thực hiện theo cơ chế tại Nghị quyết số 31/2026/NQ-HĐND; các nội dung đã được phê duyệt trước thời điểm này thực hiện theo quy định chuyển tiếp.

Thứ năm, trước khi Nghị quyết được ban hành, các chế độ của Trung ương chủ yếu tập trung vào tiền lương, dinh dưỡng và quyền lợi trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu; chưa bao quát đầy đủ các nội dung đặc thù nêu trên của Hà Nội. Vì vậy, Thành phố cần quy định rõ đối tượng, điều kiện, nội dung và mức chi để có cơ sở tổ chức thực hiện thống nhất.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

3.1. Mục đích

- Cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và cơ chế đặc thù của Thủ đô về phát triển thể thao thành tích cao, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng tài năng thể thao.

- Thiết lập cơ sở pháp lý để Thành phố thực hiện một số nội dung, mức chi đặc thù chưa được quy định đầy đủ trong chính sách chung của Trung ương.

- Ghi nhận trách nhiệm chuyên môn của Trưởng, Phó Trưởng bộ môn; bảo đảm quyền lợi của huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển quốc gia khi thực hiện nhiệm vụ tại địa phương.

- Hỗ trợ vận động viên đạt thành tích cao học trình độ đại học, tạo điều kiện chuẩn bị nghề nghiệp sau thời kỳ thi đấu đỉnh cao.

- Khuyến khích huy động nguồn lực xã hội tham gia phát hiện, đào tạo vận động viên có thành tích và bổ sung lực lượng cho các tuyển đội tuyển của Thành phố; từ ngày 01/7/2026, nội dung phát sinh mới thực hiện theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-HĐND, còn nội dung đã được phê duyệt trước thời điểm này thực hiện theo quy định chuyển tiếp.

- Bảo đảm việc chi ngân sách đúng đối tượng, đúng điều kiện, có căn cứ kiểm chứng và gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

3.2. Ý nghĩa

Về pháp lý, Nghị quyết hoàn thiện hệ thống chính sách của Thành phố trong lĩnh vực thể thao thành tích cao, tạo căn cứ trực tiếp để cơ quan quản lý, đơn vị sự nghiệp và đối tượng thụ hưởng thực hiện thống nhất.

Về quản lý nhà nước, Nghị quyết xác định rõ điều kiện, mức hỗ trợ, thời gian hưởng và nguồn kinh phí, góp phần hạn chế việc vận dụng không thống nhất, tăng tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình.

Về chuyên môn, chính sách hỗ trợ gắn với nhiệm vụ tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện và thi đấu, góp phần củng cố tổ chức bộ môn, duy trì lực lượng huấn luyện viên, vận động viên và nâng cao thành tích của thể thao Hà Nội.

Về con người, chính sách học phí thể hiện sự quan tâm lâu dài đối với vận động viên thành tích cao, tạo cơ hội học tập, chuyển đổi nghề nghiệp và ổn định cuộc sống sau khi kết thúc thi đấu.

Về xã hội hóa, chính sách hỗ trợ hoạt động đào tạo vận động viên ngoài công lập đã mở rộng nguồn cung tài năng thể thao, khuyến khích trách nhiệm đồng hành của tổ chức, cá nhân với thể thao Thủ đô.

3.3. Tác động dự kiến

Đối với Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao Hà Nội, Nghị quyết tạo căn cứ để rà soát, xác nhận đối tượng, tổ chức chi trả, theo dõi kết quả thực hiện nhiệm vụ và quản lý hồ sơ minh chứng.

Đối với Trưởng, Phó Trưởng bộ môn, khoản hỗ trợ hằng tháng góp phần ghi nhận trách nhiệm tổ chức, điều hành và trực tiếp tham gia hoạt động chuyên môn; đồng thời không làm phát sinh nghĩa vụ đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ khoản hỗ trợ này.

Đối với huấn luyện viên, vận động viên thuộc đội tuyển quốc gia hoặc đội tuyển trẻ quốc gia trở về địa phương làm nhiệm vụ, chính sách bảo đảm quyền lợi theo thời gian thực tế tập huấn, thi đấu tại Hà Nội, tránh giảm chế độ do thay đổi địa điểm thực hiện nhiệm vụ.

Đối với vận động viên đạt thành tích cao, chính sách hỗ trợ 100% học phí trong giới hạn quy định tạo động lực học tập, phát triển trình độ và chuẩn bị nghề nghiệp, nhưng vẫn gắn với yêu cầu duy trì thành tích học tập, kỷ luật và tư cách thành viên đội tuyển Hà Nội.

Đối với ngân sách Thành phố, việc thực hiện chính sách làm phát sinh nhu cầu chi thường xuyên và chi hỗ trợ; tuy nhiên mức chi được xác định rõ, có điều kiện, giới hạn và thời điểm chi trả, tạo thuận lợi cho việc lập dự toán, kiểm soát và quyết toán.

Đối với tổ chức, cá nhân tham gia đào tạo vận động viên, chính sách đã tạo động lực đầu tư đào tạo tài năng; từ ngày 01/7/2026, hồ sơ phát sinh mới thực hiện theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-HĐND và văn bản triển khai được cấp có thẩm quyền ban hành; nội dung đã được phê duyệt trước ngày 01/7/2026 tiếp tục thực hiện theo văn bản đã được phê duyệt.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

4.1. Bố cục và phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết gồm 08 điều, không chia chương. Nội dung bao gồm: phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; 04 nhóm chính sách hỗ trợ; nguồn kinh phí; tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành.

Phạm vi điều chỉnh là một số nội dung, mức chi trong lĩnh vực thể thao thành tích cao của thành phố Hà Nội. Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách cấp Thành phố bảo đảm.

4.2. Đối tượng áp dụng

- Trưởng, Phó Trưởng bộ môn thể thao thành tích cao tại Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao trực thuộc Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội.

- Huấn luyện viên, vận động viên đang trong thời gian được triệu tập tập huấn cho đội tuyển quốc gia hoặc đội tuyển trẻ quốc gia nhưng được cơ quan có thẩm quyền cho phép về địa phương làm nhiệm vụ.

- Vận động viên được Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao Hà Nội triệu tập tập huấn, đạt huy chương tại Olympic, ASIAD, giải vô địch thế giới, vô địch châu Á hoặc đạt chuẩn tham dự Olympic.

- Tổ chức, cá nhân có hoạt động đào tạo vận động viên thể thao thành tích cao. Đối tượng này gắn với Điều 5 Nghị quyết; từ ngày 01/7/2026, hồ sơ phát sinh mới thực hiện theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-HĐND, trừ nội dung đã được phê duyệt trước thời điểm này theo quy định chuyển tiếp.

4.3. Các chính sách cụ thể

Chính sách	Điều kiện chủ yếu	Mức hỗ trợ/chi trả	Lưu ý thực hiện
1. Hỗ trợ Trưởng, Phó Trưởng bộ môn (Điều 2)	Có quyết định giao nhiệm vụ; không kiêm nhiệm chức vụ lãnh đạo tại Trung tâm; trực tiếp xây dựng kế hoạch, phân công huấn luyện và tham gia tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện, thi đấu.	Trưởng bộ môn: 1.000.000 đồng/người/tháng. Phó Trưởng bộ môn: 700.000 đồng/người/tháng. Chi theo kỳ trả lương hằng tháng.	Khoản hỗ trợ không dùng để tính đóng, hưởng BHXH, BHYT, BHTN; thời gian hưởng tính từ khi Nghị quyết có hiệu lực
2. Hỗ trợ HLV, VĐV đội tuyển quốc gia trở về địa phương làm nhiệm vụ (Điều 3)	Đang tập trung đội tuyển quốc gia/đội tuyển trẻ quốc gia; được cấp có thẩm quyền cho phép về địa phương; có kế hoạch được phê duyệt và bảng chấm công thực tế có xác nhận của Trung tâm.	Hỗ trợ thêm để được hưởng bằng mức tiền lương, chế độ dinh dưỡng của HLV, VĐV tập huấn tại đội tuyển quốc gia hoặc đội tuyển trẻ quốc gia.	Tính theo số ngày thực tế tại địa phương, không vượt quá thời gian triệu tập đội tuyển quốc gia/đội tuyển trẻ quốc gia.
3. Hỗ trợ học phí đại học cho VĐV đạt thành tích cao (Điều 4)	Đang được triệu tập tại Trung tâm; đạt thành tích theo Nghị quyết; có giấy báo nhập học/xác nhận đang học; kết quả học tập từ trung bình; không vi phạm pháp luật, kỷ luật	Hỗ trợ 100% học phí; mức tính hỗ trợ không vượt quá học phí của Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh đối với khóa đào tạo đại học.	Thanh toán theo kỳ học/tín chỉ sau khi có chứng từ; chỉ hỗ trợ khi VĐV còn là thành viên đội tuyển Hà Nội; không hỗ trợ trùng ngành đã được Nhà

	thể thao, quy định đơn vị		nước hỗ trợ học phí.
4. Hỗ trợ tổ chức, cá nhân đào tạo VĐV (Điều 5)	Đơn vị ngoài công lập/cá nhân trực tiếp đào tạo VĐV đạt thành tích từ giải vô địch quốc gia, vô địch trẻ, nhóm tuổi trẻ quốc gia, vô địch CLB quốc gia trở lên; VĐV cam kết cống hiến cho Hà Nội trong chu kỳ một kỳ Đại hội Thể thao toàn quốc.	Tuyển 1: 24 tháng tiền dinh dưỡng và tiền lương VĐV đội tuyển trẻ cấp tỉnh, thành phố. Tuyển 2: 18 tháng tiền dinh dưỡng và tiền lương VĐV đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh, thành phố. Trả 01 lần.	Điều 5 hết hiệu lực từ 01/7/2026. Hồ sơ phát sinh mới từ thời điểm này thực hiện theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-HĐND và văn bản triển khai có hiệu lực; nội dung đã được phê duyệt trước ngày 01/7/2026 tiếp tục thực hiện theo văn bản đã được phê duyệt.

4.4. Nguồn kinh phí và trách nhiệm tổ chức thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện Nghị quyết là ngân sách cấp Thành phố.

Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện, bảo đảm đúng đối tượng, đúng chế độ, công khai, minh bạch.

Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố thực hiện giám sát; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát.

Trong tổ chức thực hiện tại ngành Văn hóa và Thể thao, cần phân định rõ trách nhiệm tham mưu của Sở, trách nhiệm xác nhận chuyên môn và quản lý đối tượng của Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao Hà Nội, trách nhiệm lập dự toán, kiểm soát chứng từ, thanh toán, quyết toán của đơn vị có liên quan theo pháp luật về ngân sách, kế toán và tài chính.

5. Điểm mới, đặc thù, vượt trội so với pháp luật hiện hành

Nghị quyết số 65/2025/NQ-HĐND là chính sách đặc thù của thành phố Hà Nội trong lĩnh vực thể thao thành tích cao. Trên cơ sở các chế độ chung của Trung ương, Nghị quyết bổ sung những nội dung chi gắn với yêu cầu quản lý, đào tạo tài năng và bảo đảm quyền lợi lâu dài của lực lượng thể thao Thủ đô.

Thứ nhất, lần đầu quy định mức hỗ trợ hằng tháng đối với Trưởng, Phó Trưởng bộ môn thể thao thành tích cao. Chính sách ghi nhận vai trò tổ chức, điều hành chuyên môn của những người được giao nhiệm vụ nhưng không giữ chức vụ lãnh đạo tại Trung tâm, đồng thời gắn hỗ trợ với yêu cầu trực tiếp tham gia tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện và thi đấu.

Thứ hai, quy định cơ chế hỗ trợ bổ sung đối với huấn luyện viên, vận động viên thuộc đội tuyển quốc gia hoặc đội tuyển trẻ quốc gia khi được phép trở về Hà Nội thực hiện nhiệm vụ. Điểm đặc thù là quyền lợi được tính theo số ngày thực tế và được bảo đảm bằng mức tiền lương, chế độ dinh dưỡng khi tập huấn tại đội tuyển quốc gia, qua đó tránh gián đoạn hoặc giảm chế độ.

Thứ ba, quy định chính sách hỗ trợ 100% học phí trình độ đại học cho vận động viên đạt thành tích đặc biệt cao. Đây là chính sách phát triển con người,

không chỉ tập trung vào thành tích trước mắt mà còn hỗ trợ vận động viên chuẩn bị nghề nghiệp sau thi đấu. Nghị quyết đồng thời đặt ra giới hạn mức học phí, điều kiện học tập, kỷ luật và nguyên tắc không hỗ trợ trùng để bảo đảm chặt chẽ.

Thứ tư, thiết lập cơ chế khuyến khích tổ chức, cá nhân ngoài công lập đào tạo vận động viên và chuyển giao nguồn tài năng cho các tuyển đội tuyển Thành phố. Mức hỗ trợ được tính theo thời gian tương đương chế độ dinh dưỡng và tiền lương của từng tuyển, chi trả một lần khi vận động viên được triệu tập. Chính sách này thể hiện định hướng xã hội hóa, chia sẻ chi phí đào tạo giữa Nhà nước và xã hội.

Thứ năm, Nghị quyết quy định cụ thể điều kiện, thời gian hưởng và phương thức chi trả của từng nhóm chính sách. Các tiêu chí đều gắn với quyết định giao nhiệm vụ, quyết định triệu tập, kế hoạch được phê duyệt, bảng chấm công, thành tích thi đấu, chứng từ học phí hoặc quyết định tuyển chọn vào tuyển đội tuyển; qua đó nâng cao khả năng kiểm tra, kiểm soát và phòng ngừa chi sai đối tượng.

Thứ sáu, về chuyển tiếp chính sách, Nghị quyết số 31/2026/NQ-HĐND chỉ làm hết hiệu lực Điều 5 Nghị quyết số 65/2025/NQ-HĐND từ ngày 01/7/2026, không thay thế toàn bộ Nghị quyết số 65/2025/NQ-HĐND. Vì vậy, các chính sách tại Điều 2, Điều 3 và Điều 4 vẫn tiếp tục là nội dung trọng tâm khi tuyên truyền, tập huấn và tổ chức thực hiện.

Một số yêu cầu cần nhấn mạnh khi tuyên truyền, tập huấn

- Không sử dụng dự thảo Quyết định quy định trình tự, thủ tục thực hiện Nghị quyết số 31/2026/NQ-HĐND để diễn giải hoặc thay thế nội dung của Nghị quyết số 65/2025/NQ-HĐND đối với các chính sách tại Điều 2, Điều 3 và Điều 4.

- Phải phân biệt rõ: Nghị quyết số 65/2025/NQ-HĐND là nghị quyết về một số nội dung, mức chi trong lĩnh vực thể thao thành tích cao; Nghị quyết số 31/2026/NQ-HĐND là nghị quyết về khuyến khích, huy động nguồn lực xã hội hóa và hỗ trợ phát triển thiết chế văn hóa, thể thao.

- Khi xác định đối tượng và mức hưởng, thực hiện đúng từng điều kiện của Nghị quyết; không suy rộng đối tượng, không bổ sung mức chi và không thanh toán khi thiếu căn cứ xác nhận hoặc chứng từ hợp pháp.

- Riêng chính sách tại Điều 5, phải xác định thời điểm phát sinh, thời điểm phê duyệt và tình trạng hồ sơ để áp dụng đúng văn bản có hiệu lực; từ ngày 01/7/2026 không giải quyết hồ sơ phát sinh mới theo Điều 5 Nghị quyết số 65/2025/NQ-HĐND, nhưng nội dung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày này tiếp tục thực hiện theo văn bản đã được phê duyệt.

- Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí thực hiện theo pháp luật về ngân sách nhà nước, kế toán, các quy định tài chính hiện hành và phân cấp của Thành phố.

Số: 4079 /SVHTT-TCPC
V/v xây dựng tài liệu Chuyên đề pháp luật và giới thiệu báo cáo viên để tuyên truyền, tập huấn về 02 Nghị quyết triển khai thi hành Luật Thủ đô được thông qua tại Kỳ họp thứ 25 của HĐND Thành phố

Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2025

Kính gửi: Sở Tư pháp thành phố Hà Nội.

Sở Văn hoá và Thể thao thành phố Hà Nội nhận được Công văn số 3706/STP-PBGDPL ngày 29/8/2025 của Sở Tư pháp về việc xây dựng tài liệu Chuyên đề pháp luật để tuyên truyền, tập huấn về 02 Nghị quyết triển khai thi hành Luật Thủ đô được thông qua tại Kỳ họp thứ 25 của HĐND Thành phố;

Sở Văn hoá và Thể thao đã thực hiện xây dựng tài liệu Chuyên đề pháp luật và giới thiệu báo cáo viên để tuyên truyền, tập huấn về 02 Nghị quyết triển khai thi hành Luật Thủ đô được thông qua tại Kỳ họp thứ 25 của HĐND Thành phố như sau:

1. Nội dung tài liệu chuyên đề pháp luật về Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 10/7/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về tổ chức và hoạt động của trung tâm công nghiệp văn hoá trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Nội dung tài liệu chuyên đề pháp luật về Nghị quyết số 25/2025/NQ-HĐND ngày 10/7/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố về khu phát triển thương mại và văn hóa trên địa bàn thành phố Hà Nội.

(Đề cương chi tiết gửi kèm)

3. Danh sách báo cáo viên để tuyên truyền, tập huấn về 02 Nghị quyết triển khai thi hành Luật Thủ đô: *(Chi tiết theo danh sách gửi kèm)*.

Sở Văn hoá và Thể thao đề nghị Sở Tư pháp thành phố Hà Nội tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, TCPC (Tân).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Xuân Tài

DANH SÁCH

Báo cáo viên tuyên truyền, tập huấn về các Nghị quyết triển khai thi hành Luật Thủ đô được thông qua tại Kỳ họp thứ 25 của HĐND Thành phố

(Kèm theo Công văn số /SVHTT-TCPC ngày /9/2025 của Sở Văn hoá và Thể thao)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ, đơn vị công tác	Trình độ	Lĩnh vực đăng ký tuyên truyền, tập huấn Nghị quyết triển khai thi hành Luật Thủ đô	Số điện thoại
01	Dương Thị Thanh Mai		Nguyên Viện trưởng Viện Khoa học Pháp lý (Bộ Tư pháp), chuyên gia xây dựng Luật Thủ đô	Tiến sĩ	Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 10/7/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về tổ chức và hoạt động của trung tâm công nghiệp văn hoá trên địa bàn thành phố Hà Nội	0913232514
02	Nguyễn Hưng Quang		Trưởng VP Luật sư NHQuang&Cộng sự, chuyên gia xây dựng Luật Thủ đô	Luật sư	Nghị quyết số 25/2025/NQ-HĐND ngày 10/7/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố về khu phát triển thương mại và văn hóa trên địa bàn thành phố Hà Nội	0913216898



ĐỀ CƯƠNG

Nội dung tài liệu chuyên đề pháp luật về Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 10/7/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về tổ chức và hoạt động của trung tâm công nghiệp văn hoá trên địa bàn thành phố Hà Nội
(Kèm theo Công văn số /SVHTT-TCPC ngày /9/2025 của Sở Văn hoá và Thể thao)

1. Tên Nghị quyết: Quy định về tổ chức và hoạt động của Trung tâm công nghiệp văn hóa trên địa bàn thành phố Hà Nội (Thực hiện khoản 7 Điều 21 Luật Thủ đô)

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

2.1. Cơ sở pháp lý:

- Theo quy định tại khoản 7, điều 21 Luật Thủ đô quy định: Thành phố Hà Nội được xây dựng trung tâm công nghiệp văn hóa tại bãi sông, bãi nổi sông Hồng và khu vực khác có lợi thế về vị trí không gian và khu vực khác có lợi thế về vị trí không gian văn hóa phù hợp với quy hoạch.

- Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chi tiết thẩm quyền thành lập; trình tự, thủ tục thành lập; việc tổ chức, hoạt động, biện pháp quản lý đối với trung tâm công nghiệp văn hóa và các chính sách ưu đãi đối với trung tâm công nghiệp văn hóa sử dụng nguồn lực của Thành phố.

2.2. Cơ sở thực tiễn:

Thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TU ngày 22/02/2022 của Thành ủy về phát triển công nghiệp văn hóa giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, để tạo bước phát triển toàn diện các ngành công nghiệp văn hóa của Thủ đô cả về quy mô, chất lượng sản phẩm, dịch vụ và thị trường, đảm bảo phát triển bền vững, trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, có tốc độ, tỷ trọng, giá trị gia tăng cao; hoạt động có tính chuyên nghiệp, với kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; dịch vụ, sản phẩm văn hóa đa dạng, có chất lượng, có thương hiệu, đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ của người dân trong nước, thúc đẩy phát triển du lịch và xuất khẩu.

Hà Nội là địa phương có nhiều tiềm năng, lợi thế để phát triển công nghiệp văn hóa. Tuy nhiên, sự phát triển ngành công nghiệp văn hóa của Thủ đô chưa thực sự tương xứng với tiềm năng và lợi thế của Thủ đô, cần có các mô hình đột phá và hệ thống các cơ chế chính sách vượt trội để thúc đẩy các ngành công nghiệp văn hóa phát triển.

Vì vậy, việc ban hành nghị quyết quy định về tổ chức và hoạt động trung tâm công nghiệp văn hóa trên địa bàn thành phố Hà Nội là nhiệm vụ cần thiết để triển khai các mục tiêu trên.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

3.1. Mục đích, ý nghĩa

Xu hướng toàn cầu cho thấy trung tâm công nghiệp văn hóa đang trở thành công cụ quan trọng để phát triển văn hóa bền vững và thúc đẩy kinh tế sáng tạo. Hà Nội có nguồn nhân lực sáng tạo dồi dào, là nơi tập trung nhiều trường đại



học về nghệ thuật, thiết kế, truyền thông; có nhiều ý tưởng sáng tạo, tiềm năng phát triển nội dung số; là trung tâm văn hóa của cả nước, nhưng vẫn chỉ tồn tại dưới dạng tiềm năng, chưa được khai thác một cách hiệu quả, có chiến lược và bài bản. Thành phố có các yếu tố thuận lợi trong việc hình thành các trung tâm nội dung sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp trong lĩnh vực văn hóa. Hà Nội là thành phố sáng tạo được UNESCO công nhận, có cơ hội hợp tác với các thành phố sáng tạo khác trên thế giới. Nghị quyết 09-NQ/TU của Thành ủy đã xác định công nghiệp văn hóa là một trụ cột kinh tế quan trọng. Hà Nội có nhiều lợi thế nhưng cần một chính sách cụ thể để tạo ra các trung tâm công nghiệp văn hóa có mô hình vận hành hiệu quả.

3.2. Đánh giá tác động

3.2.1. Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Thực hiện đúng các quy định của pháp luật và đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn.

- Tạo hành lang pháp lý rõ ràng: Việc ban hành quy định sẽ thiết lập một khung pháp lý cụ thể, giúp các trung tâm công nghiệp văn hóa hoạt động hiệu quả và đúng hướng. Điều này giảm thiểu sự chòng chéo, mâu thuẫn trong quản lý và tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các dự án văn hóa.

- Việc đề xuất Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết phù hợp, đúng thẩm quyền quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Ngân sách nhà nước.

3.2.2. Tác động về kinh tế

- Tác động tích cực: Trung tâm công nghiệp văn hóa giúp tạo ra nhiều cơ hội việc làm trong các ngành công nghiệp sáng tạo, từ việc sản xuất, tổ chức sự kiện đến quảng cáo và truyền thông; Các ngành công nghiệp văn hóa có thể đóng góp đáng kể vào GDP của Việt Nam, Hà Nội thông qua việc xuất khẩu các sản phẩm văn hóa như âm nhạc, phim ảnh, tác phẩm nghệ thuật, và các sản phẩm truyền thông khác; Việc phát triển các trung tâm công nghiệp văn hóa có thể thu hút đầu tư từ các tổ chức trong và ngoài nước, đặc biệt là trong các lĩnh vực như sản xuất phim, âm nhạc, và truyền thông; Các trung tâm công nghiệp văn hóa thường trở thành điểm đến hấp dẫn đối với du khách, từ đó thúc đẩy du lịch văn hóa, giới thiệu các giá trị lịch sử, văn hóa, nghệ thuật đặc sắc của Hà Nội và thúc đẩy các dịch vụ liên quan như lưu trú, ăn uống, mua sắm.

- Thu hút đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp: Quy định rõ ràng về thành lập và hoạt động sẽ tạo niềm tin cho các nhà đầu tư, khuyến khích họ tham gia vào lĩnh vực công nghiệp văn hóa. Đồng thời, các doanh nghiệp sẽ nhận được sự hỗ trợ cần thiết từ chính quyền, như ưu đãi về thuế, đất đai, hạ tầng, giúp họ phát triển bền vững.

- Phát triển hạ tầng và không gian văn hóa: Quy định mới có thể thúc đẩy việc xây dựng các cơ sở hạ tầng chuyên biệt cho hoạt động văn hóa, như trung tâm triển lãm, nhà hát, không gian sáng tạo. Điều này không chỉ đáp ứng nhu cầu của nghệ sĩ và doanh nghiệp mà còn tạo điểm nhấn cho du lịch và đời sống văn hóa của người dân.

3.2.3. Tác động về xã hội

- Tác động tích cực: Trung tâm công nghiệp văn hóa giúp lan tỏa và bảo tồn các giá trị văn hóa, đồng thời nâng cao nhận thức cộng đồng; khuyến khích các cá nhân và tổ chức sáng tạo, từ đó thúc đẩy sự đổi mới trong các ngành công nghiệp văn hóa; Trung tâm công nghiệp văn hóa trở thành điểm gặp gỡ giữa các nghệ sĩ, nhà sản xuất và người tiêu dùng từ các nền văn hóa khác nhau, tạo cơ hội giao lưu và học hỏi lẫn nhau.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Với mô hình hoạt động được quy định rõ ràng, các trung tâm có thể tập trung vào việc đào tạo, phát triển kỹ năng cho nhân lực trong ngành văn hóa, đảm bảo đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

- Tăng cường hợp tác và giao lưu văn hóa: Các trung tâm công nghiệp văn hóa sẽ trở thành cầu nối, thúc đẩy hợp tác giữa các nghệ sĩ, doanh nghiệp trong nước và quốc tế, tạo điều kiện cho việc trao đổi, học hỏi và phát triển các sản phẩm văn hóa đa dạng.

- Tác động tiêu cực: không có.

3.2.4. Tác động về văn hóa

- Tác động tích cực: Trung tâm công nghiệp văn hóa góp phần vào việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, đồng thời tạo ra các sản phẩm văn hóa mang tính đương đại; giúp phát triển các sản phẩm mang đậm bản sắc dân tộc, tạo nên sự khác biệt và đặc trưng trong nền văn hóa quốc gia; trung tâm công nghiệp văn hóa trở thành không gian sáng tạo cho nghệ sĩ và những người làm nghề sáng tạo, giúp họ phát triển và thúc đẩy năng lực sáng tạo; Trung tâm công nghiệp văn hóa là một công cụ mới trong việc nâng cao hình ảnh Hà Nội, đặc biệt thông qua các sự kiện lớn như lễ hội, triển lãm hoặc các chương trình giao lưu văn hóa....

- Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa địa phương: Quy định cụ thể sẽ giúp định hướng các trung tâm tập trung vào việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của Hà Nội, đồng thời kết hợp với yếu tố hiện đại, tạo ra sản phẩm văn hóa độc đáo.

3.2.5. Tác động của thủ tục hành chính

Phát sinh thêm thủ tục hành chính về việc thành lập trung tâm công nghiệp văn hóa nhằm đảm bảo khu vực thực hiện phù hợp với quy hoạch, tuân thủ các quy định về hạ tầng, không gian, phạm vi và loại hình hoạt động, an ninh, PCCC, bảo vệ môi trường và các quy định về tài chính,...

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Trên cơ sở học tập kinh nghiệm mô hình các nước trên thế giới đã thực hiện, đặc biệt là ở Trung Quốc đã triển khai hiệu quả, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan và căn cứ trên tình hình thực tế, UBND Thành phố đã xây dựng Dự thảo Nghị quyết tổ chức và hoạt động trung tâm công nghiệp văn hóa trên địa bàn thành phố Hà Nội gồm 06 chương, 24 điều. Chi tiết như sau:

- Chương I. Những quy định chung về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ; nguyên tắc thành lập và yêu cầu về tổ chức và hoạt động của trung tâm công nghiệp văn hóa.

- Chương II. Quy định thành lập trung tâm công nghiệp văn hóa, quy định về thẩm quyền thành lập, hồ sơ đề nghị, trình tự thủ tục thành lập trung tâm công nghiệp văn hóa.

- Chương III. Quy định tổ chức, hoạt động, cơ chế vận hành, biện pháp quản lý, chính sách ưu đãi và trình tự thủ tục áp dụng chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với trung tâm công nghiệp văn hóa.

- Chương IV. Quyền, nghĩa vụ của trung tâm công nghiệp văn hóa, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động trong trung tâm công nghiệp văn hóa

- Chương V. Trách nhiệm quản lý nhà nước quy định trách nhiệm của UBND Thành phố, sở ngành và UBND các cấp.

- Chương VI. Điều khoản thi hành quy định về trách nhiệm tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành.

5. Điểm mới, quy định vượt trội so với pháp luật hiện hành

Nghị quyết quy định ngân sách Thành phố sẽ hỗ trợ kinh phí đăng ký quyền sở hữu trí tuệ, hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động tổ chức, sản xuất chương trình để khuyến khích các doanh nghiệp tham gia tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, phát triển công nghệ và sản phẩm văn hóa trong trung tâm công nghiệp văn hóa, nhằm góp phần hoàn tăng tỷ lệ tăng trưởng GRDP.

Để hỗ trợ cho Trung tâm CNVH thì Thành phố cần quan tâm ưu tiên những nội dung sau:

- Thành phố ưu tiên lập quy hoạch và bố trí quỹ đất; đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghiệp văn hóa. Ưu tiên xem xét chuyển đổi mục đích sử dụng của công trình tài sản công thành các không gian sáng tạo văn hóa mới để phát triển trung tâm công nghiệp văn hóa.

- Miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Thủ đô,

- Hỗ trợ tiền thuê công trình trong thời hạn tối đa 03 năm đầu thành lập, giảm 50% tiền thuê công trình trong thời hạn tối đa 03 năm tiếp theo.

- Hỗ trợ kinh phí tham gia các chương trình xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch của Thành phố; hỗ trợ quảng bá, truyền thông về trung tâm công nghiệp văn hoá, sản phẩm, dịch vụ văn hoá; hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các ngành công nghiệp văn hóa; hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo thông qua các chương trình tài trợ và vườn ươm doanh nghiệp được thực hiện theo các quy định của Thành phố.

- Hỗ trợ 100% chi phí tư vấn, lệ phí đăng ký quyền sở hữu trí tuệ đối với công nghệ, sản phẩm văn hóa nhưng không vượt quá 50 triệu đồng/hồ sơ đăng ký quyền sở hữu trí tuệ.

- Hỗ trợ 100% kinh phí quảng bá, truyền thông về sự kiện, hoạt động văn hoá, nghệ thuật trên các phương tiện thông tin, truyền thông thuộc Thành phố.

- Hỗ trợ tối đa 40% kinh phí tổ chức, sản xuất chương trình nhưng không quá 200 triệu đồng cho một sự kiện, hoạt động có giá trị đặc sắc về văn hoá, nghệ thuật hoặc có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo tồn, phát huy giá trị văn

hóa của Thủ đô hoặc có tác động tích cực đến việc quảng bá hình ảnh, văn hoá, con người của Thủ đô và đất nước đến cộng đồng quốc tế.

- Hỗ trợ cung cấp thông tin phục vụ hoạt động của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; hỗ trợ việc chuẩn bị hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính có liên quan đến đầu tư, xây dựng, sản xuất, kinh doanh, quyền sở hữu trí tuệ, tổ chức sự kiện, hoạt động văn hoá, nghệ thuật.

Việc ưu đãi, hỗ trợ đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động trong trung tâm công nghiệp văn hóa quy định tại Điều này được cơ quan có thẩm quyền thực hiện trực tiếp hoặc thông qua trung tâm công nghiệp văn hóa.

ĐỀ CƯƠNG

Nội dung tài liệu chuyên đề pháp luật về Nghị quyết số 25/2025/NQ-HĐND ngày 10/7/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố về khu phát triển thương mại và văn hóa trên địa bàn thành phố Hà Nội

*(Kèm theo Công văn số /SVHTT-TCPC ngày /9/2025 của Sở Văn hoá
và Thể thao)*

1. Tên Nghị quyết: Nghị quyết về khu phát triển thương mại và văn hóa trên địa bàn thành phố Hà Nội *(Thực hiện khoản 8 Điều 21 Luật Thủ đô)*

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

2.1. Cơ sở pháp lý:

Tại khoản 8, điều 21 Luật Thủ đô quy định:

“Thành phố Hà Nội được thành lập khu phát triển thương mại và văn hóa trên cơ sở các khu phố, tuyến phố, làng nghề, điểm dân cư nông thôn hiện hữu để huy động nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển các hoạt động dịch vụ, thương mại, văn hóa tại khu vực có lợi thế về vị trí thương mại, không gian văn hóa, trên cơ sở bảo đảm các tiêu chuẩn, điều kiện về văn hóa kinh doanh, an ninh, trật tự, bảo vệ môi trường cao hơn so với quy định chung để thu hút, phát triển du lịch, phát huy giá trị văn hóa, thúc đẩy các hoạt động thương mại trên địa bàn, cải thiện điều kiện sống của người dân, bảo tồn các ngành, nghề truyền thống

.....Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chi tiết khoản này và ban hành Quy chế mẫu của khu phát triển thương mại và văn hóa.”

2.2. Cơ sở thực tiễn:

Việc ban hành Luật Thủ đô trong đó quy định Hà Nội được thành lập khu phát triển thương mại và văn hóa trên cơ sở các khu phố, tuyến phố, làng nghề, điểm dân cư nông thôn hiện hữu để huy động các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển các hoạt động dịch vụ, thương mại, không gian văn hóa sẽ tạo cơ sở để tổ chức lại các khu vực có tiềm năng, lợi thế về thương mại, văn hóa một cách hiệu quả góp phần tăng trưởng một cách bền vững như mô hình khu BID tại một số nước trên thế giới.

Trên thực tế trên địa bàn Thành phố đã manh nha hình thành một số khu vực làng nghề, phố nghề với sự tham gia của các hộ kinh doanh nhằm tạo nên các khu vực để phát huy các giá trị văn hóa đặc sắc trong khu vực, tuy nhiên do chưa có hành lang pháp lý cho các mô hình này hoạt động nên các khu vực này mới chỉ mang tính tự phát, không tận dụng được hết những lợi thế sẵn có cũng như chưa có có hoạt động mang tính bài bản, dài hạn, bền vững.

Do vậy, việc xây dựng Nghị quyết của HĐND Thành phố quy định về Khu phát triển thương mại và văn hóa là rất cần thiết, cần ban hành thực hiện ngay và phù hợp với thẩm quyền và nhiệm vụ được giao tại Luật Thủ đô.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

3.1. Mục đích, ý nghĩa

Nhằm hệ thống hóa các quy định chung làm cơ sở cho mô hình hoạt động của các tuyến phố, không gian văn hóa - du lịch - thương mại dịch vụ - ẩm thực trên địa bàn quận, thị xã thành một khu vực có những lợi thế nhất định, được ưu tiên phát triển và thu hút sự tham gia của các chủ thể vào trong mô hình đó trên cơ sở tự nguyện, cùng mục tiêu phát triển chung và cùng hưởng lợi.

Ưu tiên xây dựng mô hình phố đi bộ gắn với thương mại, dịch vụ; định hướng phát triển sản phẩm du lịch chủ yếu trong khu vực đô thị tập trung vào các loại hình: du lịch văn hóa di sản, lịch sử; du lịch ẩm thực; du lịch mua sắm; dịch vụ vui chơi giải trí;... kết hợp với việc triển khai các không gian xanh, sinh thái tại các khu vực ngoại thành. Tiếp tục mở rộng các tuyến phố đi bộ trong khu vực phố cổ - hồ Hoàn Kiếm, khu vực Văn Miếu - Quốc Tử Giám, hồ Ngọc Khánh,...; mở rộng và nâng cấp chất lượng không gian ẩm thực tại chợ đêm Đồng Xuân, tuyến phố Tống Duy Tân, khu vực Đào Ngọc - Ngũ Xã; tổ chức các không gian bảo tàng cho du lịch ngày và đêm; đa dạng hóa các loại hình hoạt động văn hóa, nghệ thuật, trình diễn thời trang...

3.2. Đánh giá tác động

3.2.1. Tác động đối với hệ thống pháp luật

Thực hiện đúng các quy định của pháp luật và đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn. Không làm ảnh hưởng đến hệ thống pháp luật.

Nghị quyết quy định về mô hình hoạt động, thủ tục thành lập và quy chế hoạt động của khu vực đảm bảo tuân thủ các văn bản pháp luật chuyên ngành.

Việc đề xuất Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết phù hợp, đúng thẩm quyền quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Thủ đô.

3.2.2. Tác động về kinh tế

- Tạo việc làm: Cung cấp cơ hội việc làm cho lao động tại các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cộng đồng dân cư, cá nhân tham gia, tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lý khu phát triển thương mại và văn hóa tại địa phương.

- Tăng trưởng kinh tế: Góp phần gia tăng doanh thu cho doanh nghiệp, tổ chức, cộng đồng dân cư; phát triển thương mại và dịch vụ; Cải thiện điều kiện sống của người dân;

- Thu hút đầu tư: Thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước, gia tăng giá trị bất động sản khu vực; Huy động mọi nguồn lực cho đầu tư để phát triển các hoạt động dịch vụ, thương mại, văn hóa tại khu vực có lợi thế về vị trí thương mại, không gian văn hóa, để thu hút, phát triển du lịch, phát huy giá trị văn hóa, thúc đẩy các hoạt động thương mại.

3.2.3. Tác động về xã hội

- Tác động tích cực: Trung tâm công nghiệp văn hóa giúp lan tỏa và bảo tồn các giá trị văn hóa, đồng thời nâng cao nhận thức cộng đồng; khuyến khích các cá nhân và tổ chức sáng tạo, từ đó thúc đẩy sự đổi mới trong các ngành công nghiệp văn hóa; Trung tâm công nghiệp văn hóa trở thành điểm gặp gỡ giữa các nghệ sĩ, nhà sản xuất và người tiêu dùng từ các nền văn hóa khác nhau, tạo cơ hội giao lưu và học hỏi lẫn nhau.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Với mô hình hoạt động được quy định rõ ràng, các trung tâm có thể tập trung vào việc đào tạo, phát triển kỹ năng cho nhân lực trong ngành văn hóa, đảm bảo đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

- Tăng cường hợp tác và giao lưu văn hóa: Các trung tâm công nghiệp văn hóa sẽ trở thành cầu nối, thúc đẩy hợp tác giữa các nghệ sĩ, doanh nghiệp trong nước và quốc tế, tạo điều kiện cho việc trao đổi, học hỏi và phát triển các sản phẩm văn hóa đa dạng.

- Tác động tiêu cực: không có.

3.2.3. Đánh giá tác động xã hội

- Cải thiện cơ sở hạ tầng: Nâng cấp đường xá, điện, nước, viễn thông tại địa phương có khu phát triển thương mại và dịch vụ; Tạo cảnh quan và trang trí vận hành khu phát triển thương mại văn hóa; Vệ sinh và duy tu đường phố; Trồng cây xanh, trồng hoa và tạo cảnh quan xanh đường phố; Đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện về văn hóa kinh doanh, an ninh, trật tự, bảo vệ môi trường nghiêm ngặt hơn; các cơ sở hạ tầng đều tự nguyện, tự quản; bảo đảm sự đồng thuận của đa số đại diện cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, hộ gia đình trên địa bàn.

- Tác động đến dân cư: được trực tiếp tham gia và phát triển dịch vụ, các hoạt động thương mại, sáng tạo gắn với phát triển văn hóa, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa và ngành, nghề truyền thống, thu hút, phát triển ngành, nghề, du lịch tại địa bàn.

- Văn hóa – xã hội: Góp phần thay đổi lối sống, tạo điều kiện phát triển văn hóa thương mại hiện đại; Tổ chức các sự kiện, lễ hội, chương trình biểu diễn nghệ thuật, văn hóa truyền thống; xây dựng, phát triển các không gian trưng bày, triển lãm, không gian sáng tạo; Các hoạt động đào tạo, truyền dạy nghề truyền thống được bảo tồn, phát huy giá trị; phát triển các nguồn nhân lực nghề và văn hóa; Tổ chức các cuộc tham gia, trải nghiệm các làng nghề, phố nghề, tuyến phố, không gian văn hóa đặc trưng; Cải thiện điều kiện sống của người dân, bảo tồn các ngành, nghề truyền thống; Quảng bá và kết nối du lịch

3.2.4. Tác động của thủ tục hành chính

Phát sinh thủ tục hành chính trong bước xây dựng và trình Đề án phê duyệt: Quyết định thành lập Khu thương mại và văn hoá,; Quyết định thành lập Hội đồng quản lý...

Chính sách ưu đãi khi thành lập và tham gia hoạt động tại Khu thương mại và văn hoá

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Trên cơ sở học tập kinh nghiệm mô hình các nước trên thế giới đã thực hiện, đặc biệt là ở Trung Quốc đã triển khai hiệu quả, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan và căn cứ trên tình hình thực tế, UBND Thành phố đã xây dựng Dự thảo Nghị quyết về khu phát triển thương mại và văn hóa trên địa bàn thành phố Hà Nội gồm 04 chương, 22 điều quy định về điều kiện thành lập, trình tự thủ tục thành lập, tổ chức hoạt động, quản lý, các biện pháp hỗ trợ, trách

nhiệm của các cơ quan, đơn vị và Quy chế mẫu khu phát triển thương mại và văn hóa trên địa Thủ đô. Chi tiết như sau:

- Chương I. Những quy định chung (4 Điều): phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, mục tiêu thành lập; nguyên tắc thành lập, tổ chức, hoạt động, quản lý khu phát triển thương mại và văn hóa. (Cụ thể hóa quy định điểm a, khoản 8 Điều 21 Luật Thủ đô);

- Chương II. Quy định việc thành lập, tổ chức, hoạt động và quản lý của khu phát triển thương mại và văn hóa (13 Điều). Đây là nội dung chính của Nghị quyết, và cụ thể hóa các quy định các điểm b,c,d khoản 8, Điều 21 Luật Thủ đô.

- Chương III. Quy định trách nhiệm quản lý đối với khu phát triển thương mại và văn hóa. (2 Điều) (Cụ thể hóa quy định tại khoản đ khoản 8, Luật Thủ đô).

- Chương IV. Điều khoản thi hành (3 Điều)

- Ban hành kèm theo Quy chế mẫu khu phát triển thương mại và văn hóa trên địa Thủ đô

5. Điểm mới, quy định vượt trội so với pháp luật hiện hành

Cụ thể hóa các quy định việc thành lập, mô hình hoạt động, quy chế hoạt động của Khu phát triển thương mại và văn hóa. Khu phát triển thương mại và văn hóa được thành lập để huy động nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển các hoạt động dịch vụ, thương mại, văn hóa tại khu vực có lợi thế về vị trí thương mại, không gian văn hóa, để thu hút, phát triển du lịch, phát huy giá trị văn hóa, thúc đẩy các hoạt động thương mại bảo tồn các ngành, nghề truyền thống, góp phần cải thiện đời sống của người dân.

Thành phố Hà Nội đặt ra mục tiêu tăng trưởng GRDP năm 2025 đạt 2 con số. Với mục tiêu tăng trưởng GRDP Thành phố 8% thì tỷ lệ tăng trưởng một số ngành dịch vụ công nghiệp văn hóa đặt mục tiêu 10,75% trong khi để đạt mục tiêu tăng trưởng 2 con số thì tỷ lệ tăng trưởng ngành dịch vụ công nghiệp văn hóa cần đạt 16,45%.

Việc ban hành Luật Thủ đô trong đó quy định Hà Nội được thành lập khu phát triển thương mại và văn hóa trên cơ sở các khu phố, tuyến phố, làng nghề, điểm dân cư nông thôn hiện hữu để huy động các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển các hoạt động dịch vụ, thương mại, không gian văn hóa sẽ tạo cơ sở để tổ chức lại các khu vực có tiềm năng, lợi thế về thương mại, văn hóa một cách hiệu quả góp phần tăng trưởng một cách bền vững như mô hình khu BID tại một số nước trên thế giới.